

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
TRISED CO**



MÃ CHỨNG KHOÁN: DAT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024



www.trisedco.com



MỤC LỤC

Thông điệp Chủ tịch Hội đồng quản trị	1
Tóm tắt thông tin tài chính giai đoạn 2020- 2024	3
Thông tin chung về Công ty	5
Quá trình tăng vốn điều lệ	6
Tầm nhìn – Sứ mệnh và Giá trị cốt lõi	7
Lịch sử hình thành và phát triển	9
Ngành nghề kinh doanh - Địa bàn kinh doanh	11
Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức	12
Giới thiệu HĐQT, Ban Điều hành và các thành viên khác	15
Định hướng phát triển năm 2025	21
Chiến lược phát triển giai đoạn 2024 – 2026	22
Kế hoạch kinh doanh 2025	24
Phân tích SWOT	27
Bối cảnh kinh tế vĩ mô và xu hướng	29
Tổng quan về thị trường cá tra và định hướng	31
Báo cáo của Hội đồng quản trị	33
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	38
Báo cáo lực lượng lao động	48

01

Tổng quan
về Trisedco

02

Chiến lược
phát triển

03

Tình hình
hoạt động

Mô hình quản trị và vai trò của các bên	51
Hoạt động của Hội đồng quản trị	53
Hoạt động của Ban Kiểm soát	64
Thù lao, thu nhập khác HĐQT, Ban TGD	66
Thông tin cổ phần và cơ cấu cổ đông	67
Quản trị rủi ro	69

Tổng quan về phát triển bền vững tại Trisedco	74
Quan hệ với các bên liên quan	76
Các yếu tố trọng yếu về phát triển bền vững tại Trisedco	83

Báo cáo tài chính	87
Bảng cân đối kế toán	
Bảng Kết quả hoạt động kinh doanh	
Bảng Lưu chuyển tiền tệ	
Thuyết minh báo cáo tài chính	

04

Quản trị
công ty

05

Phát triển
bền vững

06

Báo cáo
tài chính

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý Cổ đông, Quý đối tác và toàn thể CB – CNV Công ty Cổ phần Đầu tư Du Lịch và Phát triển Thủy Sản (Công ty Trisedco).



Ông Lê Văn Chung – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trước tiên, cho phép tôi – với vai trò là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản (Trisedco) – gửi đến Quý vị lời chào trân trọng cùng lời cảm ơn chân thành nhất vì sự tin tưởng, đồng hành và ủng hộ quý báu của Quý Cổ đông dành cho Công ty trong suốt thời gian qua.

Bối cảnh kinh tế và những thách thức của năm 2024

Năm 2024 tiếp tục ghi nhận nhiều biến động lớn khi kinh tế toàn cầu dự báo tăng trưởng chỉ đạt khoảng 2,9%, thấp hơn mức 3% của năm trước theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF). Lạm phát duy trì ở mức cao tại nhiều quốc gia, trong khi các biện pháp thắt chặt tiền tệ chưa phát huy hiệu quả rõ rệt.

Xung đột địa chính trị kéo dài như căng thẳng Nga - Ukraine, xung đột Israel - Hamas, và tình trạng bất ổn tại Trung Đông tiếp tục làm gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, tạo ra những cú sốc lớn cho thị trường hàng hóa và đẩy chi phí vận hành doanh nghiệp tăng cao. Các nền kinh tế lớn như Mỹ, EU và Trung Quốc đều đối mặt với nguy cơ suy thoái hoặc tăng trưởng yếu, kéo theo nhu cầu tiêu thụ toàn cầu giảm sút.

Tại Việt Nam, ngành thủy sản tiếp tục đối mặt với chi phí logistics cao, hàng tồn kho lớn và rào cản thương mại từ thị trường quốc tế. Tuy nhiên, thách thức cũng mang lại cơ hội cho các doanh nghiệp biết tận dụng thời cơ và tối ưu hóa hoạt động. Với chiến lược quản trị linh hoạt, Trisedco xác định đây là thời điểm quan trọng để đổi mới, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững.

Tuy nhiên, chính trong khó khăn, cơ hội cũng mở ra

cho những doanh nghiệp biết tận dụng thời cơ. Khả năng ứng biến nhanh nhạy, tối ưu hóa sản xuất và quản trị hiệu quả sẽ trở thành lợi thế cốt lõi giúp doanh nghiệp không chỉ trụ vững mà còn phát triển mạnh mẽ hơn trong bối cảnh nhiều biến động.

Những nỗ lực của Trisedco trong năm qua

Trước bối cảnh đó, Trisedco đã không ngừng đổi mới và cải tiến nhằm nâng cao sức cạnh tranh, vượt qua những thử thách của thị trường. Chúng tôi đã kiên trì theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, chú trọng tối ưu hóa chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và kiểm soát chặt chẽ chuỗi cung ứng để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng trong nước cũng như quốc tế.

Nhờ sự ứng phó linh hoạt và kịp thời của Ban lãnh đạo cùng tinh thần đoàn kết, nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên, Trisedco đã hoàn thành tốt các mục tiêu đề ra. Chúng tôi không chỉ duy trì được hoạt động ổn định mà còn đặt nền tảng quan trọng cho giai đoạn phát triển bền vững trong tương lai.

Định hướng năm 2025 – Biến thách thức thành cơ hội

Bước vào năm 2025, bối cảnh kinh tế dự báo vẫn đầy biến động với những thách thức đến từ cạnh tranh thị trường, biến đổi khí hậu và các áp lực thương mại toàn cầu. Tuy nhiên, Trisedco không chỉ xem đây là rào cản mà còn là cơ hội để tái định vị, nâng cao giá trị và phát triển bền vững.

Công ty xác định sẽ tập trung vào ba định hướng chiến lược chính:

- **Mở rộng thị trường và nâng cao vị thế cạnh tranh:** Duy trì khai thác hiệu quả các thị trường hiện



có, đồng thời đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng mới, mở rộng phạm vi kinh doanh và nâng cao giá trị thương hiệu Trisedco.

- **Tối ưu hóa quy trình sản xuất:** Ứng dụng công nghệ mới để cải tiến kỹ thuật, tăng cường tự động hóa nhằm nâng cao năng suất, giảm chi phí và cải thiện chất lượng sản phẩm.

- **Quản lý rủi ro chuỗi cung ứng:** Theo dõi sát sao diễn biến giá cả nguyên vật liệu, thực hiện các biện pháp linh hoạt nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh luôn diễn ra liên tục và hiệu quả.

- **Phát triển nguồn nhân lực:** Tổ chức lại bộ máy quản lý, xây dựng đội ngũ nhân sự có trình độ cao, tinh thần sáng tạo và cam kết phát triển bền vững cùng công ty.

- **Tuân thủ quản trị doanh nghiệp:** Đảm bảo công ty hoạt động minh bạch, hiệu quả và tuân thủ đầy đủ các quy định của doanh nghiệp niêm yết.

Với tinh thần chủ động và quyết liệt, Trisedco cam kết tận dụng tối đa mọi cơ hội từ thị trường để phát triển mạnh mẽ, bền vững và linh hoạt hơn trước những biến động. Ban Lãnh đạo tin tưởng rằng, với sự đồng hành của Quý Cổ đông và nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên, Trisedco sẽ vững bước trên hành trình khẳng định vị thế trong ngành thủy sản Việt Nam.

Lời cam kết và tri ân

Thay mặt Hội đồng Quản trị, Ban Lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên Trisedco, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý Cổ đông, Đối tác và Khách hàng đã luôn tin tưởng, đồng hành cùng Công ty trong suốt chặng đường vừa qua.

Chúng tôi nhận thức sâu sắc rằng mỗi bước tiến

vững vàng của Trisedco đều mang dấu ấn của sự ủng hộ, chia sẻ từ những cá nhân và tổ chức đã đặt niềm tin vào Công ty. Sự đồng hành ấy không chỉ là động lực to lớn giúp chúng tôi vượt qua khó khăn mà còn là kim chỉ nam để không ngừng đổi mới và phát triển.

Trước những biến động của nền kinh tế và thách thức của thị trường trong năm 2025, Trisedco cam kết sẽ tiếp tục tập trung vào đổi mới sáng tạo, nâng cao hiệu quả quản trị và tối ưu hóa các quy trình sản xuất. Chúng tôi kiên định theo đuổi mục tiêu xây dựng một doanh nghiệp bền vững, phát triển linh hoạt trước những thay đổi của thị trường.

Bằng tất cả nỗ lực và quyết tâm, chúng tôi tin tưởng rằng Trisedco sẽ không chỉ vượt qua thách thức mà còn tạo nên những thành tựu đáng tự hào trong tương lai. Một lần nữa, xin chân thành cảm ơn Quý vị và hy vọng sẽ tiếp tục nhận được sự đồng hành, ủng hộ trong hành trình phát triển của Công ty.

Kính chúc Quý Cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng,

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(đã ký)

LÊ VĂN CHUNG

TÓM TẮT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

GIAI ĐOẠN 2020 - 2024

Chi tiêu	2024	2023	2022	2021	2020
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
Doanh thu thuần	2.938,53	2.939,74	2.999,73	2.259,98	2.159,89
(tỷ đồng)					
Lợi nhuận gộp	84,89	125,82	137,95	86,92	113,73
(tỷ đồng)					
Lợi nhuận trước thuế	65,54	83,31	88,69	39,46	57,67
(tỷ đồng)					
Lợi nhuận sau thuế	58,88	75,31	80,10	34,66	51,92
(tỷ đồng)					
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
Tổng tài sản (tỷ đồng)	1.521,14	1.662,60	1.752,66	1.626,25	1.639,16
Nợ phải trả (tỷ đồng)	620,52	820,86	986,37	942,69	992,89
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	900,62	841,74	766,29	683,56	646,27
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU					
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (%)	2,00%	2,56%	2,67%	1,53%	2,40%
Thu nhập trên tổng tài sản bình quân (ROAA) (%)	3,86%	4,53%	4,58%	2,13%	3,17%
Thu nhập trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROEA) (%)	6,54%	8,93%	10,46%	5,07%	8,04%



THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

**TRISED CO****CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH
VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN**

Tên giao dịch	: Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản
Tên tiếng anh	: Travel Investment And Seafood Development Corporation
Tên viết tắt	: TRI.SED.CO
Giấy chứng nhận ĐKDN số	: 1600 895 650
Địa chỉ trụ sở	: Quốc lộ 80, Cụm Công Nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại	: 02773 680 660
Fax	: 02773 680 660
Vốn điều lệ	: 692.283.410.000 VND
Vốn chủ sở hữu	: 900.615.136.734 đồng (tại thời điểm 31/12/2024)
Website	: www.trisedco.com
Mã chứng khoán	: DAT
Sàn niêm yết	: HOSE
Ngày bắt đầu niêm yết	: 05/11/2015
Mệnh giá cổ phiếu	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	: 69.228.341 cổ phiếu

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN

Tính đến ngày 31/12/2024, Công ty đã hoàn tất 10 lần điều chỉnh vốn điều lệ, ghi nhận bước phát triển vượt bậc khi vốn đăng ký ban đầu từ 53 tỷ đồng đã tăng lên 692,28 tỷ đồng. Quá trình điều chỉnh vốn không chỉ là minh chứng cho sự mở rộng quy mô hoạt động mà còn thể hiện niềm tin ngày càng lớn từ các nhà đầu tư vào tiềm năng phát triển của Công ty.

Nhằm đảm bảo tính minh bạch và tuân thủ các quy định pháp luật, toàn bộ hoạt động tăng vốn đã được kiểm toán kỹ lưỡng bởi đơn vị kiểm toán độc lập, với kết quả minh chứng cho sự phù hợp và hiệu quả của các quyết định tài chính. Song song đó, Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ báo cáo lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời hoàn tất việc lưu ký toàn bộ số cổ phần phát hành bổ sung. Điều này góp phần củng cố nền tảng tài chính bền vững và tạo đà cho giai đoạn phát triển tiếp theo trong chiến lược dài hạn của Công ty.

Quá trình tăng vốn như sau:

Thời gian	Vốn bổ sung (VND)	Vốn điều lệ sau khi phát hành (VND)	Phương pháp
2008		25.228.087.622	Vốn ban đầu dưới hình thức công ty cổ phần
12/2009	72.714.438.487	97.942.526.109	Phát hành cổ phiếu phổ thông riêng lẻ
11/2010	24.048.473.891	125.951.526.109	Phát hành cổ phiếu phổ thông riêng lẻ
12/2011	24.048.473.891	150.000.000.000	Phát hành cổ phiếu phổ thông riêng lẻ
01/2015	230.000.000.000	380.000.000.000	Phát hành cổ phiếu phổ thông riêng lẻ
01/2015	1.000.000.000	381.000.000.000	Phát hành cho cán bộ nhân viên
01/2018	57.149.200.000	438.149.200.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu
07/2019	21.904.930.000	460.054.130.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu
03/2022	92.010.040.000	552.064.170.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu
09/2022	77.286.870.000	629.351.040.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu
07/2024	62.932.370.000	692.283.410.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu

TẦM NHÌN – SỨ MỆNH VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI



TIẾP TỤC NÂNG TẦM VỊ THẾ DOANH NGHIỆP TRÊN THỊ TRƯỜNG ĐỨNG ĐẦU VIỆT NAM CỦA NGÀNH BỘT CÁ, MỠ CÁ, CHỦ ĐỘNG HOÀN THIỆN NĂNG LỰC, SẴN SÀNG CẠNH TRANH TRONG KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ



TRISED CO LUÔN CUNG CẤP SẢN PHẨM LÀM TỪ PHỤ PHẨM CÁ TRÁ VỚI CHẤT LƯỢNG VÀ DỊCH VỤ CAO. NÂNG CAO TẦM GIÁ TRỊ CỦA CÁ TRÁ TRÊN TOÀN THẾ GIỚI THÔNG QUA NHỮNG CẢI TIẾN LIÊN TỤC, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ CẢI THIẾN HIỆU QUẢ TRONG MỌI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH.



CAM KẾT: CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN, HIỆU QUẢ



SÁNG TẠO: KHÔNG NGỪNG KHÁC BIỆT ĐỂ PHÁT TRIỂN



TRÁCH NHIỆM: LẤY TRÁCH NHIỆM, HỢP TÁC, ĐÃI NGỘ LÀM PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐỘNG



HỢP TÁC: LẤY SỰ THÀNH CÔNG CÙNG ĐỐI TÁC LÀM MỤC TIÊU LÂU DÀI

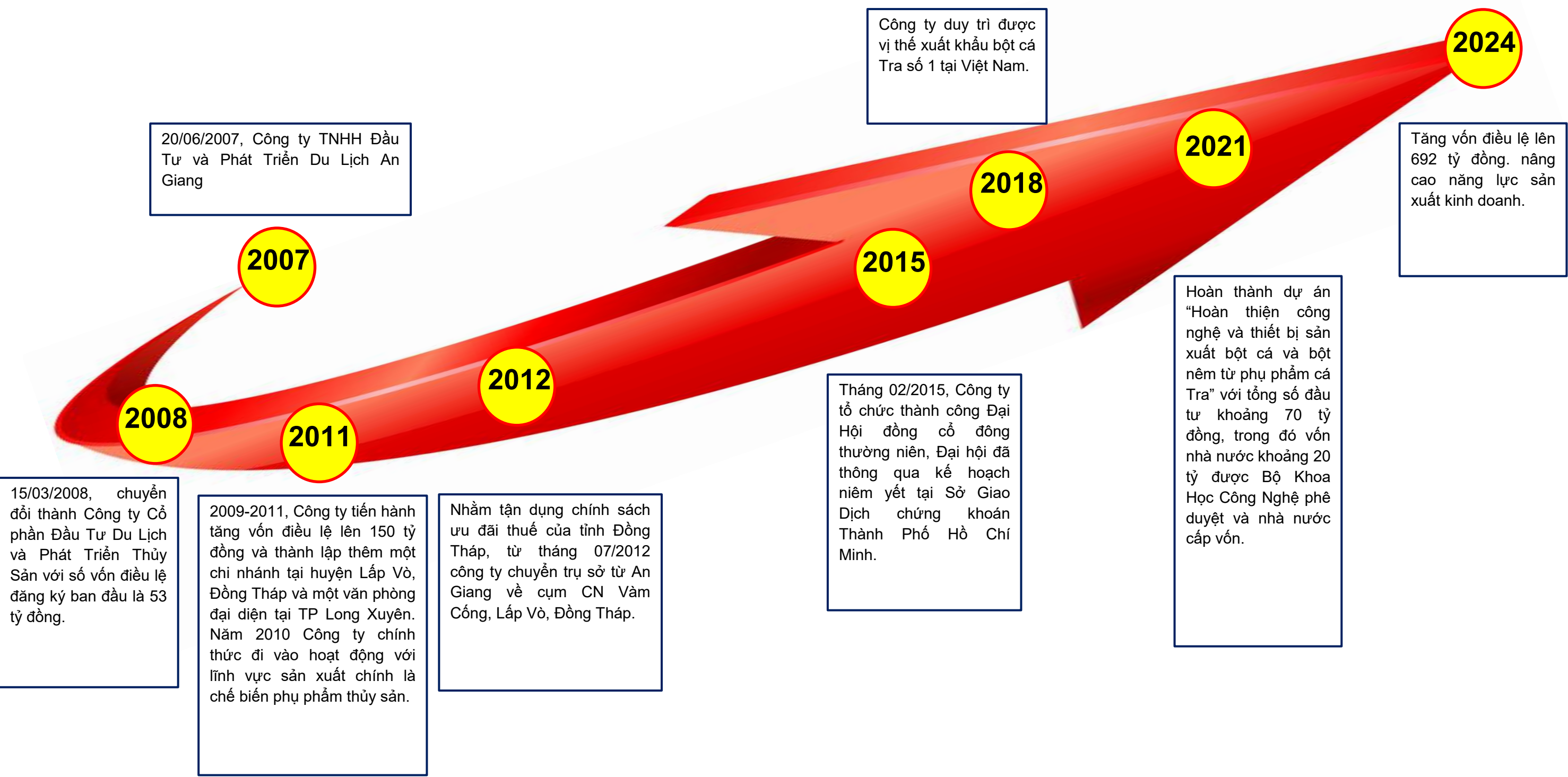


ĐẠO ĐỨC: LẤY UY TÍN, ĐẠO ĐỨC KINH DOANH LÀM NIỀM TỰ HÀO CỦA CÔNG TY



CHIA SẺ: LẤY LỢI ÍCH XÃ HỘI LÀM KHỞI SỰ CHO MỌI HOẠT ĐỘNG

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh chính: Trisedco là một trong những công ty cung cấp bột cá – mỡ cá lớn của Việt Nam và đang hướng đến mục tiêu trở thành công ty cung cấp bột cá – mỡ cá số 1 của Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của Trisedco tập trung vào ba sản phẩm chính là sản xuất kinh doanh bột cá, mỡ cá và sản phẩm phụ.

BỘT CÁ



Bột cá là sản phẩm giàu đạm, được chế biến từ nhiều nguồn nguyên liệu như thịt cá, cá tạp, cá nguyên con, đầu, xương cá và các phụ phẩm khác trong quá trình chế biến. Đặc biệt, bột cá tra nổi bật nhờ khả năng cung cấp nguồn đạm chất lượng cao, giàu dinh dưỡng và rất quý giá cho ngành chăn nuôi.

Protein từ bột cá không chỉ chứa đầy đủ các axit amin thiết yếu như lysine, tyrosine, tryptophan, cystine và methionine mà còn có hàm lượng cao hơn so với thịt. Đạm từ cá tươi dễ tiêu hóa và hấp thụ hơn, đồng thời cung cấp năng lượng, khoáng chất và vitamin thiết yếu.

Bột cá được sử dụng phổ biến trong sản xuất thức ăn cho gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản nhờ hàm lượng protein dễ tiêu hóa, axit béo chưa no cùng các khoáng chất quý giá. Đặc biệt, thành phần omega-3 trong bột cá đóng vai trò quan trọng trong việc gia tăng giá trị dinh dưỡng, tạo ra những sản phẩm thức ăn chăn nuôi hoàn chỉnh, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả sản xuất nông nghiệp.

MỠ CÁ



Mỡ cá tra – basa là nguyên liệu có giá trị cao, được ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực như sản xuất thức ăn gia súc, dầu biodiesel, dầu bôi trơn công nghiệp và đặc biệt là dầu ăn giàu dinh dưỡng dành cho con người.

Điểm nổi bật của mỡ cá tra là nguồn dưỡng chất tự nhiên phong phú, bao gồm hàm lượng protein cao – yếu tố quan trọng trong sản xuất thức ăn chăn nuôi, cùng các axit béo thiết yếu như SFA (axit béo no), MUFA và PUFA (axit béo không no), Omega-3 (EPA, DHA) và nhiều loại vitamin giá trị.

Những dưỡng chất này đóng vai trò quan trọng trong việc giảm cholesterol trong máu, cải thiện sức khỏe tim mạch, hỗ trợ phòng ngừa các bệnh mãn tính không lây. Đặc biệt, DHA và EPA có trong mỡ cá giúp tăng cường chỉ số IQ cho trẻ em, hỗ trợ duy trì chức năng não bộ ở người cao tuổi, góp phần xây dựng chế độ dinh dưỡng lành mạnh và bền vững cho cộng đồng.

SẢN PHẨM PHỤ



Trong quá trình chế biến cá tra tươi sống thành sản phẩm xuất khẩu, ngoài thành phẩm chính thu được còn có một lượng lớn phụ phẩm giá trị gia tăng, chiếm khoảng 67% khối lượng nguyên liệu đầu vào. Các phụ phẩm này thường bao gồm mỡ cá, bụng cá, bong bóng cá, bao tử cá... đều có giá trị dinh dưỡng cao và được sử dụng trong nhiều món ăn bổ dưỡng hàng ngày.

ĐỊA BÀN KINH DOANH



Hiện nay, Trisedco đang tái cấu trúc hoạt động sản xuất nhằm tối ưu công suất và nâng cao hiệu quả vận hành, đáp ứng mục tiêu tăng trưởng bền vững trong dài hạn..

Thị trường tiêu thụ trong nước: Trisedco khẳng định vị thế là nhà cung cấp nguyên liệu thức ăn gia súc hàng đầu Việt Nam. Bên cạnh việc duy trì hợp tác với các đối tác chiến lược lớn như Tongwei Việt Nam, Hải Đại..., công ty còn không ngừng mở rộng mạng lưới nội địa để tìm kiếm thêm những đối tác chiến lược mới, củng cố năng lực phát triển thị trường.

Thị trường tiêu thụ quốc tế: Trung Quốc tiếp tục là thị trường xuất khẩu bột cá chủ lực của Trisedco, với sự hợp tác chặt chẽ cùng các khách hàng lớn như Guangdong, Guangzhou và Xiamen C&D. Bên cạnh đó, Trisedco tự hào là đối tác chiến lược cung cấp mỡ cá cho Neste (Singapore) – đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực năng lượng tái tạo.

Với chiến lược phân tán rủi ro theo nguyên tắc "không để trứng vào một giỏ," Trisedco đã tích cực tìm kiếm và xây dựng thêm các thị trường tiềm năng tại Nhật Bản, Thái Lan và nhiều quốc gia khác, mở ra cơ hội phát triển mới cho doanh nghiệp trên trường quốc tế.

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Trung Quốc	169	226,7	189,5	59,9
Singapore	0	166,1	156,0	117,3
Nhật Bản	17,4	17,5	37,8	5,8
EU – Italia	0	0	0	46,63
Khác	23,7	0	0	0
Việt Nam	2.049,9	2.584,4	2.556,5	2.708,87
TỔNG	2.260	2.995	2.939,8	2.938,5

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Hiện tại, Trisedco vận hành theo mô hình quản trị doanh nghiệp được quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 137 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020 bởi Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Việc áp dụng mô hình này thể hiện cam kết của Công ty trong việc tuân thủ pháp luật, nâng cao hiệu quả quản trị và minh bạch hóa hoạt động kinh doanh.

CƠ CẤU TỔ CHỨC

- **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):** Là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, có thẩm quyền biểu quyết và quyết định mọi hoạt động quan trọng của doanh nghiệp. ĐHCĐ chịu trách nhiệm bầu, bãi nhiệm Hội đồng quản trị (HDQT) và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

- **Hội đồng quản trị (HDQT):** Là tổ chức quản lý cao nhất, được ĐHCĐ bầu ra với nhiệm kỳ không quá 5 năm, có thể tái cử nhiều lần. HDQT có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định và thực hiện các quyền, nghĩa vụ ngoài phạm vi thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. HDQT Trisedco gồm 5 thành viên, trong đó có 4 thành viên không điều hành, bao gồm 1 Chủ tịch và 2 thành viên độc lập. Trực thuộc HDQT là Ban Kiểm toán nội bộ với 3 thành viên, gồm 1 Trưởng Ban Kiểm toán và 2 thành viên khác, cùng với Người quản trị công ty kiêm thư ký HDQT.

Cơ cấu quản trị của Trisedco bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát. Theo quy định, ít nhất 20% thành viên trong Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập, nhằm đảm bảo tính minh bạch, khách quan và nâng cao hiệu quả quản lý doanh nghiệp.

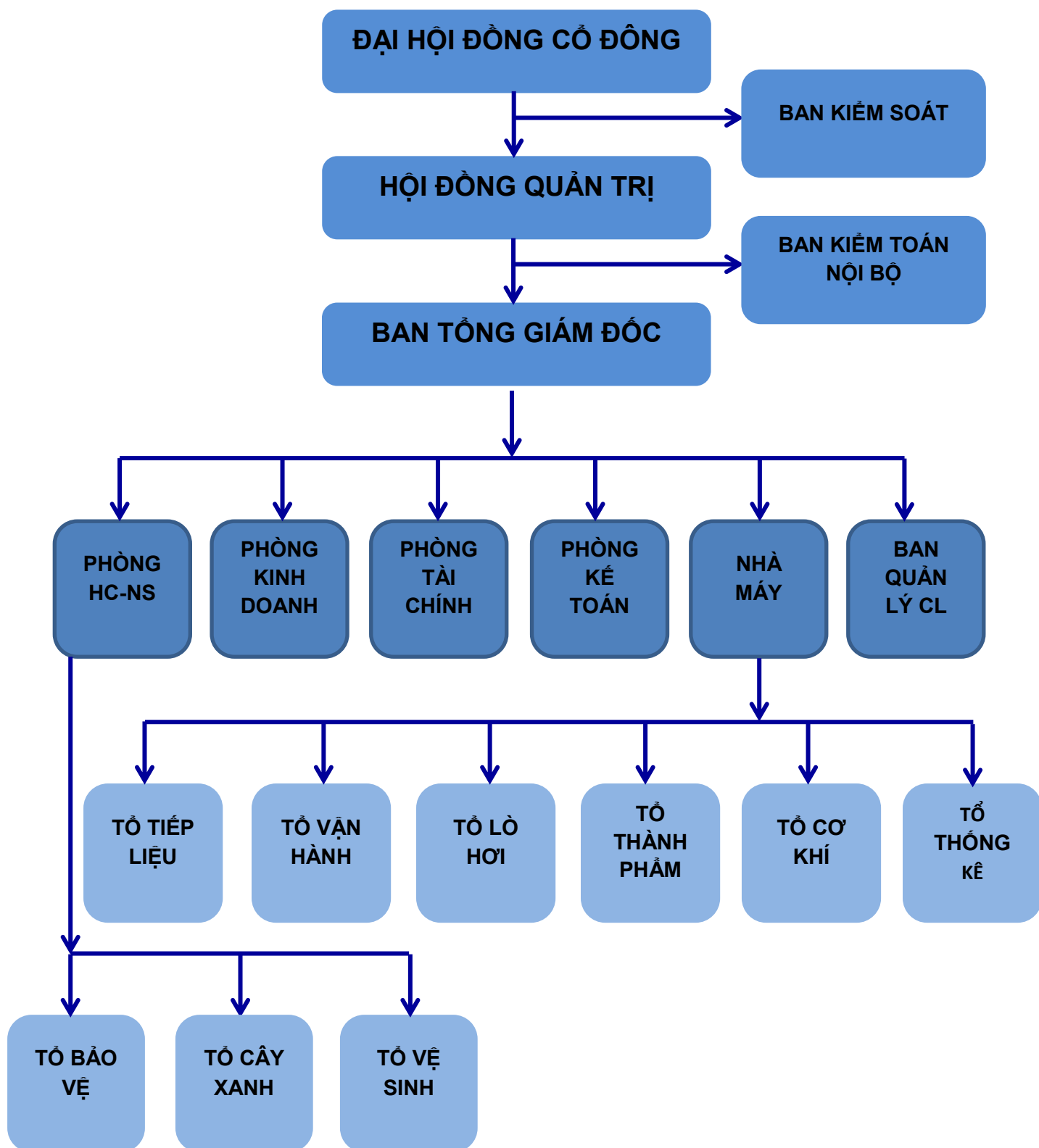
- **Ban Kiểm soát (BKS):** Được ĐHCĐ bầu ra với nhiệm vụ giám sát việc quản trị và hoạt động kinh doanh của Công ty, đồng thời kiểm tra việc tuân thủ Điều lệ, Nghị quyết và quyết định của HDQT. BKS gồm 3 thành viên, bao gồm 1 Trưởng Ban và 2 thành viên khác.

- **Ban Tổng Giám đốc (TGD):** Gồm 3 người, bao gồm 1 TGD và 2 Phó TGD. TGD do HDQT bổ nhiệm, chịu trách nhiệm điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, dưới sự giám sát của HDQT, đồng thời chịu trách nhiệm trước HDQT và pháp luật. Phó TGD hỗ trợ TGD theo sự phân công và ủy quyền, chịu trách nhiệm trực tiếp trước TGD và pháp luật.

- **Các khối, phòng, ban chức năng:** Là bộ phận tham mưu cho Ban TGD trong việc quản lý, điều phối các lĩnh vực hoạt động của Công ty. Các đơn vị này thực hiện nhiệm vụ triển khai, cụ thể hóa công việc theo chỉ đạo của Ban TGD nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được vận hành hiệu quả.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

- Xem trang bên

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU
TỔ CHỨC

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Lê Văn Chung – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông sinh năm 1964, tại Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa.

Quá trình công tác:

- 1984 – 1987, ông làm việc tại Xí nghiệp Liên Hiệp Đường Sắt Huế.
- 1987 – 1991, Làm việc tại Cộng Hòa Dân Chủ Đức
- 1991 – 1994, Ông về Việt Nam công tác tại Công ty liên doanh kiến trúc AG.
- 1994 – 1997, Ông được bổ nhiệm làm Đội trưởng xây dựng Công ty Xây dựng Miền tây
- Từ 1997 ông tham gia thành lập và điều hành Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang
- Năm 2003, Ông tham gia thành lập và điều hành Công ty Cổ phần Đầu Tư & Phát Triển Đa Quốc Gia IDI

Hội đồng Quản trị

Hiện nay, Ông giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Trisedco. Ngoài ra, ông còn đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tập Đoàn Sao Mai. Ông đang nắm giữ 218.951 cổ phần của Công ty Trisedco, chiếm 0,32% vốn điều lệ.



Ông Lê Thanh Thuận – Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông sinh năm 1958, Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa.

Quá trình công tác:

- 1977 – 1979, công tác tại Sở Xây Dựng tỉnh An Giang.
- 1979 – 1980, Cán bộ tại Sở Quản Lý Nhà Đất tỉnh An Giang.
- 1982 – 1986, Chánh Văn Phòng Ủy Ban Xây Dựng cơ bản Nhà nước AG.
- 1986 – 1992, Giám đốc Công ty Liên Doanh Kiến Trúc An Giang.
- 1992 – 1995, Giám đốc xí nghiệp Xây Dựng Tây Sông Hậu thuộc Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai
- 1997 – 2023, Tổng Giám đốc của Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Sao Mai.

Hội đồng Quản trị

Hiện nay, Ông giữ chức vụ thành viên HĐQT Trisedco. Ngoài ra, ông còn là Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu Tư & Phát Triển Đa Quốc Gia IDI. Ông đang nắm giữ 2.725.569 cổ phần của Công ty Trisedco, chiếm 3,94% vốn điều lệ.

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

	<p>Ông Lê Quốc Mạnh – Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó TGD</p> <p>Ông sinh năm 1993, tại Long Xuyên, An Giang.</p> <p>Quá trình công tác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2013 – 2016, trợ lý Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI - Từ 2015 – 2017, Phó Giám đốc xí nghiệp thức ăn thủy sản thuộc Tập đoàn Sao Mai An Giang - 2017 – 01/2025: Phó Tổng Giám đốc Công ty Trisedco - 04/2023 ông được bổ nhiệm làm thành viên HĐQT Công ty Trisedco. - 01/2025, Tổng Giám Đốc Công ty TNHH Sao Mai SuperFeed
Hội đồng Quản trị	
	<p>Ông: Trần Hiếu - Thành viên HĐQT độc lập</p> <p>Ông sinh năm 1953, Hải Hưng, Hưng Yên</p> <p>Quá trình công tác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm 1972 – 1977, tham gia chiến đấu tại chiến trường Quân Khu 6; - Tháng 06/1977, Công tác tại văn phòng Kế hoạch Ty Xây Dựng An Giang; - Tháng 10/1979, trưởng phòng Kế hoạch Công ty Vật Liệu Xây Dựng AG; - Tháng 08/1989, Trưởng phòng Tổ chức – Công trình Đô Thị An Giang; - Tháng 12/1993 – 11/1999, tự kinh doanh vật liệu xây dựng ; - Tháng 12/1999 – 2005, trưởng phòng tổ chức Công ty Nam Việt An Giang - 06/2020, được bổ nhiệm làm thành viên HĐQT độc lập của Cty Trisedco
Hội đồng Quản trị	
	<p>Bà: Hoàng Thị Thanh - Thành viên HĐQT độc lập</p> <p>Bà sinh năm 1963, tại Thanh Hóa</p> <p>Bà được bầu là thành viên HĐQT độc lập vào tháng 06/2020.</p> <p>Trước đây bà Thanh kinh doanh tự do.</p>
Hội đồng Quản trị	

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI QUẢN TRỊ CÔNG TY



Ông Lê Văn Lâm

Ông sinh năm 1973, tại Triệu Sơn, Thanh Hóa.

Quá trình công tác:

- Năm 1999 – 2002, Đội trưởng Đội xây dựng số 11 của Sao Mai.
- Năm 2003 – 2006 Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng Miền Đông Công ty Sao Mai.
- Từ năm 2006 – 2009 Phó Giám đốc Ban quản lý dự án CCN Vàm Cống – IDI
- Từ năm 2010 đến tháng 09/2011 Phó Giám đốc, Giám đốc Nhà máy phụ phẩm Trisedco và Phó Tổng Giám đốc Công ty Trisedco.
- Tháng 10/2011, Phó Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Sao Mai.
- Tháng 07/2018, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản.

Tổng Giám Đốc

Hiện nay, ông giữ chức vụ TGD Công ty Trisedco. Ngoài ra ông còn giữ Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhứt Hồng. Ông nắm giữ 906 cổ phần của Công ty Trisedco, chiếm 0,0013% vốn điều lệ.



Ông Lê Hoàng Cường

Ông Sinh năm 1985, tại Thạnh Đông A, Tân Hiệp, Kiên Giang.

Quá trình công tác:

- Năm 2008, Kế toán tại Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI.
- 2009 – 2013: Kế toán Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Sao Mai
- 2013: Trưởng BKS CTCP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI, công tác tại Phòng Tài chính Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản
- 2013 – 8/2016: Giám đốc tài chính Trisedco
- 8/2016 – 01/2017: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu Cá Châu Á
- 01/2017: Phó Tổng Giám đốc Công ty Trisedco

Phó Tổng Giám Đốc

Hiện nay, Ông giữ chức vụ PTGD Công ty Trisedco. Ông đang nắm giữ 906 cổ phần của Công ty Trisedco, chiếm 0,0013% vốn điều lệ.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI QUẢN TRỊ CÔNG TY



Ông Nguyễn Gia Thuận

Ông Sinh năm 1978, tại Thạnh Thắng, Thốt Nốt, Cần Thơ

Quá trình công tác:

- Năm 2002, là Kế toán tổng hợp tại Công ty CP Đầu Tư & Xây Dựng Sao Mai tỉnh An Giang.
- Năm 2008 – 11/2009 ông được bổ nhiệm làm Kế toán tổng hợp tại Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI
- Từ tháng 11/2009 đến nay, giữ chức vụ Kế toán trưởng tại Công ty Trisedco.

Kế Toán Trưởng

Hiện nay, ông giữ chức Kế Toán Trưởng. Ông đang nắm giữ 726 cổ phần, chiếm 0,001% vốn điều lệ.



Ông Phan Thiện Phú

Ông Sinh năm 1984, tại An Giang

Quá trình công tác:

- Từ 09/2006 – 12/2008: giáo viên giảng dạy tại trường Trung học Kinh tế - Kỹ thuật An Giang (nay là Trường Cao Đẳng nghề An Giang)
- Từ 01/2009 – 02/2017, Phó trưởng Khoa Kinh tế trường Cao đẳng nghề An Giang.
- Từ 03/2017 – 05/2017, nhân viên tài chính Công ty CP Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản
- Từ 06/2017 – 06/2018, phó Giám đốc Kinh doanh Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản
- 07/2018 đến nay, giám đốc Kinh doanh Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản
- 04/2023, ông được bổ nhiệm là người quản trị Công ty kiêm thư ký Công ty Trisedco.

**Thư ký kiêm Quản trị
Công ty**

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Bà Lê Thành Thủy Linh - Trưởng Ban Kiểm soát

Bà sinh năm 1984, tại Châu Thành, Bến Tre

Quá trình công tác:

- 2008-2009, làm việc tại Tập đoàn dệt may Việt Nam (Vinatex)
- 2010-2012, làm việc tại Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Tuấn.
- 2014 làm việc tại Tập đoàn Sao Mai (cán bộ phát triển sản phẩm)
- 2015 đến tháng 02/2017 làm việc tại Trisedco chức vụ GDKD
- tháng 03 đến tháng 07/2017 làm việc tại Tập đoàn Sao Mai (Trợ lý TGD tập đoàn)
- 08/2017 đến nay làm tại Công ty dầu cá Châu Á (Trợ lý TGD kiêm GDKD Công nghiệp)
- Tháng 04/2023, được bổ nhiệm là thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản.

Ban Kiểm soát



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Thành viên Ban Kiểm soát

Bà sinh năm 1990, tại Lấp Vò, Đồng Tháp

Quá trình công tác:

- Từ tháng 08/2013 đến nay, công tác tại Phòng Kinh doanh Bất Động Sản của Tập Đoàn Sao Mai.
- Tháng 04/2023, được bổ nhiệm là thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản.

Ban Kiểm soát



Ông Nguyễn Hữu Dũng - Thành viên Ban Kiểm soát


Ông sinh năm 1988, tại Đông Sơn, Thanh Hóa


Quá trình công tác:


- 08/2012 – 11/2013, nhân viên kỹ thuật tại Công ty CP TM và DV HTC VN;
- 11/2014 - 12/2017, NV xí nghiệp chế biến thức ăn thủy sản tại Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI
- 01/2018 đến nay, Công tác tại Công ty TNHH Sao Mai SuperFeed.
- 04/2023, ông được bổ nhiệm là thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản.

Ban Kiểm soát

GIỚI THIỆU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

	<p>Bà Trần Thụy Thanh Thảo</p> <p>Bà Sinh năm 1989, tại Sóc Trăng.</p> <p>Quá trình công tác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 2003 – nay, kế toán tại CTCP Tập Đoàn Sao Mai - Tháng 06/2020, được bổ nhiệm làm Trưởng Ban Kiểm Toán Nội Bộ.
<p>Trưởng Ban Kiểm Toán Nội Bộ</p>	<p>Hiện nay, bà đang nắm giữ 270 cổ phần của Công ty Trisedco.</p>

	<p>Ông Trần Bảo Đông</p> <p>Ông Sinh năm 1983, tại Long Xuyên, An Giang</p> <p>Quá trình công tác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 2007 – nay, kế toán viên tại CTCP Tập Đoàn Sao Mai, Kế toán trưởng Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát. - Tháng 06/2020, được bổ nhiệm làm Thành viên Ban Kiểm Toán Nội Bộ.
<p>Thành viên Ban Kiểm Toán Nội Bộ</p>	<p>Hiện nay, ông đang nắm giữ 270 cổ phần Công ty Trisedco.</p>

	<p>Bà Mai Thanh Thúy Vy</p> <p>Bà Sinh năm 1995, tại Long Xuyên, An Giang</p> <p>Quá trình công tác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10/2017 – 05/2023 nhân viên tài chính tại Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản; - Tháng 04/2023, được bổ nhiệm làm Thành viên Ban Kiểm Toán Nội Bộ. - 06/2023 đến nay, phó Giám đốc tài chính tại Công ty Trisedco.
<p>Thành viên Ban Kiểm Toán Nội Bộ</p>	

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2025

Trisedco không ngừng nỗ lực phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả hoạt động để khẳng định vị thế là nhà cung cấp bột cá và mỡ cá hàng đầu, uy tín tại thị trường trong nước và quốc tế. Công ty kiên định với mục tiêu giữ vững vị trí Top đầu trong lĩnh vực xuất khẩu bột cá – mỡ cá, góp phần nâng tầm giá trị ngành thủy sản Việt Nam

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

Trong định hướng chiến lược năm 2025, Ban Lãnh đạo Trisedco nhận định rằng môi trường kinh tế - xã hội nói chung và ngành thủy sản nói riêng sẽ tiếp tục đối mặt với những biến động khó lường. Các yếu tố bất ổn về kinh tế, chính trị toàn cầu có dấu hiệu gia tăng. Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam vẫn được đánh giá có tiềm năng phục hồi nhanh và mạnh mẽ hơn so với nhiều quốc gia khác.

Trước bối cảnh đó, Trisedco xác định việc nâng cao nội lực và tối ưu hoạt động là yếu tố cốt lõi. Công ty cam kết bám sát nhu cầu thị trường, đưa ra các quyết sách linh hoạt, chắc chắn và hiệu quả để duy trì sự phát triển bền vững.

Nhờ kinh nghiệm dày dặn trong hoạt động sản xuất kinh doanh bột cá và mỡ cá, Trisedco đã xây dựng hệ thống nguồn lực sẵn sàng đáp ứng yêu cầu vận hành liên tục, ngay cả trong điều kiện thị trường biến động. Đồng thời, công ty cũng chủ động thiết lập nhiều kịch bản dự phòng nhằm kịp thời ứng phó với những thách thức không mong đợi.

Với tinh thần kiên cường, Trisedco luôn sẵn sàng đương đầu và vượt qua mọi thử thách, quyết tâm thực hiện thành công các mục tiêu và chỉ tiêu đã đề ra, tiếp tục khẳng định vị thế là đơn vị tiên phong trong ngành sản xuất bột cá – mỡ cá tại thị trường trong nước và quốc tế.

1 Mục tiêu sản xuất: Đảm bảo vận hành khu vực sản xuất an toàn, ổn định và hiệu quả, đặc biệt tập trung vào công tác điều hành tại nhà máy sản xuất bột cá. Qua đó, không chỉ tối ưu hóa quy trình sản xuất mà còn nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu suất hoạt động.

2 Mục tiêu đầu tư: Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư hiện đại hóa máy móc và dây chuyền sản xuất bột cá, mỡ cá theo công nghệ tiên tiến. Trisedco đặt trọng tâm vào việc nâng cao năng suất, tối ưu chi phí sản xuất và đảm bảo chất lượng sản phẩm vượt trội, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao từ thị trường trong nước và quốc tế trong năm 2025.

3 Mục tiêu phát triển thị trường năm 2025:

- **Thị trường xuất khẩu:** Trisedco tiếp tục chiến lược mở rộng quy mô xuất khẩu bột cá và mỡ cá, không ngừng nâng cao uy tín thương hiệu trên thị trường quốc tế. Công ty đặt trọng tâm vào việc củng cố và duy trì vị thế ổn định tại thị trường Trung Quốc, đồng thời đẩy mạnh phát triển thị phần tại các thị trường tiềm năng như EU, Mỹ, Thái Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Malaysia, Indonesia,... Đặc biệt, tập trung vào các giải pháp phục hồi mạnh mẽ hoạt động xuất khẩu mỡ cá, gia tăng giá trị và sản lượng bán hàng toàn cầu.

- **Thị trường nội địa:** Tiếp tục phát triển bền vững thị trường trong nước thông qua việc tăng cường cung ứng bột cá, mỡ cá cho các nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi nội địa. Đẩy mạnh hợp tác với các đối tác chiến lược, đảm bảo đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về chất lượng và ổn định nguồn cung.

4 Mục tiêu doanh thu lợi nhuận: Hoàn thành mục tiêu doanh thu 3.000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 70 tỷ đồng.

5 Mục tiêu phát triển bền vững:

- Tiếp tục giữ vững vị trí hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất và chế biến bột cá và mỡ cá tại Việt Nam.

- Phát huy những thế mạnh hiện có về chất lượng sản phẩm và các yếu tố khác.

- Tăng cường các hoạt động quảng bá thương hiệu và xúc tiến thương mại, nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh. Xây dựng thương hiệu gắn liền với tiêu chuẩn chất lượng và khả năng truy xuất nguồn gốc, đồng thời củng cố năng lực quản lý từ khâu nguyên liệu đến chế biến xuất khẩu.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2024 -2026

PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

Trisedco không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, tối ưu hóa vận hành dây chuyền sản xuất bột cá và mỡ cá nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe của thị trường trong nước và quốc tế. Công ty chú trọng quản lý an toàn, đảm bảo hiệu suất hoạt động cao, góp phần gia tăng giá trị sản phẩm và tối ưu hóa năng lực cạnh tranh.



ĐỊNH HƯỚNG ĐẦU TƯ

- Trong những năm qua, công ty Trisedco đã đẩy mạnh đầu tư máy móc thiết bị, nhà xưởng cho đến nay đã hoàn thiện và hoạt động ổn định. Do đó, trong năm 2024 tập trung vào việc khai thác, sử dụng có hiệu quả các cơ sở vật chất đã được đầu tư trước đây trên cơ sở thực hiện kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên trong quá trình sử dụng.
- Đẩy mạnh đầu tư vào hạ tầng quản lý và kiến trúc thượng tầng, nâng cao năng lực điều hành toàn diện, tạo nền tảng vững chắc cho hoạt động khai thác và phát triển nguồn lực.
- Xây dựng hệ thống quản trị nhân sự chuyên nghiệp, cải tiến chế độ lương thưởng và phúc lợi nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và thu hút nhân tài.



PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

- Duy trì và mở rộng thị phần nội địa thông qua việc cung cấp các sản phẩm bột cá và mỡ cá chất lượng cao, giá thành cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu đa dạng của các nhà máy thức ăn chăn nuôi.
- Tăng cường hợp tác với đối tác quốc tế, mở rộng thị trường xuất khẩu, đặc biệt tại khu vực Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan và Singapore.
- Tích cực tìm hiểu các quy định pháp lý quốc tế, tận dụng tối đa các ưu đãi từ hiệp định thương mại khi tham gia thị trường nước ngoài.
- Đẩy mạnh quảng bá thương hiệu và sản phẩm của Trisedco thông qua việc tham gia hội chợ triển lãm và hội nghị quốc tế chuyên ngành.



QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ VỐN

- Áp dụng các giải pháp kiểm soát chi phí chặt chẽ, tối ưu hóa quản lý dòng tiền và ngân sách, nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính.
- Đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ, giảm thiểu rủi ro tài chính và gia tăng nguồn lực phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Sắp xếp nguồn vốn hợp lý, khôi phục và đầu tư mạnh mẽ vào cơ sở vật chất, đảm bảo dây chuyền sản xuất hoạt động hiệu quả.
- Xây dựng kế hoạch vốn chi tiết, đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh theo từng giai đoạn, tận dụng tối đa mọi nguồn lực để phát triển bền vững.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2024 -2026

AN TOÀN LAO ĐỘNG



- Duy trì thành tích an toàn tuyệt đối trong vận hành sản xuất, nâng cao hiệu suất hoạt động nhằm gia tăng lợi thế cạnh tranh, từ đó thúc đẩy lòng tin của đối tác và mở rộng cơ hội tại thị trường quốc tế.

- Tối ưu hóa quy trình vận hành, đảm bảo hoạt động liên tục và ổn định của các dây chuyền sản xuất thông qua công tác bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và sửa chữa kịp thời thiết bị, máy móc.

- Đẩy mạnh các giải pháp nâng cao nhận thức và kỹ năng về an toàn lao động cho đội ngũ nhân sự nhà máy, tăng cường các khóa huấn luyện chuyên sâu.

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ NGUỒN LỰC



- Đánh giá và sàng lọc nguồn lực hiệu quả, tập trung đào tạo chuyên sâu nhằm phát triển đội ngũ nhân sự chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường.

- Quan tâm cải thiện môi trường làm việc, triển khai chính sách đãi ngộ cạnh tranh và thu hút nguồn nhân lực giàu kinh nghiệm trong ngành sản xuất bột cá – mỡ cá.

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ



- Tích cực trích lập và sử dụng quỹ phát triển khoa học công nghệ để nghiên cứu, đổi mới công nghệ sản xuất, tăng cường hiệu quả sản xuất bột cá – mỡ cá, nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế.

ĐÀO TẠO



- Đẩy mạnh chương trình đào tạo đội ngũ nhân sự tại nhà máy, nâng cao năng lực vận hành dây chuyền và chất lượng dịch vụ sản xuất.

- Tập trung đào tạo chuyên sâu về kỹ thuật và quản lý vận hành, nâng cao tay nghề nhân sự nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất bền vững và cạnh tranh toàn cầu.

AN TOÀN MÔI TRƯỜNG



- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật và tiêu chuẩn quốc tế về đánh giá tác động môi trường, đảm bảo mọi hoạt động sản xuất không gây ảnh hưởng tiêu cực đến hệ sinh thái.

- Định kỳ tổ chức đánh giá môi trường và tái kiểm tra hàng năm, đồng thời triển khai các biện pháp kiểm soát rủi ro môi trường.

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025

KẾ HOẠCH THU MUA NGUYÊN LIỆU

Trisedco chủ yếu sử dụng nguồn nguyên liệu phụ phẩm từ các công ty thành viên trong Tập đoàn Sao Mai và các nhà cung cấp khác trong phạm vi 20-30km. Dự kiến trong năm 2025, các công ty thành viên của Tập đoàn Sao Mai sẽ sản xuất trung bình khoảng 10.000 tấn nguyên liệu/tháng, trong đó 6.000 tấn nguyên liệu/tháng sẽ được cung cấp cho Trisedco.

Để đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định và đáp ứng nhu cầu sản xuất, Trisedco sẽ triển khai kế hoạch thu mua một cách linh hoạt và hiệu quả, cụ thể:

- **Theo dõi sát sao sản lượng thực tế** từ các công ty thành viên và điều chỉnh kế hoạch thu mua kịp thời để đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất.
- **Đánh giá định kỳ năng lực cung ứng** của các công ty thành viên và các nhà cung cấp bên ngoài, đảm bảo nguyên liệu đạt chất lượng và số lượng theo kế hoạch.
- **Tăng cường hợp tác với các nhà cung cấp** trong phạm vi cho phép, xây dựng mối quan hệ bền vững nhằm đảm bảo tính ổn định và chủ động trong nguồn nguyên liệu.

Với cách tiếp cận chủ động, linh hoạt và chặt chẽ, Trisedco cam kết đảm bảo nguồn cung nguyên liệu ổn định, tạo tiền đề cho hoạt động sản xuất hiệu quả và phát triển bền vững trong năm 2025.



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH

Trung Quốc mở cửa biên giới, thúc đẩy xuất khẩu bột cá: Việc dỡ bỏ hàng rào biên giới tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thương mại giữa các nước, đặc biệt là xuất khẩu thủy sản. Trung Quốc hiện là quốc gia có nhu cầu tiêu thụ bột cá lớn nhất thế giới, điều này mở ra cơ hội gia tăng sản lượng xuất khẩu cho các doanh nghiệp ngành thủy sản. Tuy nhiên, sự cạnh tranh trong thị trường này cũng sẽ ngày càng gay gắt, đòi hỏi doanh nghiệp phải có chiến lược sản xuất hiệu quả, đảm bảo chất lượng sản phẩm và tối ưu hóa chi phí.

Tác động từ căng thẳng Nga - Ukraine và giá dầu thế giới: Cuộc xung đột kéo dài giữa Nga và Ukraine cùng với các biện pháp cấm vận kinh tế đã khiến giá dầu thế giới duy trì ở mức cao. Điều này dẫn đến chi phí vận chuyển và sản xuất tăng lên, ảnh hưởng đến toàn bộ chuỗi cung ứng ngành thủy sản. Tuy nhiên, trong bối cảnh này, mỡ cá tra nổi lên như một nguồn nguyên liệu quan trọng cho ngành sản xuất biodiesel. Nhu cầu ngày càng gia tăng từ các nhà máy chế biến thức ăn thủy sản và thức ăn chăn nuôi tạo ra cơ hội lớn cho doanh nghiệp khai thác và phát triển sản phẩm từ nguồn nguyên liệu này.

Tình hình kinh tế toàn cầu suy thoái, ảnh hưởng đến xuất khẩu thủy sản: Nền kinh tế thế giới đang đối mặt với nguy cơ suy thoái, lạm phát tại nhiều quốc gia lớn như Mỹ và EU vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt. Điều này làm giảm sức mua của người tiêu dùng, tác động trực tiếp đến nhu cầu nhập khẩu thủy sản, khiến các doanh nghiệp xuất khẩu gặp nhiều thách thức. Không chỉ vậy, sự sụt giảm trong tiêu thụ cũng làm ảnh hưởng đến nguồn cung nguyên liệu cho các nhà máy chế biến phụ phẩm, đòi hỏi doanh nghiệp phải có phương án thích ứng kịp thời.



KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH

Điều chỉnh linh hoạt kế hoạch sản xuất kinh doanh: Trisedco sẽ chủ động cập nhật và điều chỉnh chiến lược kinh doanh theo sát diễn biến thị trường, đảm bảo sự linh hoạt trong hoạt động vận hành và phân bổ nguồn lực hợp lý nhằm duy trì hiệu quả sản xuất.

Nâng cao khả năng dự báo thị trường: Công ty sẽ tận dụng dữ liệu và công nghệ để phân tích xu hướng cung - cầu, dự đoán biến động giá cả nguyên liệu, từ đó xây dựng kế hoạch sản xuất phù hợp, tối ưu hóa tồn kho và đảm bảo nguồn cung ổn định.

Tối ưu hóa quy trình sản xuất: Trisedco đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại, cải tiến kỹ thuật trong quy trình chế biến nhằm tăng năng suất, giảm hao phí nguyên liệu, nâng cao chất lượng sản phẩm và tối ưu hóa chi phí sản xuất.

Tăng cường khả năng thích ứng với thị trường: Công ty sẽ mở rộng danh mục sản phẩm, linh hoạt trong chiến lược giá và đa dạng hóa phương thức tiếp cận khách hàng, đảm bảo đáp ứng tốt nhất nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Đảm bảo phát triển bền vững: Trisedco cam kết kết hợp giữa tăng trưởng kinh doanh với trách nhiệm môi trường và xã hội, áp dụng các tiêu chuẩn sản xuất xanh, tiết kiệm năng lượng, giảm tác động đến hệ sinh thái, hướng đến sự phát triển bền vững và lâu dài.



KẾ HOẠCH TIÊU THỤ

Công ty sẽ triển khai một kế hoạch chi tiết nhằm phân tích và nắm bắt nhu cầu thị trường, đồng thời dự báo giá cả để có thể chủ động điều chỉnh chiến lược mua bán hàng hóa, từ đó nâng cao hiệu quả kinh doanh. Để giảm thiểu sự phụ thuộc vào một thị trường cụ thể, công ty sẽ mở rộng và đa dạng hóa kênh xuất khẩu sang các quốc gia tiềm năng như Thái Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc, và Singapore.

Điều này sẽ không chỉ giúp công ty giảm thiểu rủi ro mà còn mở ra cơ hội gia tăng doanh thu từ nhiều nguồn khác nhau. Song song với việc tìm kiếm những cơ hội mới này, công ty cũng sẽ tiếp tục củng cố và phát triển thị trường truyền thống tại Trung Quốc để duy trì lượng khách hàng ổn định nhất định, đồng thời phát triển các sản phẩm phù hợp với nhu cầu và xu hướng tiêu dùng tại địa phương.

Đội ngũ bán hàng và tiếp thị sẽ được tăng cường để thực hiện những chiến dịch tiếp thị hiệu quả, từ đó quảng bá mạnh mẽ thương hiệu Trisedco và nâng cao nhận thức về các sản phẩm của công ty. Công ty cũng sẽ đầu tư vào nghiên cứu và phát triển để cải tiến chất lượng sản phẩm, đảm bảo đáp ứng được các tiêu chuẩn cao nhất và nhu cầu ngày càng đa dạng của thị trường quốc tế.

Ngoài ra, việc thiết lập các hợp tác chiến lược với các đối tác tại các thị trường mới cũng sẽ được xem xét, nhằm tận dụng các nguồn lực địa phương và tối nhất hóa quy trình phân phối. Qua đó, Trisedco sẽ tìm kiếm sự cân bằng và linh hoạt tối ưu để thích ứng nhanh chóng với biến động của thị trường toàn cầu, đồng thời phát triển bền vững và nâng cao vị thế cạnh tranh trong ngành công nghiệp thủy sản.



KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025

DỰ KIẾN KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2025	
CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2025
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.000.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế TNDN	70.000.000.000

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Tối ưu hóa bộ máy nhân sự:

- **Tinh gọn tổ chức:** Rà soát cơ cấu tổ chức để loại bỏ các vị trí chồng chéo, trung gian; Sắp xếp lại bộ máy theo hướng tinh giản nhưng đảm bảo tính hiệu quả và linh hoạt.
- **Phát huy năng lực nhân viên:** Đào tạo chuyên môn định kỳ, nâng cao kỹ năng quản lý và làm việc nhóm; Tạo điều kiện để nhân viên đề xuất sáng kiến cải tiến, tăng cường hiệu quả làm việc; Thiết lập hệ thống đánh giá hiệu suất (KPI, OKR) để ghi nhận và khen thưởng kịp thời; Xây dựng chính sách đãi ngộ công bằng, chế độ phúc lợi hấp dẫn để giữ chân nhân tài.

Dự đoán biến động giá cả:

- **Theo dõi và dự báo giá:** Sử dụng các công cụ phân tích dữ liệu để nhận diện xu hướng giá của bột cá, mỡ cá và các nguyên liệu đầu vào; Liên tục cập nhật thông tin thị trường và tình hình kinh tế thế giới để dự đoán các biến động có thể xảy ra.
- **Điều chỉnh chiến lược kinh doanh:** Đàm phán với nhà cung cấp để ký kết hợp đồng mua nguyên liệu dài hạn, giảm thiểu rủi ro biến động giá; linh hoạt điều chỉnh giá bán theo tình hình thị trường và chiến lược kinh doanh của công ty; duy trì kho dự trữ nguyên liệu với quy mô phù hợp để đảm bảo nguồn cung ổn định.

Tìm kiếm đối tác chiến lược:

- **Mở rộng thị trường xuất khẩu:** Tăng cường xúc tiến thương mại, tham gia các hội chợ quốc tế để tìm kiếm đối tác mới; Đa dạng hóa thị trường tiêu thụ bột cá và mỡ cá, hạn chế phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc bằng cách tìm kiếm cơ hội ở Nhật Bản, Hàn Quốc, EU, và Mỹ.
- Khai thác thế mạnh của Trisedco: Xây dựng thương hiệu mạnh với các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế như ISO, HACCP; Đẩy mạnh chiến dịch quảng bá thương hiệu trên các nền tảng truyền thông số và truyền thống; Hợp tác với

các đối tác logistics uy tín để đảm bảo hàng hóa đến tay khách hàng một cách an toàn và đúng hẹn.

Ra mắt sản phẩm mới:

- Nghiên cứu và phát triển: Tiến hành khảo sát nhu cầu thị trường để đảm bảo sản phẩm đáp ứng xu hướng tiêu dùng; Hợp tác với các viện nghiên cứu và chuyên gia để phát triển công thức bột nêm đảm bảo dinh dưỡng và chất lượng.
- Đầu tư sản xuất: Trang bị dây chuyền chiết xuất và sấy khô hiện đại để giữ nguyên hàm lượng dinh dưỡng của xương cá; Áp dụng quy trình khép kín đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Phát triển sản phẩm dựa trên nghiên cứu thị trường, đảm bảo đáp ứng nhu cầu khách hàng.
- Đẩy mạnh sự đa dạng hóa danh mục sản phẩm, tạo thêm giá trị gia tăng cho công ty.

Giám sát và đánh giá:

- Thiết lập hệ thống giám sát: Lập báo cáo định kỳ về tình hình triển khai các giải pháp kinh doanh, từ đó phân tích và đề xuất điều chỉnh kịp thời.
- Đánh giá rủi ro: Xác định các yếu tố rủi ro tiềm ẩn trong quá trình triển khai và đưa ra các biện pháp dự phòng; Đảm bảo có kế hoạch ứng phó linh hoạt trong trường hợp thị trường hoặc nội bộ xảy ra biến động.

Các giải pháp trên được xây dựng nhằm đảm bảo Trisedco không chỉ tối ưu hóa nguồn lực, giảm thiểu rủi ro mà còn gia tăng năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường và phát triển bền vững.

PHÂN TÍCH SWOT



- Tầm nhìn chiến lược rõ ràng: Trisedco hướng tới khát vọng trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất bột cá và mỡ cá, đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn cho thị trường nội địa và xuất khẩu. Chiến lược phát triển của công ty luôn bám sát mục tiêu bền vững và đổi mới.

- Nguồn lực hỗ trợ mạnh mẽ: Với sự hợp tác hiệu quả từ Tập đoàn Sao Mai, Trisedco được hưởng lợi từ nguồn lực tài chính dồi dào và các dự án đầu tư hiện đại. Điều này không chỉ giúp công ty thu hút nhân tài xuất sắc mà còn gia tăng khả năng đầu tư và phát triển nghiên cứu khoa học (R&D) cũng như huy động vốn.

- Đội ngũ nhân sự xuất sắc: Đội ngũ lãnh đạo và nhân viên chủ chốt của Trisedco là những người có nhiều năm kinh nghiệm và gắn bó với công ty. Bên cạnh đó, lực lượng bán hàng chuyên nghiệp với bề dày tham gia hội thảo và hội chợ thương mại tại nhiều khu vực đã tạo ra một nguồn lực quý giá, góp phần thúc đẩy sự sáng tạo và đổi mới trong mọi hoạt động của công ty.

- Mạng lưới đối tác và khách hàng vững chắc: Trisedco đã xây dựng một mạng lưới đối tác đồng hành và khách hàng thân thiết lâu dài, tạo điều kiện thuận lợi để gia tăng doanh thu từ cả sản phẩm tự sản xuất và sản phẩm thương mại. Các mối quan hệ này mang lại sự uy tín và tin cậy trong suốt quá trình phát triển.

- Hệ thống quản trị minh bạch: Hệ thống quản trị của Trisedco được thiết lập trên nền tảng chuyên nghiệp và tuân thủ các tiêu chuẩn quản trị hiện hành. Tôn chỉ quản trị của công ty là tạo ra môi trường thuận lợi để mỗi cá nhân có thể phát huy tối đa tiềm năng sáng tạo và chủ động.

- Nguồn nguyên liệu phong phú: Trisedco chủ động nguồn nguyên liệu đầu vào nhờ vào sự phối hợp chặt chẽ với các công ty thành viên của Tập đoàn Sao Mai. Tập đoàn có quy trình khép kín từ khâu giống đến nuôi trồng và chế biến cá fillet xuất khẩu, đảm bảo chất lượng và ổn định cho sản phẩm.



- Cơ sở hạ tầng sản xuất chưa đồng bộ: Mặc dù Trisedco sở hữu cơ sở hạ tầng sản xuất hiện đại, nhưng vẫn chưa hoàn toàn đáp ứng được nhu cầu thực tế cũng như tốc độ phát triển nhanh chóng của thị trường hiện nay.

- Quá trình đầu tư chậm trễ: Công tác đầu tư vẫn gặp nhiều trở ngại, đặc biệt là đối với các dự án lớn cần phải trải qua nhiều cấp phê duyệt, dẫn đến việc triển khai không kịp thời so với dự kiến.

- Khả năng khai thác công nghệ chưa tối ưu: Dù có chiến lược ứng dụng công nghệ sản xuất, Trisedco vẫn chưa tận dụng hết hiệu quả từ các chiến lược đã triển khai. Hệ thống vẫn thiếu những ứng dụng đột phá có khả năng tạo ra sự khác biệt lớn.

- Cạnh tranh khốc liệt về giá cả và chất lượng: Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng dữ dội từ các sản phẩm bột cá biển có độ đậm cao từ các quốc gia như Peru và Chile, bột cá Tra của Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều thách thức trong việc khẳng định vị thế và chiếm ưu thế trên thị trường.

- Phụ thuộc vào thị trường xuất khẩu duy nhất: Thị trường xuất khẩu hiện tại chủ yếu tập trung vào Trung Quốc, dẫn đến sự phụ thuộc lớn vào thị trường này. Điều này tạo ra rủi ro cao và cần thiết phải đa dạng hóa thị trường xuất khẩu để giảm thiểu ảnh hưởng từ biến động của một thị trường đơn lẻ.

- Kế hoạch Marketing và bán hàng chưa hiệu quả: Dù đã có cải tiến trong kế hoạch marketing và bán hàng qua từng năm, nhưng kết quả đạt được vẫn chưa cao. Việc tìm kiếm khách hàng mới và mở rộng thị trường tiêu thụ gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến khả năng phát triển bền vững của công ty.

- Khan hiếm nguồn nhân lực: Tuyển dụng nhân sự vẫn chưa theo kịp với nhu cầu tăng trưởng nhanh chóng của Trisedco. Số lượng lao động tuyển dụng chưa đủ để đáp ứng cho các hoạt động sản xuất và kinh doanh, gây áp lực cho đội ngũ hiện tại.

PHÂN TÍCH SWOT



- **Khả quan về xuất khẩu:** Khi đại dịch Covid-19 được kiểm soát toàn cầu, xu hướng xuất khẩu tiếp tục tăng trưởng. Điều này mang lại lợi thế cho Việt Nam với nền tảng kinh tế vĩ mô vững chắc, khả năng kiểm soát tốt bệnh tật và sản xuất ổn định. Việt Nam sẵn sàng đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của thế giới.

- **Đa dạng hóa nguồn lực R&D:** Là thành viên của Tập đoàn Sao Mai, Trisedco có cơ hội phát triển nghiên cứu và phát triển (R&D) từ các mối quan hệ hợp tác, liên doanh, liên kết, chuyển giao công nghệ và mua các đề tài khoa học. Điều này mở ra nhiều cơ hội để công ty đổi mới và cải tiến.

- **Ưu đãi và tự chủ:** Chính sách của Nhà nước và các Hiệp định thương mại song phương tạo điều kiện cho Trisedco có nhiều ưu đãi và tự do trong sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, công ty nhận được sự quan tâm và đầu tư của Nhà nước, hỗ trợ cho các chương trình nghiên cứu phát triển, xúc tiến thương mại, tiếp thị và quan hệ công chúng, góp phần tạo hình ảnh tốt cho ngành bột cá trong tương lai.

- **Sản lượng thị trường mở rộng:** Thị trường bột cá ngày càng mở rộng và có tiềm năng lớn. Thị trường Trung Quốc, dù có nhiều thách thức, vẫn có nhu cầu không giới hạn. Bên cạnh đó, các thị trường khác như Thái Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc và Singapore cũng có nhiều hứa hẹn. Trisedco có cơ hội mở rộng thị trường và tăng sản lượng.

- **Tập đoàn Sao Mai mở cửa cho công nghệ mới:** Với cơ hội hội nhập kinh tế, nhiều nhà sản xuất thiết bị và dây chuyền sản xuất tiếp cận thị trường Việt Nam. Điều này tạo điều kiện cho Trisedco tiếp cận với công nghệ sản xuất mới, hiện đại và hiệu quả hơn.

- **Chi phí sản xuất gia tăng:** Chưa kiểm soát được chi phí, do giá nguyên vật liệu và chi phí sản xuất ngày càng tăng.

- **Cạnh tranh lao động:** Lực lượng lao động trực tiếp của Trisedco đang phải cạnh tranh với nhiều ngành nghề khác nhau, dẫn đến khó khăn trong việc thu hút và giữ chân nhân viên có tay nghề cao.

- **Rào cản thương mại và kỹ thuật:** Các rào cản về thương mại và kỹ thuật của các nước nhập khẩu.

- **Kiểm soát chất lượng:** Việc mở rộng kinh doanh thương mại đồng nghĩa với việc tăng khả năng cung ứng hàng hóa, nhưng đồng thời cũng gây khó khăn trong việc kiểm soát chất lượng sản phẩm. Nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng có thể gây thiệt hại cho danh tiếng của Trisedco.

- **Bảo hộ hàng nội địa:** Sự bảo hộ hàng nội địa của các nước nhập khẩu cao, yêu cầu về chất lượng sản phẩm xuất khẩu ngày càng khó khăn.

- **Cạnh tranh từ sản phẩm thay thế:** Thị trường đang ngày càng khốc liệt với sự gia tăng của các sản phẩm thay thế từ các quốc gia khác, đòi hỏi Trisedco phải không ngừng cải tiến và đổi mới để giữ vững vị thế cạnh tranh.

- **Ảnh hưởng môi trường và khí hậu:** Các vấn đề liên quan đến môi trường và khí hậu có thể tác động tiêu cực đến chất lượng và số lượng cá Tra, dẫn đến nhiều thách thức trong việc đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào ổn định cho Trisedco.

- **Áp lực giá thị trường:** Là công ty xuất khẩu bột cá Tra hàng đầu, Trisedco có ảnh hưởng lớn đến giá thị trường. Tuy nhiên, việc thu mua nguồn hàng chất lượng cao với giá hợp lý gặp nhiều khó khăn do sự phụ thuộc vào các yếu tố bên ngoài.

- **Tình hình thị trường Trung Quốc:** Trung Quốc được coi là một thị trường khó tính, với khả năng điều tiết bột cá nhập khẩu chặt chẽ. Lợi nhuận biên từ mặt hàng này là thấp và có sự tăng trưởng rất chậm, gây khó khăn cho Trisedco trong việc duy trì và mở rộng doanh thu.

BỐI CẢNH KINH TẾ VĨ MÔ VÀ XU HƯỚNG 2025

TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ 2024

Năm 2024, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục có những bước tiến mạnh mẽ, vượt qua nhiều thách thức và khẳng định vị thế quan trọng trên bản đồ kinh tế toàn cầu. Dưới đây là những điểm nổi bật về tình hình kinh tế và triển vọng trong năm:

1. Tăng trưởng GDP: GDP dự kiến tăng trưởng ở mức 6% - 6.5%, khẳng định khả năng phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế sau giai đoạn khó khăn. Sự tăng trưởng này được thúc đẩy bởi:

- Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo: Đóng vai trò chủ chốt nhờ mở rộng sản xuất và cải tiến công nghệ.
- Dịch vụ thương mại và du lịch: Phục hồi mạnh mẽ với sự gia tăng nhu cầu tiêu dùng nội địa và hoạt động kinh doanh quốc tế.
- Đầu tư hạ tầng: Hệ thống giao thông, năng lượng được đầu tư đồng bộ, tạo nền tảng cho phát triển dài hạn.

2. Hoạt động xuất khẩu: Tổng kim ngạch xuất khẩu ước đạt 330-340 tỷ USD, ghi nhận sự tăng trưởng tích cực nhờ:

- Các mặt hàng chủ lực: Điện thoại, linh kiện điện tử, dệt may, nông sản và thực phẩm chế biến.
- Thị trường quốc tế: Xuất khẩu sang Mỹ, EU và ASEAN tăng trưởng mạnh nhờ các hiệp định thương mại tự do và chiến lược xúc tiến thương mại hiệu quả.

3. Nhập khẩu và cán cân thương mại: Giá trị nhập khẩu ước tính khoảng 320 tỷ USD, chủ yếu phục vụ sản xuất công nghiệp và tiêu dùng nội địa.

- Cán cân thương mại duy trì xuất siêu, góp phần ổn định tỷ giá và củng cố vị thế tài chính quốc gia.
- Hàng hóa nhập khẩu: Tập trung vào thiết bị công nghệ cao và nguyên liệu phục vụ sản xuất.

4. Lạm phát và ổn định giá cả: Lạm phát duy trì ở mức kiểm soát 3-4%, nhờ:

- Chính sách quản lý giá cả linh hoạt: Hạn chế tăng giá các mặt hàng thiết yếu.
- Sản xuất nông nghiệp ổn định: Đảm bảo nguồn cung thực phẩm trong nước.

5. Đầu tư nước ngoài (FDI): Dòng vốn FDI ước tính đạt 20-22 tỷ USD, tập trung vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghệ cao.

- Chính sách thu hút đầu tư hiệu quả: Cải cách hành chính và ưu đãi thuế cho doanh nghiệp.
- Đối tác đầu tư lớn: Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore và EU tiếp tục là những nhà đầu tư chiến lược.

6. Thương mại và dịch vụ: Ngành dịch vụ phục hồi mạnh mẽ, với doanh thu dự kiến tăng trưởng trên 10%.

- Du lịch: Lượng khách quốc tế ước đạt 10-12 triệu lượt nhờ chính sách mở cửa và các chương trình xúc tiến du lịch.

- Thương mại điện tử: Phát triển vượt bậc với sự gia tăng của dịch vụ mua sắm và thanh toán trực tuyến.

7. Hạ tầng kinh tế: Chính phủ đầu tư mạnh vào hạ tầng giao thông, năng lượng và công nghệ thông tin.

- Các dự án trọng điểm: Cao tốc Bắc Nam, cảng biển quốc tế và hệ thống điện năng lượng tái tạo được triển khai tích cực.
- Hạ tầng công nghệ: Mạng lưới 5G và trung tâm dữ liệu quốc gia tiếp tục được mở rộng.

8. Công nghiệp và nông nghiệp: Ngành công nghiệp tăng trưởng khoảng 6-7%, trong khi nông nghiệp duy trì sự ổn định và chuyển đổi mạnh mẽ.

- Công nghiệp chế biến, chế tạo: Nâng cao giá trị gia tăng thông qua áp dụng công nghệ cao.
- Nông nghiệp: Chuyển đổi sang mô hình sản xuất nông sản chất lượng cao, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế.

9. Thị trường lao động: Tỷ lệ thất nghiệp được duy trì ở mức thấp, khoảng 2.5-3%, nhờ phát triển mạnh mẽ của các ngành nghề trong lĩnh vực dịch vụ và công nghiệp. Chính phủ cũng chú trọng đến đào tạo nghề và nâng cao kỹ năng lao động.

10. Chính sách kinh tế vĩ mô: Các chính sách tài khóa và tiền tệ được triển khai một cách linh hoạt nhằm hỗ trợ tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô. Ngân hàng nhà nước tiếp tục duy trì chính sách lãi suất hợp lý để kích thích đầu tư.

BỐI CẢNH KINH TẾ VĨ MÔ VÀ XU HƯỚNG 2025

TRIỂN VỌNG KINH TẾ NĂM 2025

Năm 2025, nền kinh tế Việt Nam được kỳ vọng tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực, khẳng định vị thế trong khu vực và quốc tế. Với sự phục hồi ổn định, cải cách chính sách và tận dụng cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do, kinh tế Việt Nam hứa hẹn đạt nhiều thành tựu nổi bật.

1. Chỉ số kinh tế vĩ mô

- **Tốc độ tăng trưởng GDP:** Dự kiến đạt 6,5% - 7%, được thúc đẩy bởi đầu tư nước ngoài, tiêu dùng nội địa và xuất khẩu.
- **Lạm phát:** Kiểm soát trong mức 3% - 4%, nhờ chính sách tài khóa và tiền tệ linh hoạt.
- **Thuế nhập khẩu:** Duy trì khoảng 15% - 20% nhằm bảo vệ sản xuất trong nước.
- **Dòng vốn FDI:** Ước tính đạt 20 - 25 tỷ USD, tập trung vào công nghiệp chế biến, công nghệ cao và năng lượng tái tạo.
- **Kim ngạch xuất khẩu:** Dự kiến đạt 350 - 400 tỷ USD, với điện tử, dệt may và nông sản tiếp tục là những ngành dẫn đầu.
- **Kim ngạch nhập khẩu:** Dự báo khoảng 300 - 350 tỷ USD, phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng.
- **Cán cân thương mại:** Thặng dư ổn định từ 20 - 30 tỷ USD

2. Các Ngành Kinh Tế Chủ Chốt

Công Nghiệp (Tăng trưởng 8% - 10%)

- Dẫn đầu là các ngành điện tử, ô tô, và dệt may, với sự đầu tư mạnh mẽ vào tự động hóa và công nghệ cao.
- Sản xuất linh kiện và lắp ráp điện tử được kỳ vọng trở thành mũi nhọn tăng trưởng nhờ dòng vốn FDI từ Hàn Quốc và Nhật Bản.

Dịch Vụ (Tăng trưởng 7% - 8%)

- Ngành du lịch khởi sắc trở lại với lượng khách quốc tế tăng mạnh, nhờ các chính sách mở cửa du lịch và xúc tiến quảng bá.
- Các lĩnh vực tài chính, bất động sản và logistics phát triển nhanh, nhờ vào thương mại điện tử và nhu cầu giao dịch số hóa gia tăng.

Nông Nghiệp (Tăng trưởng 3% - 4%): Xu hướng chuyển đổi sang nông nghiệp xanh và công nghệ cao tiếp tục phát triển mạnh. Các sản phẩm như gạo hữu cơ, cà phê chất lượng cao và thủy sản chế biến sâu tăng cường xuất khẩu sang thị trường khó tính.

3. Thị Trường Tài Chính

- Lãi suất: Ổn định ở mức 4% - 5% cho vay và 3% - 4% cho tiết kiệm nhằm hỗ trợ doanh nghiệp và kích thích tiêu dùng.
- Tỷ giá: Dự kiến duy trì trong khoảng 23.000 - 24.000 VND/USD nhờ nguồn cung ngoại tệ dồi dào từ xuất khẩu và kiều hối.
- Thị trường chứng khoán: VN-Index kỳ vọng tăng trưởng 10% - 15%, thu hút dòng vốn từ nhà đầu tư trong và ngoài nước.

4. Cơ Hội và Thách Thức

Cơ Hội:

- Hiệp định thương mại tự do (FTA): Mở rộng thị trường xuất khẩu và thu hút đầu tư từ EU, Mỹ, Nhật Bản.
- Dòng vốn FDI tăng trưởng: Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn nhờ chính sách ưu đãi và vị trí chiến lược.
- Chuyển đổi số: Tự động hóa, công nghệ cao giúp nâng cao năng suất và tạo ra mô hình kinh doanh mới.
- Tiêu dùng nội địa: Thu nhập người dân tăng cao thúc đẩy bán lẻ và dịch vụ phát triển mạnh mẽ.

Thách thức:

- Cạnh tranh khu vực: Đối mặt với sự cạnh tranh từ Trung Quốc, Thái Lan và Indonesia.
- Rủi ro kinh tế toàn cầu: Ảnh hưởng từ khủng hoảng tài chính và địa chính trị.
- Phát triển không đồng đều: Chênh lệch giữa các vùng miền cần được khắc phục.
- Áp lực môi trường: Suy giảm tài nguyên, ô nhiễm và biến đổi khí hậu gia tăng.
- Hạ tầng hạn chế: Cần nâng cấp hệ thống giao thông, năng lượng và công nghệ thông tin.

TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG NGÀNH NĂM 2024 VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2025

Trisedco là đơn vị chuyên chế biến bột cá và mỡ cá từ phụ phẩm cá tra, đóng vai trò quan trọng trong chuỗi giá trị ngành thủy sản. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Trisedco phụ thuộc trực tiếp vào tình hình nuôi trồng, sản xuất và tiêu thụ cá tra fillet tại các nhà máy chế biến lớn. Sự biến động của nguồn cung phụ phẩm và nhu cầu tiêu thụ không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả vận hành mà còn tác động đến chiến lược phát triển của doanh nghiệp.

TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG CÁ TRA 2024

Tình hình sản xuất cá Tra

Trong năm 2024, tổng diện tích nuôi cá tra tại Việt Nam ước đạt 5.370 ha, giảm 5% so với năm trước do chi phí sản xuất tăng cao, khiến nhiều hộ nuôi nhỏ lẻ thu hẹp quy mô hoặc tạm ngừng hoạt động. Mặc dù diện tích giảm, sản lượng thu hoạch vẫn duy trì ở mức 1,67 triệu tấn, tương đương năm 2023. Đồng Tháp tiếp tục giữ vững vị trí dẫn đầu với diện tích thả nuôi khoảng 2.630 ha, sản lượng đạt 540.000 tấn, tăng 15.000 tấn so với năm trước. An Giang xếp thứ hai với diện tích 1.100 ha, sản lượng ước đạt 350.000 tấn. Các tỉnh như Bến Tre, Vĩnh Long và Cần Thơ cũng đóng góp đáng kể vào tổng sản lượng, dù phải thu hẹp diện tích do chi phí đầu vào tăng cao và điều kiện thời tiết bất lợi.

Giá cá Tra giống

Trong năm 2024, giá cá Tra giống tại Việt Nam biến động đáng kể. Trong ba tháng đầu năm, giá cá Tra giống cỡ 30 con/kg dao động từ 34.000 đồng đến 39.000 đồng/kg. Từ cuối tháng 4 trở đi, giá giảm dần và duy trì ở mức 24.000 – 30.000 đồng/kg. Đến tháng 7, giá tiếp tục giảm, đạt mức 22.000 đồng/kg. Vào tháng 10, giá cá tra giống tăng nhẹ, dao động từ 29.000 đến 33.000 đồng/kg, tăng khoảng 1.000 đồng/kg so với cùng kỳ năm trước. Sự biến động này chủ yếu do ảnh hưởng của thị trường cá tra nguyên liệu và các yếu tố cung cầu trong ngành.

Giá cá Tra nguyên liệu

Trong năm 2024, giá cá tra nguyên liệu tại Việt Nam duy trì ở mức ổn định, dao động từ 26.000 đến 27.000 đồng/kg trong 11 tháng đầu năm. Mức giá này khiến người nuôi gặp khó khăn trong việc đạt lợi nhuận, do chi phí thức ăn, nhiên liệu và nhân công đều tăng cao. Nhìn chung, giá cá tra nguyên liệu trong năm 2024 biến động theo xu hướng cung cầu thị trường, với sự tăng nhẹ vào đầu năm và giảm dần trong các tháng tiếp theo, trước khi phục hồi nhẹ vào cuối năm.

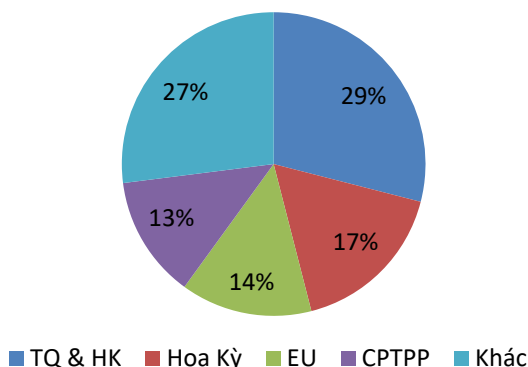
Giá cá Tra xuất khẩu và tình hình xuất khẩu cá Tra

Trong năm 2024, giá cá tra xuất khẩu của Việt Nam có sự biến động đáng kể tùy thuộc vào thị trường và thời điểm. Tại thị trường Liên minh châu Âu (EU), giá xuất khẩu bình quân trong tháng 9/2024 đạt 2,3 USD/kg, đây là mức thấp nhất trong vòng 3 năm qua.

Ngược lại, tại thị trường Hoa Kỳ, xuất khẩu cá tra giá trị gia tăng ghi nhận sự tăng trưởng ấn tượng. Tính đến hết tháng 11/2024, kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm này đạt hơn 12 triệu USD, mức cao nhất trong 10 năm trở lại đây.

Tổng kim ngạch xuất khẩu cá tra trong năm 2024 đạt 2 tỷ USD, tăng 9% so với năm 2023. Sự tăng trưởng này chủ yếu nhờ vào việc mở rộng thị trường và tăng cường xuất khẩu các sản phẩm giá trị gia tăng.

Thị phần xuất khẩu cá Tra năm 2024



Giá phụ phẩm cá Tra

Giá phụ phẩm cá tra cũng có xu hướng biến động cùng chiều với giá nguyên liệu cá tra. Do nhiều yếu tố ảnh hưởng khác nhau dẫn đến lượng cung ứng phụ phẩm đến các nhà máy sản xuất bột cá khan hiếm, nên giá phụ phẩm chịu rất nhiều yếu tố tác động lên.

TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG NGÀNH NĂM 2024 VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2025

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG CÁ TRA NĂM 2025

Theo định hướng phát triển ngành cá tra Việt Nam năm 2025, ngành nuôi trồng và xuất khẩu cá tra sẽ tập trung vào mục tiêu nâng cao giá trị, mở rộng thị trường và gia tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Cụ thể, diện tích thả nuôi dự kiến duy trì khoảng 5.200 - 5.500 ha, tập trung chủ yếu tại các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long như An Giang, Đồng Tháp, Bến Tre và Vĩnh Long. Về sản lượng, ngành đặt mục tiêu đạt khoảng 1,65 triệu tấn cá tra thương phẩm, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Kim ngạch xuất khẩu năm 2025 dự kiến đạt khoảng 2 - 2,2 tỷ USD, với thị trường Trung Quốc, Hoa Kỳ và EU tiếp tục giữ vai trò quan trọng.

Những khó khăn năm 2025 đối với ngành

1. Biến động thị trường xuất khẩu:

- Các thị trường lớn như Trung Quốc, EU và Hoa Kỳ siết chặt quy định về chất lượng, kiểm dịch và truy xuất nguồn gốc.
- Nguy cơ cạnh tranh ngày càng khốc liệt từ các nước sản xuất cá thịt trắng như Ấn Độ, Indonesia và Bangladesh.

2. Giá thành sản xuất tăng cao

- Chi phí thức ăn chăn nuôi, vốn chiếm hơn 70% chi phí sản xuất, có xu hướng gia tăng do biến động giá nguyên liệu toàn cầu.
- Giá con giống và chi phí đầu vào khác cũng có dấu hiệu tăng mạnh, gây áp lực lên người nuôi trồng.

3. Khó khăn về nguồn nước và môi trường:

- Biến đổi khí hậu, hạn mặn và ô nhiễm nguồn nước ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường ao nuôi cá tra.
- Việc xử lý chất thải trong quá trình nuôi vẫn là thách thức lớn đối với nhiều hộ nuôi nhỏ lẻ.

4. Rào cản thương mại quốc tế:

- Các biện pháp phòng vệ thương mại như thuế chống bán phá giá từ Hoa Kỳ và rào cản phi thuế quan tại châu Âu vẫn là vấn đề đáng lo ngại.
- Một số thị trường đang tăng cường áp dụng tiêu chuẩn khắt khe về phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.

5. Khó khăn trong tiêu thụ phụ phẩm:

- Mặc dù phụ phẩm cá tra có tiềm năng lớn nhưng việc khai thác, chế biến vẫn chưa đạt hiệu quả tối đa.
- Thị trường tiêu thụ phụ phẩm giá trị gia tăng như collagen, gelatin chưa thực sự phát triển mạnh mẽ.

Một số giải pháp bền vững của ngành

1. Tối ưu hóa quy trình nuôi trồng:

- Ứng dụng công nghệ nuôi tuần hoàn (RAS) nhằm giảm tiêu hao nước và kiểm soát chất lượng nước ao nuôi.
- Thực hiện nuôi trồng theo các tiêu chuẩn quốc tế như ASC, GlobalGAP để đáp ứng yêu cầu của thị trường cao cấp.

2. Giảm chi phí sản xuất:

- Nghiên cứu và sử dụng thức ăn thay thế bột cá, dầu cá từ các nguồn nguyên liệu bền vững.
- Cải thiện chất lượng con giống bằng công nghệ di truyền và quản lý tốt quá trình sinh sản.

3. Xây dựng chuỗi giá trị phụ phẩm

- Khai thác hiệu quả phụ phẩm như đầu, xương, mỡ và da cá tra để chế biến các sản phẩm giá trị cao như collagen, gelatin và dầu cá dinh dưỡng.
- Phát triển công nghệ tái chế phụ phẩm thành sản phẩm hữu ích, giảm thiểu chất thải và ô nhiễm môi trường.

4. Phát triển thương hiệu và xúc tiến thương mại

- Xây dựng thương hiệu quốc gia cho cá tra Việt Nam, nhấn mạnh vào chất lượng cao và sản xuất bền vững.
- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại trên các nền tảng số và tham gia các hội chợ quốc tế.

5. Bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu

- Triển khai các mô hình nuôi kết hợp nhằm giảm tác động môi trường.
- Tăng cường nghiên cứu các giải pháp giảm thiểu ảnh hưởng của hạn mặn và ô nhiễm nguồn nước.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2024

Nhận định tình hình chung

Năm 2024, ngành thủy sản Việt Nam, đặc biệt là cá tra, tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức cả từ thị trường quốc tế lẫn điều kiện sản xuất trong nước. Những yếu tố ảnh hưởng chính bao gồm:

- **Tồn kho cao và nhu cầu tiêu thụ chững lại:** Các thị trường nhập khẩu trọng điểm như Mỹ và EU vẫn chưa giải quyết triệt để tình trạng tồn kho cao, khiến đơn hàng mới tăng chậm; Ảnh hưởng từ cuộc chiến Nga – Ukraine và tình trạng lạm phát kéo dài khiến sức mua của người tiêu dùng giảm, tác động tiêu cực đến nhu cầu tiêu thụ cá tra; Xu hướng tiêu dùng tại một số thị trường có sự thay đổi, đòi hỏi doanh nghiệp phải linh hoạt trong chiến lược kinh doanh và tiếp thị.

- **Gia tăng cạnh tranh trên thị trường quốc tế:** Các nước sản xuất cá thịt trắng như Indonesia, Ấn Độ và Bangladesh đang đẩy mạnh nuôi cá tra với chi phí sản xuất cạnh tranh, tạo áp lực lớn lên ngành hàng Việt Nam; Một số thị trường chuyển sang nhập khẩu cá thịt

trắng từ các nước này, làm giảm lợi thế của cá tra Việt Nam; Các doanh nghiệp Việt Nam cần đầu tư nâng cao chất lượng sản phẩm để duy trì lợi thế cạnh tranh.

- **Tác động của biến đổi khí hậu:** Môi trường nuôi trồng tại Đồng bằng sông Cửu Long tiếp tục chịu ảnh hưởng nghiêm trọng do hạn mặn, ô nhiễm nguồn nước và thời tiết thất thường; Những thay đổi bất lợi này ảnh hưởng đến năng suất nuôi cá, làm gia tăng rủi ro dịch bệnh và chi phí xử lý môi trường; Việc áp dụng mô hình nuôi bền vững và các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu là điều cấp thiết.

- **Gia tăng rào cản thương mại và tiêu chuẩn nhập khẩu:** Các nước nhập khẩu tiếp tục siết chặt quy định về chất lượng, kiểm dịch, truy xuất nguồn gốc và bảo vệ môi trường; Một số thị trường áp dụng tiêu chuẩn cao hơn về lao động và phát triển bền vững, tạo thêm áp lực cho các doanh nghiệp xuất khẩu; Các biện pháp phòng vệ thương mại như thuế chống bán phá giá tại Hoa Kỳ tiếp tục là rào cản lớn đối với cá tra Việt Nam.

Kết quả kinh doanh của Trisedco

Bỏ qua những khó khăn chung của ngành, Trisedco vẫn đạt được những kết quả kinh doanh khả quan nhờ chiến lược linh hoạt và tối ưu hóa hoạt động sản xuất:

- **Duy trì lợi nhuận ổn định:** Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh được giữ vững, khẳng định hiệu quả trong quản trị chi phí và vận hành; Đảm bảo dòng tiền ổn định, giúp công ty duy trì hoạt động và tiếp tục đầu tư vào các dự án chiến lược.

- **Tối ưu hóa chuỗi cung ứng:** Tận dụng tối đa nguồn nguyên liệu phụ phẩm cá tra, nâng cao hiệu suất sản xuất bột cá và mỡ cá; Hợp tác chặt chẽ với các đối tác trong chuỗi giá trị để giảm thiểu rủi ro về nguồn cung và biến động giá cả.

- **Cải tiến công nghệ, nâng cao giá trị sản phẩm:** Ứng dụng công nghệ hiện đại trong chế biến nhằm tối ưu hiệu suất và nâng cao chất lượng sản phẩm; Mở rộng danh mục sản phẩm, hướng đến các phân khúc thị trường tiềm năng trong và ngoài nước.

- **Mở rộng thị trường tiêu thụ:** Duy trì và phát triển các thị trường xuất khẩu chiến lược, tận dụng cơ hội từ các khu vực có nhu cầu cao; Linh hoạt điều chỉnh sản phẩm theo yêu cầu thị trường, gia tăng giá trị cạnh tranh.

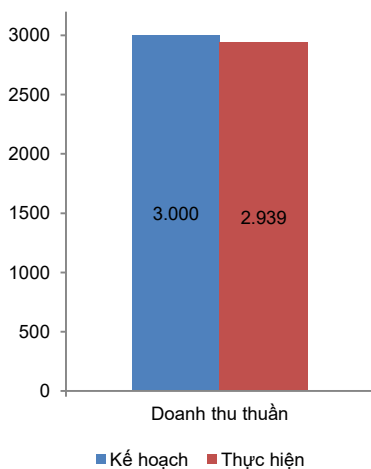
Những kết quả đạt được trong năm 2024 cho thấy Trisedco không chỉ đứng vững trước thách thức mà còn tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển trong những năm tiếp theo.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

SO SÁNH KẾT QUẢ KINH DOANH VỚI KẾ HOẠCH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	3.000	2.939	97,97%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	100	58,88	58,88%



Năm 2024, Trisedco đặt mục tiêu doanh thu thuần đạt 3.000 tỷ đồng, tuy nhiên, kết quả thực tế chỉ đạt 2.939 tỷ đồng, hoàn thành 97,97% kế hoạch. Dù không đạt mức kỳ vọng, công ty vẫn duy trì được doanh thu ổn định trong bối cảnh thị trường đầy thách thức. Trong khi đó, lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 58,88 tỷ đồng, tương ứng với 58,88% kế hoạch đặt ra là 100 tỷ đồng. Mức lợi nhuận này thấp hơn dự kiến do biên lợi nhuận giảm sút bởi giá đầu vào tăng cao, trong khi giá bán sản phẩm chưa có sự điều chỉnh tương ứng.

Nguyên nhân tác động đến doanh thu và lợi nhuận:**1. Thị trường xuất khẩu bột cá và mỡ cá suy giảm**

- **Nhu cầu tiêu thụ giảm:** Lạm phát cao và suy thoái kinh tế toàn cầu khiến sức mua tại các thị trường chính như Trung Quốc, EU, Hoa Kỳ suy giảm.
- **Hàng tồn kho cao:** Các đối tác nhập khẩu gặp khó khăn trong việc tiêu thụ, dẫn đến việc giảm nhập hàng.
- **Cạnh tranh từ các nước khác:** Ấn Độ, Indonesia, Bangladesh gia tăng sản xuất cá thịt trắng, gây áp lực lên ngành.

2. Biến động giá nguyên liệu đầu vào

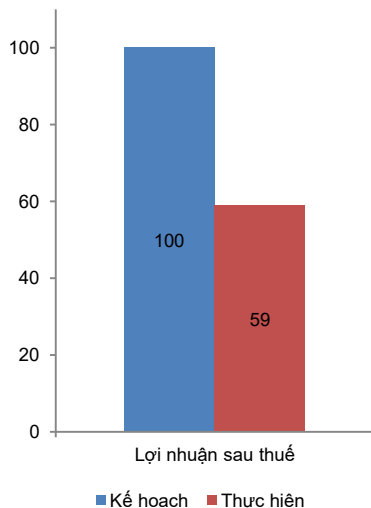
- **Giá thu mua phụ phẩm cá tra tăng:** Làm tăng chi phí sản xuất, ảnh hưởng đến biên lợi nhuận.
- **Chi phí vận hành tăng cao:** Giá năng lượng, lao động, vận chuyển tăng, khiến giá thành sản phẩm kém cạnh tranh.

3. Biến động tỷ giá và chi phí vận chuyển

- **Tỷ giá VND biến động:** Ảnh hưởng đến chi phí nhập khẩu nguyên liệu và lợi nhuận xuất khẩu.
- **Chi phí vận chuyển không ổn định:** Giá cước vận tải biển tăng cao, làm giảm khả năng cạnh tranh.

4. Biến đổi khí hậu và ảnh hưởng môi trường

- **Hạn mặn, thời tiết bất thường:** Ảnh hưởng đến nguồn cung nguyên liệu đầu vào cho sản xuất.
- **Ô nhiễm môi trường:** Khó khăn trong kiểm soát chất lượng nguồn nguyên liệu.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Năm 2024, Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã tiếp tục khẳng định tầm nhìn chiến lược dài hạn, đồng thời linh hoạt điều chỉnh để thích ứng với những biến động của nền kinh tế trong và ngoài nước. Trước áp lực cạnh tranh ngày càng lớn cùng những thay đổi trong chính sách kinh tế vĩ mô, HĐQT đã đưa ra các quyết định trọng yếu như:

- **Kiểm soát tốt thị trường tiêu thụ:** Tăng cường nghiên cứu thị trường, mở rộng hệ thống phân phối tại các thị trường tiềm năng trong khu vực và quốc tế, tập trung vào những sản phẩm có giá trị cao và nhu cầu lớn.
- **Nâng cao chất lượng sản phẩm:** Đầu tư vào công nghệ hiện đại và cải tiến quy trình sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm
- **Tăng vốn điều lệ:** Tăng cường năng lực tài chính nhằm hỗ trợ cho các dự án mở rộng nhà máy, đầu tư công nghệ và nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp.
- **Kiểm soát chi phí hiệu quả:** Áp dụng các biện pháp tiết kiệm chi phí đầu vào và tối ưu hóa chi phí vận hành thông qua tự động hóa và quản trị chuỗi cung ứng thông minh.



VỊ THẾ KINH DOANH

Trisedco tiếp tục khẳng định vị thế là một trong những doanh nghiệp dẫn đầu trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu bột cá, mỡ cá Tra tại Việt Nam. Năm 2024 ghi nhận sự phát triển tích cực với các thành tựu nổi bật:



- **Thị phần trong nước:** Duy trì ổn định kênh phân phối sản phẩm bột cá và mỡ cá tại các khu vực trọng điểm
- **Thị trường quốc tế:** Đạt được các hợp đồng xuất khẩu lớn sang Châu Á góp phần nâng cao giá trị thương hiệu Trisedco trên thị trường
- **Cải tiến công nghệ:** Đẩy mạnh đầu tư vào hệ thống sản xuất hiện đại, áp dụng các giải pháp quản lý thông minh nhằm tối ưu hóa quy trình sản xuất và kiểm soát chất lượng.

CÔNG TÁC QUẢN LÝ

Trong năm 2024, Trisedco đã chú trọng đẩy mạnh công tác quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể:

- **Nâng cấp và bảo trì thiết bị:** Thực hiện các chương trình bảo trì định kỳ và nâng cấp hệ thống máy móc thiết bị tại nhà máy để tăng cường năng lực sản xuất và giảm thiểu tình trạng hư hỏng thiết bị.
- **Kiểm tra, giám sát hoạt động:** Tăng cường kiểm soát chất lượng sản phẩm thông qua việc áp dụng các quy chuẩn nghiêm ngặt trong quy trình sản xuất.
- **Cải tiến quy trình:** Ứng dụng công nghệ số hóa trong quản lý sản xuất nhằm nâng cao năng suất lao động và giảm thiểu lãng phí.
- **An toàn lao động:** Thực hiện các chương trình đào tạo về an toàn lao động, trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ cho người lao động.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ

Năm 2024, Trisedco tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng công tác quản trị, đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Các hoạt động quản trị trọng tâm bao gồm:



- **Minh bạch và hiệu quả:** HĐQT và Ban Tổng Giám đốc duy trì cơ chế họp định kỳ, rà soát tình hình kinh doanh, đánh giá rủi ro và kịp thời điều chỉnh chiến lược để tối ưu hiệu suất hoạt động.
- **Đổi mới mô hình quản lý:** Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị nhằm cải thiện quy trình ra quyết định, nâng cao khả năng giám sát và điều hành doanh nghiệp.
- **Khuyến khích sáng tạo và cải tiến:** Tạo môi trường làm việc cởi mở, ghi nhận và triển khai các sáng kiến đổi mới từ nhân viên nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động và nâng cao năng lực cạnh tranh.

CÔNG TÁC LAO ĐỘNG & PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Trisedco xác định con người là nền tảng quan trọng nhất để thúc đẩy sự phát triển bền vững. Trong năm 2024, Công ty đã tập trung đầu tư vào các chính sách chăm lo đời sống và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cụ thể:

- **Chính sách phúc lợi toàn diện:** Đảm bảo chi trả đầy đủ và kịp thời lương, thưởng, chế độ bảo hiểm xã hội và các phúc lợi khác theo quy định, tạo động lực để nhân viên gắn bó lâu dài.
- **Đào tạo và phát triển chuyên môn:** Tổ chức các chương trình đào tạo chuyên sâu về kỹ năng làm việc, nghiệp vụ chuyên môn, nâng cao tay nghề, giúp nhân viên thích ứng với xu hướng thị trường và công nghệ mới.
- **Quan tâm đời sống người lao động:** Hỗ trợ tài chính cho nhân viên có hoàn cảnh khó khăn, tổ chức các hoạt động văn hóa – thể thao nhằm tăng cường tinh thần gắn kết và nâng cao sức khỏe.
- **Đảm bảo việc làm ổn định:** Duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh bền vững, tạo môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp, giúp người lao động an tâm phát triển sự nghiệp lâu dài tại Trisedco.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2024

1. Đối với hoạt động quản trị điều hành

- **Hoàn thiện bộ máy quản lý hiện đại:** Tiếp tục nâng cấp và tối ưu hóa hệ thống quản lý thông qua việc đẩy mạnh áp dụng công nghệ số, phần mềm quản trị thông minh nhằm nâng cao hiệu quả điều hành và giảm thiểu sai sót trong quy trình quản lý.

- **Phân cấp, phân quyền rõ ràng:** Hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền; quy định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của từng cấp quản lý và bộ phận, giúp tối ưu hóa nguồn lực, từ đó tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- **Tinh gọn tổ chức:** Quyết liệt rà soát, chuẩn hóa quy trình làm việc và định mức năng suất lao động; cải cách sơ đồ tổ chức theo hướng tinh gọn, linh hoạt, giúp nâng cao hiệu quả công việc tại từng phòng ban và cá nhân.

- **Quản trị hiệu quả và kiểm soát chặt chẽ:** Thiết lập, áp dụng các chỉ tiêu quản trị cụ thể; cải tiến cơ chế đánh giá hiệu suất và chính sách lương thưởng theo hiệu quả công việc, khuyến khích sáng tạo và nâng cao năng suất lao động.

2. Đối với hoạt động kinh doanh

- **Ưu tiên thị trường nội địa:** Trước những diễn biến phức tạp của kinh tế và chính trị toàn cầu, HĐQT tiếp tục ưu tiên phát triển thị trường trong nước, tận dụng cơ hội từ chính sách khuyến khích sản xuất nội địa.

- **Chính sách kinh doanh linh hoạt:** Xây dựng các chính sách kinh doanh thích ứng nhanh với biến động thị trường, tập trung vào tối ưu giá bán và chiến lược khuyến mãi phù hợp.

- **Đa dạng hóa sản phẩm:** Tăng cường nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường; mở rộng danh mục sản phẩm có giá trị gia tăng cao để nâng cao năng lực cạnh tranh.

- **Tối ưu chi phí:** Theo dõi sát sao và áp dụng quyết liệt các biện pháp tiết giảm chi phí hoạt động kinh doanh; kéo giảm hàng tồn kho thành phẩm hợp lý, giảm dư nợ ngắn hạn và chi phí tài chính, nâng cao biên lợi nhuận.

- **Phát triển thị trường xuất khẩu:** Tiếp tục tìm kiếm thị trường mới giàu tiềm năng tại khu vực Đông Nam Á, duy trì ổn định sản lượng tại các thị trường xuất khẩu truyền thống.

3. Đối với hoạt động sản xuất cung - ứng

- **Cải tiến dây chuyền sản xuất:** Không ngừng nâng cấp và cải tiến dây chuyền sản xuất nhằm nâng cao chất lượng thành phẩm, giảm tiêu hao nguyên vật liệu, tiết kiệm chi phí vận hành và bảo trì thiết bị.

- **Tăng cường giám sát sản xuất:** Áp dụng công nghệ quản lý dữ liệu để theo dõi nghiêm ngặt các định mức sản xuất, từ đó đưa ra các biện pháp tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm một cách hiệu quả.

- **Tối ưu hóa quản lý kho bãi:** Cải tiến quy trình lưu kho, phân loại và sắp xếp hợp lý hàng hóa để tận dụng tối đa không gian nhưng vẫn đảm bảo an toàn và chất lượng sản phẩm.

- **An toàn sản xuất và phòng chống rủi ro:** Duy trì nghiêm ngặt các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ; xây dựng kịch bản ứng phó với thiên tai và sự cố nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất liên tục và an toàn.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2024 đánh dấu một giai đoạn phát triển ổn định và tiếp tục bứt phá của Trisedco sau những thành công quan trọng trong năm 2023. Công ty đã không ngừng cải tiến năng lực quản lý, tối ưu hóa hệ thống vận hành và hoàn thiện quy trình quản trị doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Nguồn nhân lực được đào tạo và bổ sung kịp thời, đảm bảo đáp ứng nhu cầu phát triển mở rộng.

Với nền tảng tích cực từ năm trước, Trisedco đã triển khai hiệu quả các kế hoạch kinh doanh năm 2024, đồng thời xây dựng chiến lược dài hạn nhằm củng cố vị thế là doanh nghiệp hàng đầu trong ngành sản xuất và xuất khẩu bột cá, mỡ cá, dầu tinh luyện và các sản phẩm từ cá Tra tại Việt Nam.

Tính tới thời điểm 31/12/2024 mô hình hoạt động của công ty Trisedco bao gồm:

- Nhà máy sản xuất bột cá – mỡ cá: Hoạt động với 03 dây chuyền sản xuất trực thuộc Công ty, tổng công suất đạt 470 tấn nguyên liệu phụ phẩm/ngày.
- Nhà máy tinh luyện dầu: Sở hữu 02 dây chuyền tinh luyện dầu cùng 01 dây chuyền sản xuất Margarine và các sản phẩm tương tự Margarine, hiện đã hoàn thiện và đưa vào sản xuất ổn định, cung cấp sản phẩm đạt tiêu chuẩn cao cho thị trường trong và ngoài nước.

BỐI CẢNH CHUNG

Bước vào năm 2024, nền kinh tế toàn cầu tiếp tục chịu ảnh hưởng từ bất ổn chính trị và suy thoái kéo dài, khiến thị trường thủy sản đối mặt với nhiều thách thức như biến động giá cả, nguồn cung và nhu cầu tiêu thụ suy giảm. Dù vậy, Trisedco đã linh hoạt thích ứng, tối ưu hóa hoạt động sản xuất và kinh doanh, từng bước vượt qua khó khăn.

Kết quả kinh doanh năm 2024 ghi nhận những điểm sáng đáng khích lệ:

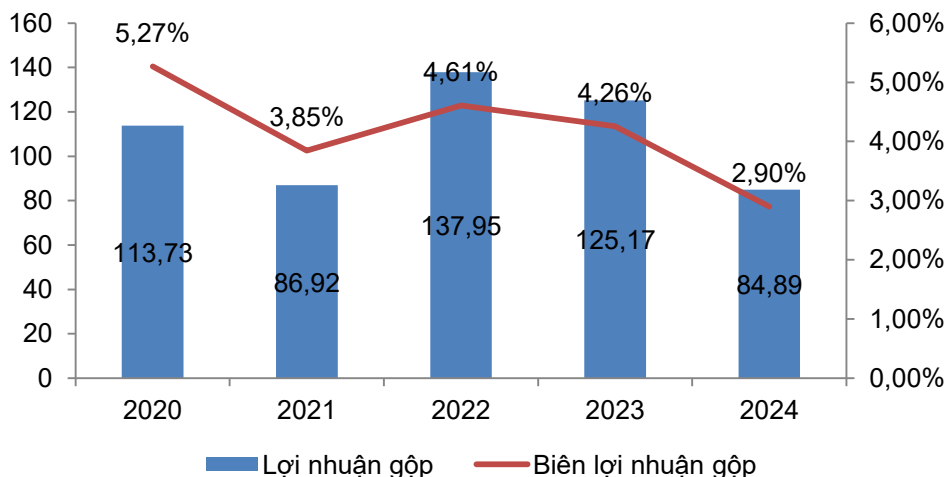
- Doanh thu thuần đạt 2.939 tỷ đồng, gần tương đương mức năm 2023 (2.940 tỷ đồng), phản ánh sự

ổn định trong hoạt động kinh doanh dù thị trường có nhiều biến động.

- Lợi nhuận sau thuế đạt 58,88 tỷ đồng, giảm so với mức 74,73 tỷ đồng của năm 2023, chủ yếu do chi phí đầu vào tăng cao và những diễn biến phức tạp của thị trường.

Mặc dù lợi nhuận sụt giảm, kết quả này vẫn thể hiện tinh thần kiên cường và sự nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo cùng tập thể nhân viên Trisedco trong việc duy trì sự ổn định, nâng cao hiệu quả hoạt động và giữ vững vị thế cạnh tranh trên thị trường.

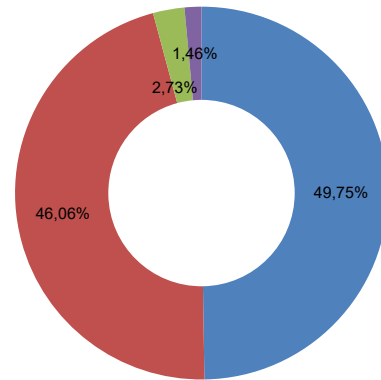
Biên lợi nhuận gộp của Trisedco trong giai đoạn 2020 – 2024 của Công ty như sau:



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kết quả kinh doanh năm 2024 tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong hành trình khẳng định vị thế và phát triển bền vững của Trisedco. Đây là bước đệm quan trọng sau giai đoạn nỗ lực vượt qua thách thức từ những biến động kinh tế toàn cầu. Hoạt động sản xuất và xuất khẩu của công ty không chỉ đạt được những thành tựu đáng ghi nhận so với năm 2023 mà còn có dấu hiệu tăng trưởng tích cực, tạo nền móng vững chắc cho giai đoạn phát triển tiếp theo. Sản lượng sản xuất và kim ngạch xuất khẩu đã dần phục hồi và ổn định nhờ việc mở rộng thị trường, nâng cao chất lượng sản phẩm, cùng với chiến lược kinh doanh linh hoạt. Những nỗ lực trong tối ưu quy trình vận hành, kiểm soát chi phí và đa dạng hóa sản phẩm đã góp phần củng cố vị thế của trisedco trên thị trường nội địa và quốc tế.

■ Bột cá ■ Mỡ cá ■ Sản phẩm phụ ■ Dịch vụ



CƠ CẤU DOANH THU

1. Cơ cấu doanh thu năm 2024

Trong năm 2024, Trisedco tiếp tục duy trì cơ cấu doanh thu ổn định với hai sản phẩm chủ lực là bột cá và mỡ cá, chiếm phần lớn tổng doanh thu. Cụ thể:

- **Bột cá:** Chiếm 49,75% tổng doanh thu, tiếp tục giữ vai trò sản phẩm chiến lược, đóng góp quan trọng vào doanh thu của Công ty. Bột cá vẫn giữ vị thế sản phẩm chủ lực, dù tỷ trọng có phần giảm nhẹ so với các năm trước. Điều này phản ánh xu hướng điều chỉnh chiến lược của Công ty để đa dạng hóa sản phẩm và giảm rủi ro tập trung.
- **Mỡ cá:** Chiếm 46,06%, cho thấy sự ổn định và tiềm năng phát triển mạnh của sản phẩm này trên thị trường nội địa và xuất khẩu.
- **Nhóm sản phẩm phụ từ cá Tra (bao tử, bong bóng,...) & dịch vụ cho thuê tài sản:** Góp 4,19% tổng doanh thu. Mặc dù tỷ trọng không lớn, nhưng nhóm sản phẩm này vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc tối ưu hóa nguồn lực sản xuất, bù đắp chi phí vận hành và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

2. Xu hướng kinh doanh & chiến lược phát triển

- **Duy trì vị thế hàng đầu:** Trisedco tiếp tục khẳng định vị thế trong ngành sản xuất, kinh doanh bột cá và mỡ cá, đồng thời mở rộng thị trường xuất khẩu để giảm thiểu rủi ro.

- **Cải tiến sản xuất & tối ưu chi phí:** Ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tối ưu hóa quy trình và nâng cao hiệu quả hoạt động.

- **Mở rộng thị trường:** Không ngừng tìm kiếm khách hàng mới, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu để gia tăng lợi thế cạnh tranh trong bối cảnh thị trường biến động.

- **Tận dụng tối đa sản phẩm phụ:** Dù phụ thuộc vào yếu tố mùa vụ, nhóm sản phẩm phụ từ cá Tra vẫn mang lại giá trị kinh tế cao, góp phần nâng cao hiệu suất kinh doanh.

- **Kiên định với chiến lược phát triển bền vững:** Trisedco tiếp tục thực hiện các kế hoạch đã đề ra trong Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024, đảm bảo tăng trưởng ổn định và dài hạn.

3. Định hướng tương lai

- Tiếp tục đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực sản xuất và gia tăng giá trị sản phẩm.
- Củng cố nội lực, phát huy thế mạnh cạnh tranh để ứng phó linh hoạt với biến động thị trường.
- Đặt nền móng vững chắc cho những bước tiến xa hơn, hướng đến sự phát triển bền vững trong tương lai.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
DOANH THU THUẦN (tỷ đồng)	2.260	2.995	2.940	2.939
Sản xuất (Tỷ đồng)	350	664	559	392
Thương mại (Tỷ đồng)	1910	2.331	2.381	2.545
TỶ TRỌNG	100%	100%	100%	100%
Sản xuất	15,49%	22,17%	19,00%	13,36%
Thương mại	84,51%	77,83%	81,00%	86,64%

- **Tổng doanh thu thuần** năm 2024 đạt 2.939 tỷ đồng, gần như không thay đổi so với mức 2.940 tỷ đồng của năm 2023. Điều này cho thấy Trisedco đã duy trì sự ổn định bất chấp những thách thức từ thị trường và chi phí đầu vào gia tăng.
- Doanh thu sản xuất đạt 392 tỷ đồng, chiếm 13,36% tổng doanh thu, giảm 167 tỷ đồng (-29,9%) so với năm 2023. Nguyên nhân chính đến từ giá nguyên liệu tăng cao và định hướng tập trung nhiều hơn vào mảng thương mại.
- **Doanh thu thương mại** đạt 2.545 tỷ đồng, chiếm 86,64% tổng doanh thu, tăng 164 tỷ đồng (+6,89%) so với năm 2023. Kết quả này có được nhờ mở rộng thị trường xuất khẩu, đặc biệt tại Trung Quốc, cùng với việc tối ưu chi phí và đẩy mạnh thương mại nội địa.



- **Cơ cấu doanh thu thay đổi rõ rệt:** Tỷ trọng sản xuất giảm từ 19% xuống 13,36%, trong khi thương mại tăng từ 81% lên 86,64%, phản ánh chiến lược tập trung mạnh hơn vào mảng thương mại để tối ưu lợi nhuận và giảm rủi ro từ biến động sản xuất.
- **Các yếu tố thúc đẩy tăng trưởng:**
 - + Mở rộng thị trường xuất khẩu, đặc biệt hướng đến các thị trường tiềm năng và khó tính.
 - + Kiểm soát chi phí sản xuất, tối ưu hóa vận hành để duy trì biên lợi nhuận.
 - + Đẩy mạnh thương mại nội địa nhằm đa dạng hóa nguồn thu và giảm sự phụ thuộc vào xuất khẩu.
- **Xu hướng 2024:** Tiếp tục duy trì chiến lược thương mại làm trọng tâm, đồng thời cải tiến công nghệ sản xuất để nâng cao hiệu quả và tối ưu chi phí.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tăng/Giảm %	Tỷ trọng 2023	Tỷ trọng 2024
Tài sản ngắn hạn	1.131,86	1.215,37	7,37%	68,08%	79,98%
Tài sản dài hạn	530,74	305,77	-42,45%	31,92%	20,02%
Tổng tài sản	1.662,60	1.521,14		100%	

Dựa trên số liệu tài chính của Trisedco, có thể thấy sự thay đổi đáng kể trong cơ cấu tài sản của công ty trong năm 2024. Tổng tài sản giảm nhưng tài sản ngắn hạn lại tăng, phản ánh sự điều chỉnh chiến lược tài chính nhằm tăng cường tính thanh khoản và linh hoạt trong hoạt động kinh doanh.

1. Tổng tài sản giảm, phản ánh sự điều chỉnh chiến lược tài chính

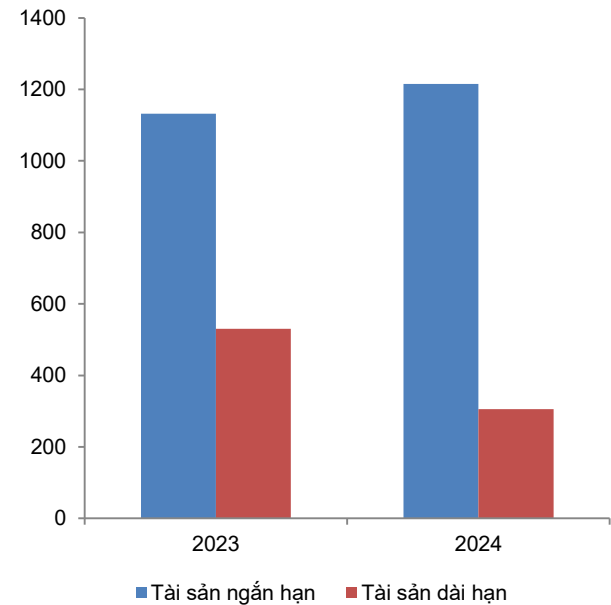
- Tổng tài sản của Trisedco năm 2024 đạt 1.521,14 tỷ đồng, giảm 8,5% so với mức 1.662,60 tỷ đồng của năm 2023.
- Công ty đã có sự tái cơ cấu tài sản. Mặc dù tổng tài sản suy giảm, điều quan trọng là công ty có duy trì được khả năng sinh lời và hiệu quả hoạt động hay không. Việc cắt giảm tài sản dài hạn có thể giúp doanh nghiệp vận hành tinh gọn và linh hoạt hơn trong môi trường kinh doanh nhiều biến động.

2. Tài sản ngắn hạn tăng, cải thiện tính thanh khoản và dòng tiền

- Tài sản ngắn hạn tăng từ 1.131,86 tỷ đồng (2023) lên 1.215,37 tỷ đồng (2024), tương ứng mức tăng 7,37%.
- Sự gia tăng này cũng giúp công ty cải thiện dòng tiền, tăng khả năng phản ứng nhanh với các biến động thị trường và tận dụng các cơ hội kinh doanh.

3. Tài sản dài hạn giảm mạnh, phản ánh việc thu hồi khoản cho vay dài hạn

- Tài sản dài hạn giảm từ 530,74 tỷ đồng (2023) xuống 305,77 tỷ đồng (2024), mức giảm lên đến 42,45%.
- Tỷ trọng tài sản dài hạn trong tổng tài sản cũng giảm



mạnh từ 31,92% xuống 20,02%, cho thấy công ty đang dịch chuyển khỏi các khoản đầu tư dài hạn.

4. Định hướng

- Trisedco đang có sự dịch chuyển cơ cấu tài sản theo hướng tập trung nhiều hơn vào tài sản ngắn hạn để đảm bảo thanh khoản, giảm phụ thuộc vào TSDN
- Việc tăng cường tài sản ngắn hạn giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong quản lý dòng tiền, đặc biệt là trong bối cảnh thị trường nhiều biến động.
- Tuy nhiên, sự sụt giảm mạnh của tài sản dài hạn cũng đặt ra thách thức về tăng trưởng dài hạn, đòi hỏi công ty phải có chiến lược đầu tư hợp lý để duy trì năng lực sản xuất và mở rộng thị trường trong tương lai.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tăng/Giảm %	Tỷ trọng 2023	Tỷ trọng 2024
Nợ ngắn hạn	795,84	620,18	-22,03%	96,95%	99,45%
Nợ dài hạn	25,02	0,35	-98,60%	3,05%	0,55%
Tổng nợ phải trả	820,86	620,52	-24,32%	100%	100%

1. Tổng nợ phải trả giảm mạnh – Cải thiện sức khỏe tài chính

- Tổng nợ phải trả của Trisedco năm 2024 là 620,52 tỷ đồng, giảm 24,32% so với mức 820,86 tỷ đồng của năm 2023.

- Việc giảm nợ mạnh mẽ là một dấu hiệu tích cực, cho thấy công ty đang dần giảm sự phụ thuộc vào nguồn vốn vay, đặc biệt trong bối cảnh chi phí tài chính có thể biến động do lãi suất và các yếu tố kinh tế vĩ mô.

- Điều này giúp Trisedco giảm áp lực trả lãi vay, từ đó có thêm nguồn lực tài chính để đầu tư vào các hoạt động sản xuất – kinh doanh.

2. Nợ ngắn hạn giảm nhưng vẫn chiếm tỷ trọng lớn

- Nợ ngắn hạn giảm từ 795,84 tỷ đồng (2023) xuống 620,18 tỷ đồng (2024), tương ứng mức giảm 22,03%.

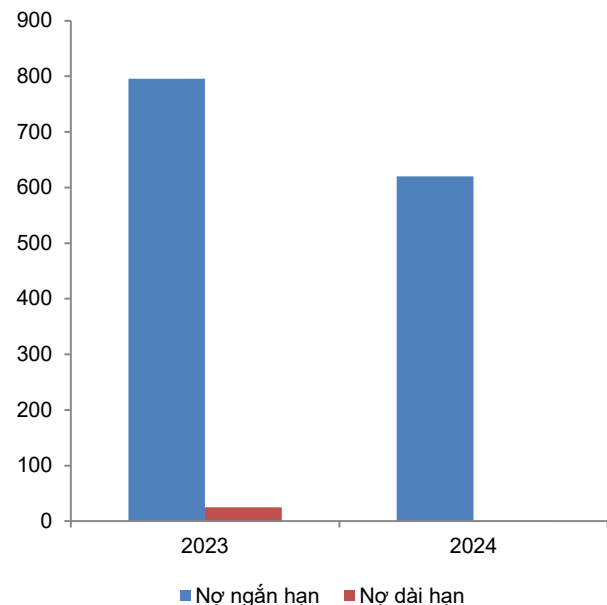
- Mặc dù giảm mạnh về giá trị, nhưng tỷ trọng nợ ngắn hạn trên tổng nợ lại tăng từ 96,95% lên 99,45%, cho thấy công ty vẫn chủ yếu dựa vào nguồn vốn ngắn hạn để tài trợ hoạt động.

- Điều này có thể xuất phát từ việc Trisedco sử dụng vốn lưu động hiệu quả hơn, tăng cường khả năng tự tài trợ từ dòng tiền nội bộ thay vì phải vay ngắn hạn nhiều như trước.

3. Nợ dài hạn gần như được thanh toán hết – Chiến lược tài chính thận trọng

- Nợ dài hạn giảm rất mạnh, từ 25,02 tỷ đồng (2023) xuống chỉ còn 0,35 tỷ đồng (2024), tương ứng mức giảm 98,6%.

- Tỷ trọng nợ dài hạn trong tổng nợ giảm từ 3,05% xuống còn 0,55%, gần như không đáng kể.



- Điều này cho thấy Trisedco đã chủ động thanh toán các khoản vay dài hạn, giúp giảm sự phụ thuộc vào các khoản vay có kỳ hạn dài.

- Việc không còn nhiều nợ dài hạn giúp công ty giảm rủi ro tài chính dài hạn, giảm chi phí lãi vay và tăng tính linh hoạt trong các quyết định tài chính.

4. Định hướng tài chính – Duy trì ổn định, tối ưu dòng tiền

- Việc giảm mạnh tổng nợ, đặc biệt là nợ dài hạn, cho thấy Trisedco đang theo đuổi chiến lược tài chính an toàn, hạn chế rủi ro và tối ưu hóa dòng tiền.

- Việc quản lý nợ hiệu quả sẽ giúp công ty tăng khả năng cạnh tranh, đảm bảo sự tăng trưởng bền vững trong tương lai.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN			
Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	%Tăng/Giảm
<u>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</u>			
Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn	1,42	1,96	38,03%
Hệ số khả năng thanh toán nhanh	1,35	1,78	31,85%
<u>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</u>			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,49	0,41	-16,33%
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,98	0,69	-29,59%
<u>3. Chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động</u>			
Vòng quay hàng tồn kho	41,54	29,06	-30,01%
Vòng quay tài sản	1,72	1,93	12,21%
<u>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</u>			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,5%	2,0%	-20%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	9,3%	6,5%	-30,11%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	4,4%	3,87%	-12,05%
HSLN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	2,9%	2,23%	-23,07%



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

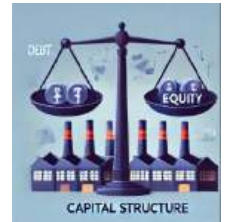
KHẢ NĂNG THANH TOÁN - Vững vàng hơn, thanh khoản tốt hơn



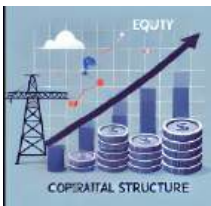
- Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn tăng mạnh từ 1,42 lên 1,96 (+38,03%), phản ánh công ty có khả năng đáp ứng tốt hơn các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn bằng tài sản lưu động.
- Hệ số khả năng thanh toán nhanh cũng tăng từ 1,35 lên 1,78 (+31,85%), cho thấy công ty giảm bớt sự phụ thuộc vào hàng tồn kho và có dòng tiền linh hoạt hơn để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.
- Điều này phản ánh chiến lược quản lý vốn lưu động hiệu quả hơn, giúp Trisedco tăng cường tính ổn định tài chính, hạn chế rủi ro từ việc bị động về dòng tiền trong môi trường kinh doanh biến động.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN – Giảm nợ, tăng sức mạnh tài chính

- Tỷ lệ nợ/Tổng tài sản giảm từ 0,49 xuống 0,41 (-16,33%), cho thấy công ty đã giảm sự phụ thuộc vào nguồn vốn vay, tạo nền tảng tài chính vững chắc hơn.
- Tỷ lệ nợ/Vốn chủ sở hữu giảm mạnh từ 0,98 xuống 0,69 (-29,59%), phản ánh việc công ty gia tăng tỷ trọng vốn chủ sở hữu trong tổng nguồn vốn, giúp ổn định tài chính lâu dài.
- Việc cắt giảm nợ giúp giảm áp lực tài chính, đặc biệt là chi phí lãi vay, đồng thời giúp công ty linh hoạt hơn trong việc đầu tư và phát triển kinh doanh mà không bị ràng buộc quá nhiều bởi các khoản nợ.
- Đây là một định hướng tài chính thận trọng và bền vững, đảm bảo tăng trưởng ổn định thay vì phụ thuộc vào đòn bẩy tài chính cao.



CHỈ TIÊU VỀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG - Tận dụng tài sản tốt hơn, nhưng tiêu thụ hàng tồn kho chậm lại



- Vòng quay hàng tồn kho giảm mạnh từ 41,54 xuống 29,06 (-30,01%), cho thấy hàng tồn kho luân chuyển chậm hơn, có thể xuất phát từ nhu cầu thị trường giảm, hoặc công ty đang tích trữ hàng hóa để chủ động nguồn cung.
- Vòng quay tài sản tăng từ 1,72 lên 1,93 (+12,21%), phản ánh hiệu suất sử dụng tài sản tốt hơn, tức là mỗi đồng tài sản bỏ ra tạo ra nhiều doanh thu hơn so với năm trước.
- Mặc dù tiêu thụ hàng tồn kho gặp thách thức, công ty vẫn duy trì khả năng tạo doanh thu từ tài sản, cho thấy Trisedco đang tối ưu hóa hoạt động vận hành để thích nghi với thị trường.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI - Đối mặt nhiều thách thức trong việc duy trì lợi nhuận



- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần giảm từ 2,5% xuống 2,0% (-20%), phản ánh lợi nhuận ròng giảm dù doanh thu không có nhiều biến động. Điều này có thể do chi phí tăng cao hoặc giá bán chịu áp lực cạnh tranh.
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu giảm từ 9,3% xuống 6,5% (-30,11%), cho thấy lợi nhuận mang lại cho cổ đông suy giảm, có thể ảnh hưởng đến kỳ vọng của nhà đầu tư.
- HSLN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần giảm 23,07%, phản ánh khả năng sinh lời từ hoạt động cốt lõi chưa thực sự hiệu quả.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong bối cảnh kinh tế năm 2024 có nhiều biến động do áp lực giá nguyên liệu thô toàn cầu, chi phí năng lượng cao và yêu cầu nghiêm ngặt về chất lượng sản phẩm xuất khẩu, Trisedco đã triển khai hàng loạt giải pháp quyết liệt nhằm củng cố lợi thế cạnh tranh và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo sát sao và đồng bộ nhiều biện pháp mang tính chiến lược, tập trung vào các khía cạnh sau:

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG

Điều chỉnh linh hoạt quy trình sản xuất:

- Sắp xếp ca sản xuất linh hoạt theo nhu cầu thị trường và số lượng đơn hàng, tránh vận hành thừa công suất gây lãng phí.
- Chỉ vận hành các thiết bị tiêu thụ điện lớn trong khung giờ có giá điện ưu đãi hoặc khi thực sự cần thiết để tiết giảm chi phí.

Nâng cao hiệu quả bảo trì thiết bị:

- Lên lịch bảo dưỡng định kỳ chặt chẽ nhằm gia tăng tuổi thọ của máy móc.



- Phát hiện sớm các hư hỏng nhằm giảm thiểu nguy cơ ngừng sản xuất đột xuất.

Quản lý luân chuyển nguyên vật liệu:

- Rút ngắn thời gian nhập – xuất nguyên vật liệu để đáp ứng kịp thời cho sản xuất.
- Đàm phán với nhà cung cấp chiến lược nhằm đạt mức giá tốt nhất và đảm bảo nguồn cung ổn định.

Quản trị nhân sự tinh gọn:

- Tối ưu hóa cơ cấu nhân sự theo mô hình tinh gọn, bố trí đúng người – đúng việc nhằm tăng hiệu suất lao động.
- Đào tạo liên tục nhằm nâng cao kỹ năng và trình độ cho lực lượng lao động hiện hữu.

HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU

Phát triển thị trường mới:

- Tăng cường xúc tiến thương mại tại các thị trường tiềm năng
- Tránh phụ thuộc quá mức vào các thị trường truyền thống để chịu ảnh hưởng bởi rào cản thương mại.

Tối ưu chi phí logistics:

- Hợp tác chặt chẽ với các đơn vị vận tải để giảm chi phí vận chuyển và thời gian giao hàng.
- Đàm phán với forwarder để giảm phí lưu kho và vận chuyển quốc tế.

Tăng cường hoạt động quảng bá:

- Tham gia hội chợ quốc tế và các diễn đàn ngành nghề lớn nhằm giới thiệu sản phẩm bột cá, mỡ cá đến khách hàng toàn cầu.
- Phát triển hình ảnh thương hiệu trên các kênh truyền thông quốc tế để khẳng định vị thế và chất lượng sản phẩm.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NỘI ĐỊA

Theo dõi sát biến động cung cầu:

- Điều chỉnh chính sách giá linh hoạt theo giá nguyên liệu và nhu cầu thị trường.
- Ứng dụng công nghệ để phân tích, dự báo xu hướng tiêu thụ.
- Kết hợp kênh bán hàng truyền thống và thương mại điện tử để tăng khả năng tiếp cận khách hàng.

Cải tiến chính sách bán hàng:

- Áp dụng giá linh hoạt, chiết khấu theo sản lượng, chính sách thưởng doanh số.

- Tổ chức các chương trình khuyến mãi, chăm sóc khách hàng để tăng độ trung thành.
- Cải tiến sản phẩm theo thị hiếu nội địa, nâng cấp bao bì, mẫu mã.



HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH – QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Giảm thiểu dư nợ vay:

- Đàm phán với ngân hàng để giảm lãi suất và tối ưu khoản vay phục vụ sản xuất.
- Hạn chế vay ngoại tệ (đặc biệt USD) để tránh rủi ro biến động tỷ giá.

Quản lý hàng tồn kho tối ưu:

- Duy trì mức tồn kho hợp lý để đảm bảo sản xuất nhưng vẫn tiết kiệm chi phí.
- Nhập hàng khi giá tốt để tối ưu chi phí đầu vào.

Duy trì dòng tiền ổn định:

- Cân đối thu – chi để đảm bảo thanh khoản.

- Tận dụng dòng tiền nhàn rỗi vào các khoản đầu tư ngắn hạn.

Minh bạch thông tin với cổ đông:

- Công bố báo cáo tài chính kịp thời, rõ ràng.
- Xây dựng chính sách cổ tức hợp lý, cân đối giữa lợi nhuận cổ đông và tái đầu tư.



HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VÀ KIỂM NGHIỆM

Tái kiểm định và chứng nhận:

- Hoàn tất tái kiểm định các chứng chỉ quốc tế như GMP+, ISO 22000:2018, HACCP.
- Đạt chứng nhận IFFO, tiêu chuẩn quan trọng trong ngành chế biến thủy sản.

Kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt:

- Kiểm nghiệm chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm hoàn thiện, đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu.
- Ứng dụng công nghệ sản xuất tiên tiến để giảm thiểu lỗi và nâng cao giá trị sản phẩm.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC

Ban Tổng Giám đốc Trisedco xác định nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi để đảm bảo sự tăng trưởng bền vững trong lĩnh vực chế biến phụ phẩm cá tra và sản xuất dầu cá, bột cá. Do đó, Công ty không ngừng đầu tư vào nhân sự với chiến lược bài bản và sát với đặc thù ngành.

1. Phát triển đội ngũ kế thừa và quản trị viên dự nguồn

- **Xây dựng lộ trình đào tạo chuyên biệt** cho nhân sự tiềm năng nhằm đảm bảo đội ngũ kế cận trong các vị trí quản lý sản xuất, kinh doanh và kỹ thuật.
- **Tập trung phát triển chuyên môn về công nghệ chế biến** và vận hành dây chuyền sản xuất hiện đại, đảm bảo chất lượng đầu ra đạt chuẩn quốc tế.
- **Chủ động thích nghi với biến động thị trường lao động**, giảm thiểu rủi ro thiếu hụt nhân sự chất lượng cao trong ngành chế biến thủy sản.

2. Tăng cường đào tạo chuyên sâu

- **Đào tạo kỹ thuật viên và công nhân vận hành máy móc** nhằm nâng cao tay nghề, giảm tỷ lệ lỗi trong sản xuất bột cá, dầu cá.
- **Bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ kinh doanh** về thị trường nguyên liệu đầu vào (cá tra) và đầu ra (thức ăn chăn nuôi, sản phẩm xuất khẩu).
- **Trang bị kiến thức về tiêu chuẩn chất lượng** (GMP+, ISO 22000:2018, HACCP) để đảm bảo sản phẩm đáp ứng yêu cầu của khách hàng trong và ngoài nước.

3. Phổ biến định hướng chiến lược kinh doanh

- **Mỗi nhân viên đều được truyền đạt rõ ràng** về định hướng xuất khẩu bột cá, dầu cá sang các thị trường chiến lược (Châu Âu, Trung Quốc, Đông Nam Á).
- **Gắn trách nhiệm cá nhân với hiệu suất chung**, đảm bảo toàn bộ hệ thống vận hành đồng bộ và tối ưu hóa quy trình sản xuất.

4. Giải pháp tiết giảm chi phí kinh doanh

- **Hợp lý hóa hàng tồn kho nguyên liệu cá tra**, đảm bảo chuỗi cung ứng ổn định mà không lãng phí

- **Nâng cao hiệu suất dây chuyền sản xuất**, tận dụng tối đa nguyên liệu để tối ưu biên lợi nhuận.

- **Kiểm soát chặt chẽ chi phí tài chính**, giảm dư nợ ngắn hạn, đàm phán lãi suất tốt hơn để tăng hiệu quả sử dụng vốn.

5. Tối ưu chi phí nhân sự & nâng cao hiệu suất lao động

- Trisedco áp dụng mô hình quản trị tinh gọn, bố trí nhân sự hợp lý để tối đa hóa hiệu suất.
- Thường xuyên rà soát và cải tiến quy trình làm việc nhằm tiết kiệm chi phí vận hành nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm và tiến độ sản xuất.

Nhờ chiến lược phát triển nguồn nhân lực bài bản, Trisedco không chỉ đảm bảo đội ngũ nhân sự chất lượng cao mà còn góp phần nâng cao năng suất, kiểm soát chi phí và gia tăng hiệu quả kinh doanh. Đây là nền tảng quan trọng giúp Công ty duy trì vị thế dẫn đầu trong ngành chế biến phụ phẩm thủy sản.

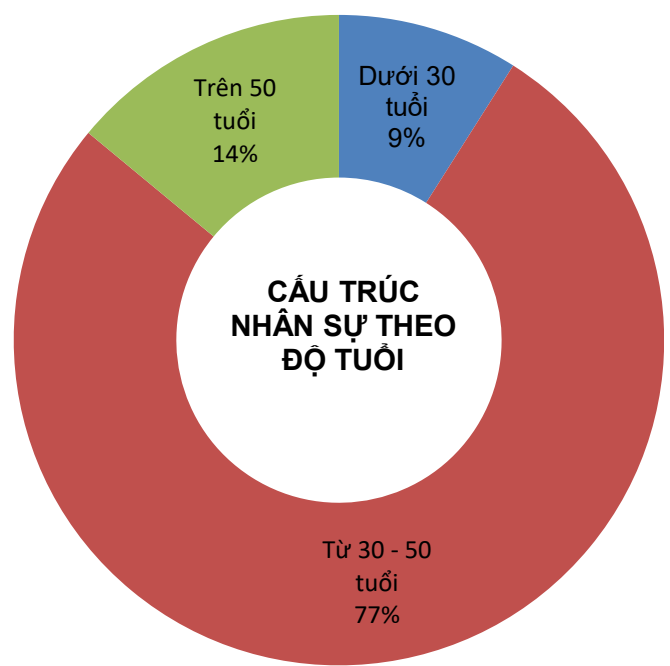
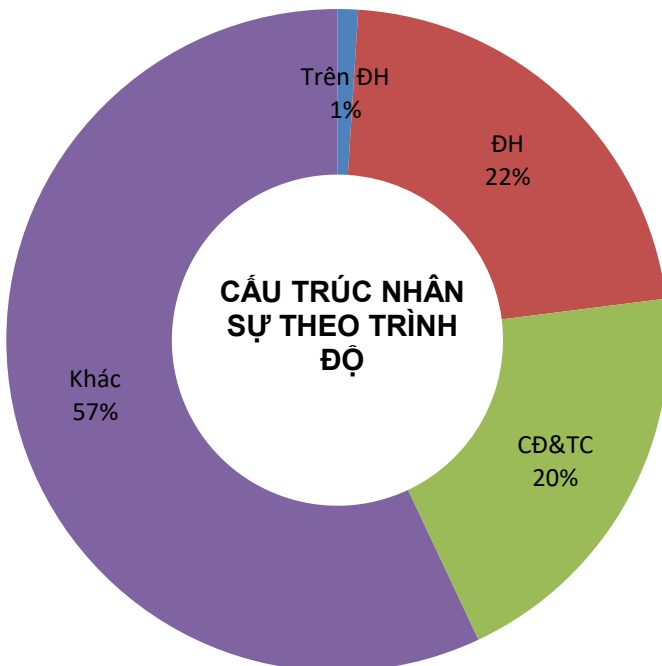
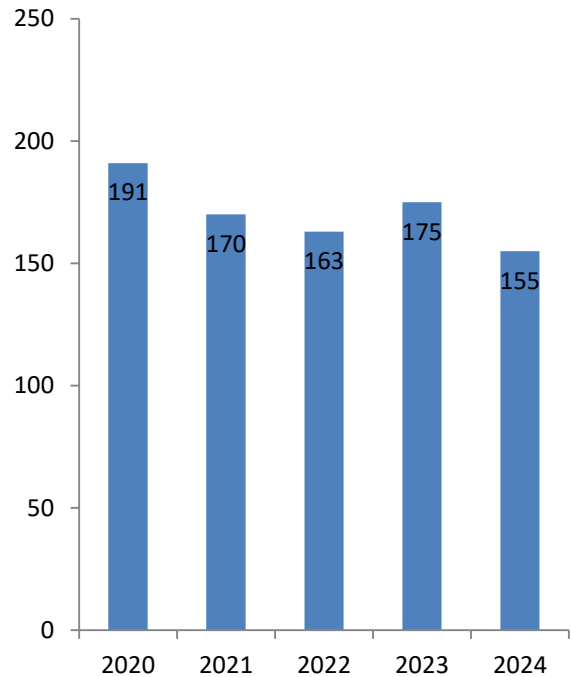


BÁO CÁO LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG

BÁO CÁO SỐ LƯỢNG CÁN BỘ NHÂN VIÊN

Tính đến ngày 31/12/2024, tổng số nhân sự của Trisedco duy trì ổn định với 155 cán bộ, công nhân viên (CB-CNV). Nhận thức sâu sắc rằng con người là tài sản quý giá nhất, Trisedco luôn lấy phương châm “Trách nhiệm – Hợp tác – Đãi ngộ” làm kim chỉ nam trong công tác quản trị nguồn nhân lực, nhằm tạo dựng một môi trường làm việc bền vững và gắn kết dài lâu với người lao động. Trải qua hơn 15 năm hình thành và phát triển, Trisedco tự hào sở hữu đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm, chuyên môn vững vàng và được đào tạo bài bản. Tinh thần làm việc tận tâm, không ngừng sáng tạo của tập thể nhân viên đã và đang đóng góp mạnh mẽ vào sự phát triển bền vững của Công ty. Trong năm 2024, lực lượng lao động tiếp tục ổn định về số lượng, đồng thời không ngừng nâng cao về chất lượng nhờ những chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ và phát triển kỹ năng mềm. Việc duy trì một đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, đồng lòng và tận tâm đã giúp Trisedco vững vàng vượt qua các thách thức kinh tế, khẳng định vị thế trên thị trường trong nước và quốc tế.

SỐ LƯỢNG NHÂN SỰ 2016 - 2024



BÁO CÁO LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG

NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2024	
SỐ LƯỢNG NHÂN SỰ	155
Thống kê theo giới tính	
Nam	68
Nữ	87
Thống kê theo khối chức năng	
Khối văn phòng	27
Khối nhà máy	55
Khối bốc tách	73
Thống kê theo trình độ	
Trên Đại học	1
Đại học	17
Cao đẳng, Trung Cấp	17
Khác	120
Thống kê theo độ tuổi	
Dưới 30 tuổi	11
Từ 30 – 50 tuổi	101
Trên 50 tuổi	43

THỐNG KÊ VỀ CẤP QUẢN LÝ					
Chỉ tiêu		Năm 2023		Năm 2024	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Tổng số lao động cấp quản lý		15	100%	14	9%
Giới tính	Nam	12	83%	11	78%
	Nữ	3	20%	3	22%
Độ tuổi	Dưới 30 tuổi	2	13,3%	2	14%
	Từ 30 – 50 tuổi	10	66,7%	8	57%
	Trên 50 tuổi	3	20%	4	29%

BÁO CÁO LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG

MỘT SỐ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chế độ làm việc:

- Thời gian làm việc 8 giờ/ngày, 6 ngày/tuần.
- Khi có yêu cầu đảm bảo tiến độ sản xuất, Trisedco có thể điều động nhân viên làm thêm giờ với chính sách phụ cấp theo quy định pháp luật.
- Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ nghỉ lễ, nghỉ phép và nghỉ việc riêng có hưởng lương theo quy định của Bộ luật Lao động.
- Bên cạnh đó, Công ty luôn tạo điều kiện để nhân viên sắp xếp lịch nghỉ phù hợp với nhu cầu cá nhân, đồng thời đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật và chính sách nội bộ

Điều kiện làm việc:

- Công ty trang bị đầy đủ công cụ, dụng cụ làm việc nhằm đảm bảo môi trường làm việc an toàn và hiệu quả.
- Công nhân được cấp phát đồng phục và thiết bị bảo hộ lao động đúng tiêu chuẩn nhằm đảm bảo vệ sinh và an toàn lao động
- Môi trường làm việc luôn được duy trì sạch sẽ, thông thoáng, với hệ thống chiếu sáng và thông gió đầy đủ.
- Các chương trình đào tạo thường xuyên được tổ chức về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy cũng như nâng cao kỹ năng chuyên môn.

Chính sách khen thưởng:

- Công ty xây dựng cơ chế khen thưởng minh bạch, công bằng
- Những cán bộ, công nhân viên có thành tích xuất sắc, đóng góp tích cực vào hoạt động sản xuất kinh doanh đều được ghi nhận, biểu dương và thưởng xứng đáng
- Khen thưởng linh hoạt theo các mốc thời gian và sự kiện quan trọng của doanh nghiệp

Lương và bảo hiểm phúc lợi:

- Chính sách lương thưởng được xây dựng minh bạch, gắn liền với hiệu quả công việc của từng cá nhân và tình hình kinh doanh của Công ty.
- Trích nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm theo quy định Nhà nước như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, chế độ ốm đau, thai sản.
- Thực hiện các chính sách hỗ trợ như nâng lương định kỳ, phụ cấp ăn giữa ca nhằm tạo động lực và duy trì sự ổn định trong đội ngũ lao động.

Các chế độ khác:

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể nhân viên
- Cấp phát đồng phục và trang thiết bị bảo hộ đầy đủ.
- Các hoạt động văn hóa, thể thao và chương trình gắn kết nội bộ được tổ chức thường xuyên nhằm nâng cao đời sống tinh thần của nhân viên và củng cố tinh thần đoàn kết trong tập thể.
- Công ty cũng hỗ trợ nhân viên gặp khó khăn đặc biệt, thiên tai hoặc ốm đau thông qua các quỹ hỗ trợ nội bộ hoặc chính sách hỗ trợ nhân đạo.

Chính sách nhất quán và môi trường làm việc chuyên nghiệp đã giúp Trisedco không ngừng giữ vững và phát huy sự gắn kết lâu dài giữa doanh nghiệp và người lao động

QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TRISEDCO

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất tại Trisedco, đóng vai trò quyết định mọi vấn đề chiến lược quan trọng như: tổ chức, giải thể công ty, định hướng phát triển dài hạn, bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm toán nội bộ. Ngoài ra, ĐHĐCĐ có thẩm quyền giải quyết các vấn đề theo quy định của pháp luật.

Hội đồng Quản trị (HĐQT)

- Hội đồng Quản trị, được bầu bởi ĐHĐCĐ, là cơ quan quản trị cao nhất của Trisedco, đại diện cho quyền lợi của cổ đông trong việc quyết định những vấn đề cốt lõi liên quan đến hoạt động và phát triển của công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền trực tiếp của ĐHĐCĐ.

- Hiện tại, HĐQT bao gồm 05 thành viên, trong đó có 2 thành viên độc lập nhằm đảm bảo tính khách quan và minh bạch trong hoạt động quản trị.

- Bên cạnh HĐQT, Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT đóng vai trò giám sát hoạt động tài chính, kiểm soát nội bộ và đảm bảo tính minh bạch trong quản trị doanh nghiệp.

Ban Kiểm soát, được ĐHĐCĐ bầu ra, hoạt động độc lập song song với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc (TGD) nhằm giám sát việc tuân thủ pháp luật, điều lệ và các quy chế quản trị nội bộ của công ty.

Ban Tổng Giám Đốc (TGD)

- Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm.

- Tổng Giám đốc là người đại diện pháp luật và điều hành cao nhất của công ty, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các chiến lược và kế hoạch mà HĐQT đề ra.

- Ban TGD điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày và đảm bảo đạt được các mục tiêu phát triển bền vững của công ty.

Bộ phận Chức năng

Các phòng ban chức năng có nhiệm vụ tham mưu và hỗ trợ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc:

- Xây dựng chiến lược phát triển, quản trị vận hành, chính sách nhân sự và đào tạo.

- Quản lý pháp lý, công nghệ thông tin, thương hiệu, marketing và quan hệ công chúng.

- Huy động vốn, thực hiện mua bán và sáp nhập (M&A) nhằm tối ưu hóa chi phí và gia tăng giá trị công ty.

- Tăng cường tương tác và phối hợp hiệu quả với các công ty thành viên thuộc Tập đoàn Sao Mai.

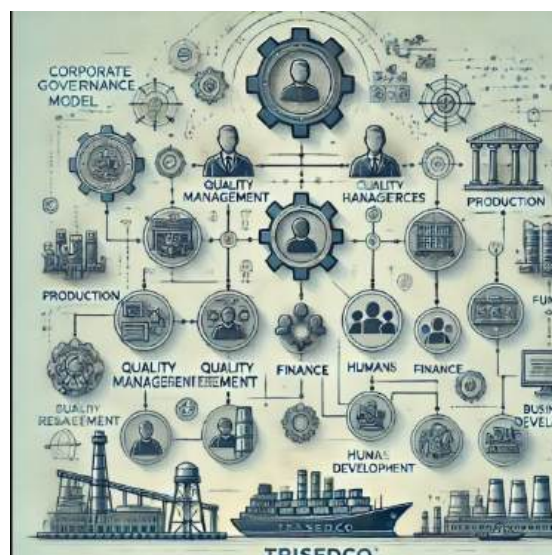
Quan hệ với Công ty Mẹ và Tập đoàn Sao Mai

Trisedco là một trong những đơn vị trọng điểm tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn Sao Mai, đóng vai trò hiện thực hóa chiến lược và chủ trương lớn từ Công ty Mẹ.

- Mọi quan hệ giữa Trisedco với Tập đoàn và các công ty thành viên luôn tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế quản trị và các quy định pháp lý liên quan.

- Các nhiệm vụ, dự án đòi hỏi sự phối hợp đa chiều giữa các phòng ban chức năng và các đơn vị thành viên khác nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động.

Với mô hình quản trị chuyên nghiệp, minh bạch và bền vững, Trisedco tiếp tục khẳng định vai trò là đơn vị nòng cốt trong hệ sinh thái kinh doanh của Tập đoàn Sao Mai.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2024



Quản trị công ty không chỉ là nền tảng quan trọng giúp doanh nghiệp vận hành ổn định mà còn là công cụ để phát triển bền vững trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt. Công tác quản trị tại Trisedco được thực hiện dựa trên các nguyên tắc minh bạch, công bằng và tuân thủ pháp luật nhằm:

- Xây dựng cơ cấu quản trị hợp lý, bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng Quản trị (HĐQT).
- Bảo vệ quyền lợi chính đáng của cổ đông và các bên liên quan.
- Tăng cường sự minh bạch trong điều hành, quản lý doanh nghiệp để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận nguồn vốn và nâng cao vị thế thương hiệu trên thị trường.

Năm 2024 tiếp tục là năm đầy thách thức trước bối cảnh kinh tế toàn cầu biến động.

Năm 2024 tiếp tục là năm đầy thách thức trước bối cảnh kinh tế toàn cầu biến động. Trisedco đã áp dụng hàng loạt biện pháp quyết liệt nhằm nâng cao

khả năng thích nghi, giảm thiểu rủi ro, duy trì hoạt động sản xuất – kinh doanh hiệu quả. Công ty không ngừng cải tiến công tác quản trị, rà soát và hoàn thiện các quy chế, quy định nội bộ để bảo đảm tuân thủ nghiêm ngặt theo pháp luật Việt Nam.

Theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, cơ cấu tổ chức của Trisedco được thiết lập như sau:

- Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định các vấn đề chiến lược theo Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.
- Hội đồng Quản trị (HĐQT) giữ vai trò quản lý công ty, chịu trách nhiệm chỉ đạo xây dựng chiến lược phát triển và thực hiện các quyền, nghĩa vụ không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Với định hướng quản trị tiên tiến, Trisedco quyết tâm tạo dựng nền tảng bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, góp phần thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ trong năm 2024 và những năm tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CƠ CẤU VÀ THÀNH PHẦN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cơ Cấu và Thành Phần Hội Đồng Quản Trị Nhiệm Kỳ 2020 – 2025

Hội đồng Quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ 2020 – 2025 được Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) bầu chọn tại cuộc họp thường niên năm 2020. Cơ cấu và thành phần của HĐQT được xây dựng nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị chặt chẽ, minh bạch và tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật hiện hành.

Quy mô và Cơ cấu Thành viên:

- Tổng số thành viên: 05 người.
- Thành phần bao gồm
 - + Thành viên điều hành: 01 thành viên
 - + Thành viên không điều hành: 04 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Điều 276, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ban hành ngày 31/12/2020.

Danh sách Thành viên HĐQT và Chức danh:

Name	Position	Nature	Note
Lê Văn Chung	Chủ tịch HĐQT	Không điều hành	
Lê Thanh Thuận	Phó Chủ tịch HĐQT	Không điều hành	
Lê Quốc Mạnh	Thành viên HĐQT	Điều hành	
Trần Hiếu	Thành viên HĐQT	Độc lập	
Hoàng Thị Thanh	Thành viên HĐQT	Độc lập	

Với đội ngũ HĐQT được lựa chọn kỹ lưỡng, Công ty cam kết tiếp tục phát triển bền vững, nâng cao năng lực quản trị nhằm tối ưu hóa lợi ích của cổ đông và đóng góp tích cực vào cộng đồng kinh doanh.



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các Tiểu Ban Thuộc Hội Đồng Quản Trị

Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và giám sát chặt chẽ các hoạt động quản trị, Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã thành lập các tiểu ban chuyên trách như Ban Kiểm toán Nội bộ và Ban Quản trị Công ty. Các tiểu ban này đóng vai trò hỗ trợ, tham mưu và kiểm soát việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế Quản trị của Công ty.

Chức năng nổi bật:

- **Tham mưu và kiến nghị:** Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp liên quan đến việc xây dựng và cải tiến hệ thống quản trị nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả vận hành của Công ty.
 - **Giám sát thành viên HĐQT:** Đánh giá việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng thành viên để đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm.
 - **Tuân thủ pháp luật:** Kiểm tra và giám sát nhằm đảm bảo Công ty hoạt động phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.
 - **Báo cáo tài chính:** Đảm bảo tính trung thực, minh bạch của các báo cáo tài chính cũng như thông tin công bố chính thức liên quan đến tình hình tài chính của Công ty.
 - **Kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro:** Rà soát, đánh giá và kiến nghị giải pháp nhằm tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ, giảm thiểu các rủi ro tiềm ẩn.
 - **Giao dịch liên quan:** Theo dõi, rà soát và đánh giá các giao dịch với bên liên quan, đồng thời đưa ra khuyến nghị về các giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT.
 - **Giám sát kiểm toán:** Theo dõi và kiểm soát hoạt động kiểm toán nội bộ nhằm đảm bảo tính khách quan, độc lập và hiệu quả trong quá trình kiểm toán.
 - **Chọn công ty kiểm toán:** Kiến nghị lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập, xác định thù lao và các điều khoản liên quan trước khi trình HĐQT thông qua và đưa ra ĐHCĐ phê duyệt.
 - **Đánh giá kiểm toán:** Giám sát tính độc lập, khách quan của đơn vị kiểm toán độc lập, đồng thời đánh giá hiệu quả của quy trình kiểm toán.
- Các tiểu ban chuyên môn này đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố quản trị doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả giám sát, đồng thời giúp Công ty phát triển bền vững trong môi trường kinh doanh đầy biến động.

STT	Tên đơn vị	Họ và tên	Chức vụ
1	Ban Quản trị	Phan Thiện Phú	Quản trị Công ty kiêm thư ký Công ty
2	Ban Kiểm toán nội bộ	Trần Thụy Thanh Thảo	Trưởng Ban
		Trần Bảo Đông	Thành viên
		Mai Thanh Thúy Vy	Thành viên

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Báo Cáo Kết Quả Thực Hiện Chức Năng, Nhiệm Vụ Của HĐQT

Vai trò và trách nhiệm của HĐQT:

- Là cơ quan quản lý cao nhất trong hoạt động điều hành của Công ty.
- Dẫn dắt và định hướng phát triển theo chiến lược được ĐHCĐ thông qua.
- Phân công rõ ràng chức năng, nhiệm vụ cho từng thành viên.
- Ban hành hệ thống quy định, quy chế hoạt động toàn diện.
- Tuân thủ chặt chẽ các quy định quản trị doanh nghiệp đối với công ty đại chúng.

Thành tựu nổi bật:

1. Xây dựng chiến lược phát triển

- Quyết định chiến lược dài hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm.
- Định hướng phù hợp với xu thế thị trường, tạo nền tảng phát triển bền vững.

2. Kiện toàn hệ thống quản trị

- củng cố, tinh gọn bộ máy lãnh đạo, nâng cao năng lực quản trị.
- Thu hút nhân sự chất lượng cao, tối ưu hóa nguồn lực.

3. Điều chỉnh linh hoạt theo thị trường

- Hoạch định chiến lược kinh doanh sát thực tiễn, phản ứng nhanh với biến động.
- Giải quyết kịp thời vấn đề phát sinh, tối ưu giá trị cho nhà đầu tư.

4. Duy trì vị thế và phát triển bền vững

- Giữ vững vị thế Công ty trên thị trường.
- Đảm bảo sự ổn định và tăng trưởng dài hạn trong ngành.



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kết Quả Thực Hiện Nghị Quyết ĐHĐCĐ Thường Niên Năm 2024

Tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024, các nội dung trọng yếu liên quan đến chiến lược phát triển dài hạn và công tác quản trị doanh nghiệp của Trisedco đã được thông qua. Trên cơ sở nghị quyết này, Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám đốc đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp chiến lược, chỉ đạo sát sao hoạt động sản xuất kinh doanh, cùng với sự nỗ lực không ngừng của toàn thể cán bộ nhân viên, mang lại những kết quả tích cực như sau:

- 1. Tăng trưởng kinh doanh bền vững:** Công ty duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, đẩy mạnh thị phần thông qua việc mở rộng kênh phân phối và tối ưu chuỗi cung ứng sản phẩm.
- 2. Kiện toàn hệ thống quản trị:** Tiếp tục cải tiến quy trình vận hành, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả trong quản lý nội bộ, đồng thời áp dụng các giải pháp quản trị rủi ro để đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả.
- 3. Thúc đẩy đổi mới sáng tạo:** Đầu tư nghiên cứu và phát triển nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tối ưu chi phí sản xuất và tăng cường lợi thế cạnh tranh trên thị trường.
- 4. Chăm lo đời sống người lao động:** Tăng cường các chính sách phúc lợi và đãi ngộ, chú trọng đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ nhân viên.

Nhờ sự đồng lòng, quyết tâm và tinh thần trách nhiệm của toàn bộ đội ngũ, Trisedco đã từng bước hiện thực hóa các mục tiêu đề ra trong nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024, tiếp tục khẳng định vị thế vững mạnh và uy tín của mình trong ngành.

1	Chỉ tiêu kinh doanh: - Doanh thu thuần: 2.938.534.598.760 đồng - Lợi nhuận sau thuế: 58.876.691.423 đồng
2	Chia cổ tức năm 2022 và năm 2023
3	Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT quyết định đầu tư các dự án lớn, hoặc giao dịch mua bán tài sản của Công ty
4	Lựa chọn Công ty TNHH Dịch Vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS) làm đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính.
5	Chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2023

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP VÀ NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

Trong năm 2024, Trisedco đã thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế quản trị công ty, đảm bảo mọi hoạt động diễn ra minh bạch, hiệu quả và tuân thủ đúng các nguyên tắc quản trị hiện đại. Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên, cùng nhiều cuộc họp quan trọng của Hội đồng quản trị (HĐQT), qua đó thảo luận và đưa ra các quyết sách mang tính chiến lược, giúp định hướng sự phát triển bền vững của Trisedco trong bối cảnh thị trường nhiều biến động.

Tại ĐHĐCĐ năm 2024, các nội dung chiến lược quan trọng đã được trình bày và thông qua với sự đồng thuận cao từ các cổ đông, bao gồm:

- **Kế hoạch kinh doanh linh hoạt và thích ứng:** Trisedco chủ trương điều chỉnh chiến lược kinh doanh để kịp thời thích nghi với sự biến động của thị trường. Công ty tập trung vào tối ưu hóa chi phí, nâng cao hiệu suất sản xuất và cải thiện chuỗi cung ứng, nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động và gia tăng giá trị cho doanh nghiệp.
- **Tăng cường công tác quản trị và kiểm soát nội bộ:** Nhận thức được tầm quan trọng của việc quản trị doanh nghiệp trong giai đoạn phát triển mới, Trisedco đã đề ra các giải pháp hoàn thiện hệ thống vận hành, nâng cao chất lượng kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro. Điều này không chỉ giúp đảm bảo hoạt động ổn định, tuân thủ các quy định pháp luật, mà còn nâng cao năng lực quản trị, hướng tới sự phát triển bền vững.
- **Thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển sản phẩm:** Đổi mới là yếu tố then chốt giúp Trisedco nâng cao năng lực cạnh tranh trong ngành thủy sản. Công ty tiếp tục đầu tư vào nghiên cứu và phát triển sản phẩm, ứng dụng công nghệ tiên tiến để cải thiện chất lượng, đồng thời mở rộng danh mục sản phẩm phù hợp với nhu cầu ngày càng đa dạng của thị trường trong nước và quốc tế.

Số	Số Nghị Quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2024/NQ-ĐHĐCĐ	22/04/2024	<div><div>- Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và Định hướng hoạt động năm 2024;</div><div>- Thông qua Báo cáo Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và kế hoạch kinh doanh năm 2024;</div><div>- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024;</div><div>- Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023;</div><div>- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và chi trả cổ tức năm 2022 và năm 2023;</div><div>- Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2024 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2024;</div><div>- Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định đầu tư các dự án lớn, hoặc giao dịch mua bán tài sản của Công ty;</div><div>- Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024;</div></div>

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số	Số Nghị Quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2024/NQ-ĐHĐCĐ	22/04/2024	<div><div>- Thông qua việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023 và dự kiến mức thù lao năm 2024;</div><div>- Thông qua việc vay vốn tại các tổ chức tín dụng;</div><div>- Thông qua việc sửa đổi điều lệ;</div><div>- Thông qua các giao dịch với các bên có liên quan;</div><div>- Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty tổ chức thực hiện các công việc cần thiết để triển khai các nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2024.</div></div>

Trong năm 2024, Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã tổ chức thành công 9 phiên họp để xem xét và thông qua nhiều biên bản, nghị quyết quan trọng thuộc thẩm quyền quản lý. Các nội dung thảo luận bao gồm định hướng chiến lược, quản trị doanh nghiệp, và điều chỉnh hoạt động kinh doanh nhằm tối ưu hiệu quả vận hành.

Tùy theo tính chất từng vấn đề, HĐQT đã ban hành hoặc công bố thông tin về biên bản, nghị quyết phù hợp, đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật. Những quyết sách này không chỉ thể hiện sự quyết đoán trong quản trị mà còn góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của Trisedco trong bối cảnh thị trường đầy thách thức.

Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ tham dự	Ghi chú
Lê Văn Chung	Chủ tịch	11	100%	
Lê Thanh Thuận	Phó Chủ tịch	11	100%	
Lê Quốc Mạnh	Thành viên	11	100%	
Trần Hiếu	Thành viên	11	100%	
Hoàng Thị Thanh	Thành viên	11	100%	

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số nghị quyết/Biên bản họp	Ngày	Nội dung
1	02012024	02/01/2024	Về việc cấp tín dụng ngắn hạn bởi Ngân hàng BPCE IOM – CN TP HCM.
2	0108/2024/NQ-HĐQT	08/01/2024	Về việc vay vốn và giao dịch với các bên liên quan
3	0223/2024/NQ-HĐQT	23/02/2024	Về việc triệu tập cuộc họp và ngày đăng ký cuối cùng của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
4	0530/2024/BBH-HĐQT	30/05/2024	Về việc nhận cấp tín dụng và tài sản đảm bảo tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, Chi nhánh An Giang
5	0522/2024/NQ-HĐQT	22/05/2024	Về việc chia cổ tức năm 2022 và 2023
6	0603/2024/BBH-HĐQT	03/06/2024	Về việc xem xét vay vốn, đề nghị cấp tín dụng tại Ngân hàng Nam Á – Chi nhánh Cần Thơ
7	0618/2024/NQ-HĐQT	18/06/2024	Thông qua chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2022 và năm 2023.
8	0815/2024/NQ-HĐQT	15/08/2024	Miễn nhiệm Giám đốc tài chính
9	0906/2024/BBH-HĐQT	06/09/2024	Nhận cấp tín dụng và tài sản bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, Chi nhánh An Giang.
10	1016/2024/BB-TRISED CO	16/10/2024	Về việc vay vốn, và bảo đảm cấp tín dụng tại Vietinbank
11	20112024	20/11/2024	Về việc bảo lãnh cho nghĩa vụ nợ và dùng tài sản của Công ty cho các nghĩa vụ tại Ngân hàng TMCP Phát Triển TP.HCM

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

Người Quản Trị và Thư Ký Công Ty

1. Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên:

- Đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật.
- Thực hiện quy trình tổ chức chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả.

2. Điều phối và chuẩn bị nội dung các cuộc họp:

- Đảm bảo tài liệu họp đầy đủ, chính xác và đúng tiến độ.
- Điều phối các cuộc họp của HĐQT, Ban Kiểm soát và ĐHĐCĐ theo yêu cầu.

3. Tư vấn và hỗ trợ quy trình quản trị:

- Cung cấp tư vấn chi tiết về thủ tục và quy trình tổ chức họp.
- Đề xuất các giải pháp tối ưu hóa hệ thống quản trị nội bộ.

4. Giám sát và báo cáo thông tin:

- Theo dõi chặt chẽ công tác công bố thông tin theo quy định pháp luật.
- Báo cáo kịp thời lên HĐQT nhằm đảm bảo tính minh bạch và tuân thủ trong hoạt động doanh nghiệp.



Ban Kiểm Toán Nội Bộ

1. Rà soát và đánh giá tài chính – kế toán

- Kiểm tra toàn diện tình hình tài chính – kế toán nhằm đảm bảo minh bạch, tối ưu hóa quản lý nguồn lực.
- Phát hiện và khắc phục kịp thời các rủi ro tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

2. Giám sát & đánh giá kế hoạch kinh doanh

- Theo dõi, phân tích việc thực hiện kế hoạch kinh doanh, đối chiếu với chỉ tiêu do HĐQT phê duyệt.



- Đánh giá mức độ hoàn thành, đề xuất giải pháp tối ưu hóa hoạt động kinh doanh.

3. Kiểm tra, đánh giá tuân thủ quy trình & chính sách

- Kiểm tra mức độ tuân thủ quy trình nội bộ, chính sách tài chính – kế toán và chuẩn mực kế toán.
- Đảm bảo hệ thống vận hành đúng quy định, giảm thiểu rủi ro sai sót và vi phạm pháp lý.

4. Thẩm tra & phân tích báo cáo tài chính

- Rà soát, đối chiếu tính chính xác của sổ sách kế toán, đảm bảo số liệu minh bạch và hợp lệ.
- Phân tích báo cáo chi phí tài chính hàng tháng, đề xuất giải pháp quản trị tài chính hiệu quả.
- Kiểm tra mức độ tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và việc triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ & HĐQT.

Báo cáo này khẳng định vai trò tích cực của các Tiểu ban trong việc đảm bảo công tác quản trị minh bạch, hiệu quả, góp phần duy trì sự phát triển bền vững của Trisedco.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Báo cáo hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Trong năm 2024, thành viên HĐQT độc lập đã tích cực tham gia các hoạt động quản trị và giám sát nhằm đảm bảo sự minh bạch, hiệu quả trong hoạt động điều hành của Công ty. Với vai trò quan trọng trong việc kiểm soát và định hướng chiến lược, thành viên HĐQT độc lập đã có những đóng góp đáng kể như sau:

- **Duy trì hoạt động xuyên suốt:** Tham gia đầy đủ các cuộc họp thường kỳ, đột xuất của HĐQT và các cuộc giao ban điều hành, đảm bảo theo sát tình hình hoạt động của Công ty.

- **Nắm bắt và đóng góp ý kiến:** Theo dõi sát sao tình hình sản xuất, kinh doanh, đề xuất nhiều ý kiến quan trọng nhằm hỗ trợ thực hiện các mục tiêu chiến lược đã được ĐHCĐ thông qua.

- **Kiểm tra, giám sát quản trị:** Phối hợp chặt chẽ với các phòng/ban chức năng trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động quản trị doanh nghiệp, đảm bảo tính tuân thủ và hiệu quả.

- **Nâng cao hiệu quả điều hành:** Đóng góp vào việc tối ưu hóa quản lý rủi ro, tăng cường tính minh bạch và hiệu quả trong hoạt động điều hành của Công ty.

Báo cáo của Thành viên HĐQT độc lập về việc đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT

Trong năm 2024, thành viên HĐQT độc lập đã tiến hành đánh giá toàn diện về hoạt động của HĐQT, đảm bảo tuân thủ đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Luật Doanh nghiệp. Qua quá trình theo dõi và phân tích, các đánh giá chủ đạo được ghi nhận như sau:

1. Vai trò định hướng chiến lược

- HĐQT tiếp tục khẳng định năng lực hoạch định, giám sát và điều chỉnh chiến lược kinh doanh phù hợp với diễn biến thị trường.

- Các quyết sách trọng yếu từ Ban Điều hành đều được phản biện kỹ lưỡng trước khi triển khai, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả.

2. Tinh thần trách nhiệm

- Các thành viên HĐQT thể hiện tinh thần chủ động, trách nhiệm cao trong việc thực hiện vai trò quản lý và giám sát.

- Quy trình ra quyết định được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật và mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

3. Phối hợp và quản lý hiệu quả

- HĐQT không chỉ giám sát hoạt động của Ban Điều hành mà còn đóng vai trò cầu nối quan trọng giữa các cấp quản lý.

- Tích cực phối hợp với Ban Điều hành trong việc tìm kiếm giải pháp tối ưu, giúp Công ty vượt qua thách thức và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nhìn chung, thành viên HĐQT độc lập đánh giá cao sự linh hoạt, tinh thần trách nhiệm của HĐQT trong năm 2024. Những nỗ lực này đã giúp Công ty tiếp tục phát triển bền vững, duy trì vị thế vững chắc trên thị trường.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Phân công, phân nhiệm cho các thành viên của Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2024, HĐQT tiếp tục phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Tổng Giám đốc nhằm quản lý và điều hành các lĩnh vực sản xuất kinh doanh theo đúng định hướng của ĐHĐCĐ và chỉ đạo của HĐQT. Việc phân nhiệm được thực hiện nghiêm túc theo Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị doanh nghiệp, đảm bảo tính chặt chẽ và hiệu quả trong hoạt động điều hành.

HĐQT cũng linh hoạt chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc đánh giá, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ quản lý đơn vị trước những biến động thị trường và các thách thức phát sinh. Công tác điều chỉnh nhân sự không chỉ nhằm tăng cường năng lực quản lý mà còn đáp ứng kịp thời yêu cầu tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

Đánh giá hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2024, hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc đã được Hội đồng Quản trị (HĐQT) giám sát chặt chẽ và đánh giá một cách toàn diện. HĐQT đã chủ động tổ chức nhiều cuộc họp để chất vấn, thảo luận và đánh giá hiệu quả việc triển khai các kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua. Quá trình này không chỉ giúp đảm bảo việc thực hiện chiến lược đúng hướng, mà còn tạo cơ hội để điều chỉnh và tối ưu hóa chiến lược kinh doanh nhằm vượt qua các thách thức và tận dụng cơ hội mới.

- HĐQT tổ chức nhiều phiên họp để chất vấn, thảo luận và đánh giá hiệu quả hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.

- HĐQT theo sát tình hình sản xuất kinh doanh, đưa ra các ý kiến chỉ đạo hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc điều chỉnh chiến lược và vượt qua thách thức.

- Ban Tổng Giám đốc và đội ngũ cán bộ chủ chốt tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT để báo cáo tình hình và tiếp nhận chủ trương từ HĐQT.

- Ban Tổng Giám đốc tổ chức họp định kỳ để rà soát tiến độ kế hoạch kinh doanh, phân tích rủi ro và điều chỉnh chiến lược khi cần thiết.

- HĐQT đưa ra ý kiến bằng văn bản cho các vấn đề vượt thẩm quyền của Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo giám sát và điều hành minh bạch, hiệu quả.

- HĐQT phối hợp chặt chẽ với các bộ phận trong công ty và lắng nghe các đề xuất từ đại diện cổ đông để đưa ra quyết định quản trị phù hợp.



Năm 2024, HĐQT ghi nhận và đánh giá cao những nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ điều hành doanh nghiệp. Với tinh thần trách nhiệm cao, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai hiệu quả các chỉ đạo của HĐQT, đưa ra những giải pháp linh hoạt và phù hợp với tình hình thị trường. Nhờ sự phối hợp chặt chẽ giữa HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, Trisedco không chỉ đạt được nhiều thành tựu quan trọng mà còn giữ vững vị thế trên thị trường, khẳng định năng lực quản trị, điều hành chuyên nghiệp và sáng tạo.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Trong năm 2024, Ban Kiểm toán Nội bộ đã triển khai hiệu quả các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và đánh giá hoạt động tài chính kế toán của Trisedco, góp phần củng cố hệ thống quản trị doanh nghiệp và tăng cường tính minh bạch, hiệu quả trong quản lý tài chính.

Về tình hình tài chính

Tình hình tài chính của Công ty trong năm 2024 được duy trì ổn định và minh bạch, với sự tuân thủ nghiêm ngặt các chuẩn mực kế toán và các quy định tài chính hiện hành. Các chỉ số tài chính quan trọng đều được kiểm soát chặt chẽ, giúp Công ty đảm bảo sự ổn định trong hoạt động và sẵn sàng đối phó với các thách thức của thị trường.

- Ban Kiểm toán Nội bộ đánh giá Công ty đã tuân thủ nghiêm ngặt các chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.
- Hệ thống quản lý chứng từ kế toán được tổ chức chặt chẽ, khoa học, đảm bảo truy xuất nhanh chóng và đầy đủ trong các đợt kiểm tra hoặc kiểm toán.
- Việc mở sổ kế toán và quản lý sổ quỹ thực hiện đúng quy định, bảo đảm ghi chép, cập nhật kịp thời và chính xác các phiếu thu, phiếu chi, cùng với đối chiếu báo nợ/có ngân hàng hàng ngày.
- Các chỉ số tài chính quan trọng như công nợ, vốn vay, tính thanh khoản, hiệu quả sử dụng tài sản, trích lập dự phòng và vốn chủ sở hữu đều tuân thủ các quy định tài chính – kế toán, đảm bảo hoạt động tài chính ổn định.
- Dòng tiền của Công ty được duy trì tốt, đảm bảo tính thanh khoản và sức khỏe tài chính lành mạnh, đặc biệt trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động và thách thức.



Về báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính của Công ty trong năm 2024 đã được trình bày một cách trung thực, hợp lý và tuân thủ các quy định pháp luật. Hội đồng Quản trị (HĐQT) xác nhận tính chính xác và minh bạch của các báo cáo tài chính, đồng thời Ban Tổng Giám đốc duy trì sự cẩn trọng trong công tác kế toán và lập báo cáo tài chính.

- HĐQT xác nhận các báo cáo kinh doanh và báo cáo tài chính quý, 06 tháng và năm của Công ty được trình bày trung thực, hợp lý, nhất quán và phù hợp với các quy định pháp luật.
- Ban Tổng Giám đốc duy trì mức độ cẩn trọng hợp lý trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Kết quả từ các báo cáo được Ban Điều hành trình bày tại các cuộc họp, kết quả kiểm tra thực tế và số liệu kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập đều cho thấy tình hình tài chính của Công ty ở trạng thái hoàn toàn lành mạnh.



Ban Kiểm toán Nội bộ nhận định năm 2024, Trisedco đã duy trì tốt các nguyên tắc tài chính – kế toán, đáp ứng yêu cầu quản lý minh bạch, hiệu quả và tuân thủ pháp luật. Sự đồng hành và giám sát chặt chẽ của Ban Kiểm toán Nội bộ đã góp phần quan trọng vào việc củng cố hệ thống quản trị tài chính vững chắc và thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thành phần của Ban kiểm soát và các cuộc họp của Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV	Trình độ chuyên môn
1	Lê Thành Thủy Linh	Trưởng Ban	16/04/2023	Cử nhân QTKD
2	Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên	16/04/2023	Cử nhân QTKD
3	Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên	16/04/2023	Kỹ sư CNTT

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Số buổi họp	Tỷ lệ tham dự	Tỷ lệ biểu quyết	Ghi chú
1	Lê Thành Thủy Linh	04	100%	100%	
2	Nguyễn Thị Thùy Linh	04	100%	100%	
3	Nguyễn Hữu Dũng	04	100%	100%	

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm Soát đã tích cực thực hiện vai trò giám sát và tư vấn nhằm bảo đảm hoạt động quản trị của Công ty diễn ra minh bạch, hiệu quả và tuân thủ các quy định pháp luật. Dưới đây là các hoạt động trọng tâm trong năm 2024:

- **Giám sát thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ:** Theo dõi sát tiến độ các mục tiêu chiến lược, kịp thời cảnh báo và đề xuất điều chỉnh để đảm bảo hoàn thành kế hoạch đúng tiến độ.
- **Tham dự họp HĐQT:** Tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ và đột xuất, đưa ra ý kiến tư vấn xử lý vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- **Định hướng Kiểm toán Nội bộ:** Chỉ đạo kiểm tra tài chính, đánh giá tuân thủ và nâng cao hiệu quả kiểm soát nội bộ.
- **Cải thiện quy trình kiểm soát:** Xem xét, đề xuất tối ưu quy trình tại các phòng ban trọng yếu nhằm khắc phục điểm yếu và tăng khả năng phát hiện rủi ro.

Ban Kiểm Soát đã hoàn thành tốt vai trò giám sát, góp phần đảm bảo hoạt động quản trị minh bạch và hiệu quả trong năm 2024.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT



Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát và hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm toán nội bộ và các cán bộ quản lý khác

- Ban Kiểm soát tích cực đóng góp ý kiến trong các cuộc họp với HĐQT, Ban Kiểm toán nội bộ và Ban Tổng Giám đốc, giúp định hướng xử lý các vấn đề quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Chủ động phát hiện và đề xuất giải pháp khắc phục những thiếu sót trong quy trình kiểm soát nội bộ của các phòng ban
- Phối hợp chặt chẽ và thường xuyên với HĐQT, Ban TGD cùng các cán bộ quản lý nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và giám sát hoạt động tại Công ty.
- Đánh giá cao vai trò điều hành của HĐQT và Ban TGD, khẳng định việc quản lý, điều hành đã được thực hiện một cách hiệu quả, cẩn trọng, phù hợp với chiến lược phát triển do ĐHĐCĐ đề ra, đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật.

Kế hoạch hoạt động năm 2025

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo chức năng được giao.
- Tăng cường kiểm soát các hoạt động kinh doanh, sản xuất, tài chính và đầu tư nhằm phát hiện, phòng ngừa rủi ro.
- Giám sát sát sao HĐQT và Ban TGD trong việc triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.
- Đặc biệt tập trung kiểm soát và xử lý các rủi ro trọng yếu đã được phát hiện trong năm 2023.
- Thẩm tra định kỳ việc tuân thủ và hiệu quả của các quy trình nội bộ.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Cổ đông, đảm bảo hoạt động của Công ty duy trì sự minh bạch, hiệu quả và phát triển bền vững.



THÙ LAO, THU NHẬP KHÁC CỦA HĐQT, BTGD

LƯƠNG THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC VÀ CHI PHÍ CHO TỪNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC				
STT	Ban lãnh đạo	Vị trí		
I	Hội đồng quản trị			Ghi chú
1	Lê Văn Chung	Chủ tịch		360.000.000
2	Nguyễn Văn Hung	Phó Chủ tịch		72.000.000
4	Lê Thanh Thuận	Phó Chủ tịch		21.000.000
5	Lê Quốc Mạnh	Thành viên HĐQT		51.000.000
6	Trần Hiếu	TV HĐQT ĐL		72.000.000
7	Hoàng Thị Thanh	TV HĐQT ĐL		72.000.000
II	Ban Kiểm soát			
1	Lê Thành Thủy Linh	Trưởng BKS		25.500.000
2	Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên		17.000.000
3	Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên		17.000.000
II	Ban Tổng Giám đốc			
1	Lê Văn Lâm	TGD		804.042.000
2	Lê Hoàng Cương	Phó TGD		460.890.000
3	Lê Quốc Mạnh	Phó TGD		460.983.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

- Trong năm 2024, không ghi nhận bất kỳ giao dịch cổ phiếu nào của cổ đông nội bộ.

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

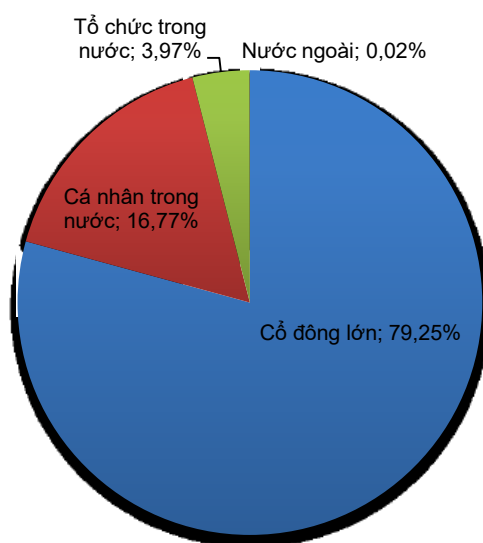
- Trong năm 2024, Công ty không phát sinh bất kỳ hợp đồng hoặc giao dịch nào với cổ đông nội bộ.

THÔNG TIN CỔ PHẦN VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

THÔNG TIN CỔ PHẦN

- Tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết đang lưu hành: 69.228.341 cổ phần
- Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần
- Số lượng cổ phần có quyền chuyển nhượng tự do: 69.228.341 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật: 0 cổ phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CỦA TRISEDCO



TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN
1	Lê Văn Chung	Chủ tịch HĐQT	0,32%
2	Lê Thanh Thuận	Phó Chủ tịch HĐQT	3,94%
3	Lê Quốc Mạnh	Thành viên HĐQT điều hành	0%
4	Trần Hiếu	Thành viên HĐQT độc lập	0%
5	Hoàng Thị Thanh	Thành viên HĐQT độc lập	0%

THÔNG TIN CỔ PHẦN VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT			
Tên tổ chức, cá nhân	Địa chỉ	Số lượng	Tỷ lệ
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI	Quốc lộ 80, CCN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.	54.861.340	79,25%
Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai	326 Hùng Vương, Mỹ Long, Long Xuyên, An Giang	2.725.569	3,94%
Lê Thanh Thuận	326 Hùng Vương, Mỹ Long, Long Xuyên, An Giang	2.725.569	3,94%
Nguyễn Văn Hung	49/30 Khúc Thừa Dụ, Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang	91.758	0,13%
Lê Văn Chung	326 Hùng Vương, Mỹ Long, Long Xuyên, An Giang	218.951	0,32%
Lê Xuân Quế	45 Lê Lợi, Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang	60.869	0,09%
Trương Vĩnh Thành	Bình Khánh 7, Long Xuyên, An Giang	1	0,00%
Lê Văn Thành	706 Hà Hoàng Hổ, Long Xuyên, An Giang	29.252	0,04%
Võ Thị Hồng Tâm	326 Hùng Vương, Long Xuyên, An Giang	906	0,00%
Lê Văn Thủy	645/33 Trần Hưng Đạo, Long Xuyên, An Giang	159.534	0,23%
Phạm Đình Nam	19/4B Trần Hưng Đạo, Mỹ Quý, Long Xuyên, An Giang	33.612	0,05%
Võ Thị Thanh Tâm	Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang	0	0,00%
Võ Quốc Chánh	Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang	0	0,00%
Võ Quốc Hưng	Thành Phố Hồ Chí Minh	0	0,00%
Nguyễn Thị Hà	49/30 Khúc Thừa Dụ, Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang	36.340	0,05%
Nguyễn Hồng Ngự	49/30 Khúc Thừa Dụ, Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang	18.714	0,03%
Nguyễn Thị Diệu Hiền	Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang	19.076	0,03%
Lê Văn Tình	Thới Bình, Ninh Kiều, Cần Thơ	0	0,00%
TỔNG CỘNG		58.596.491	88,09%

QUẢN TRỊ RỦI RO

Để giảm thiểu rủi ro và đảm bảo mục tiêu kinh doanh, Trisedco đã xây dựng một chiến lược quản lý rủi ro toàn diện, nhằm không chỉ bảo vệ mà còn tạo ra lợi thế cạnh tranh bền vững. Với cam kết duy trì hoạt động hiệu quả và ổn định, công ty đặc biệt chú trọng vào việc xây dựng một nền tảng vững chắc về đạo đức nghề nghiệp và văn hóa tuân thủ. Đây được xem là yếu tố cốt lõi trong công tác quản trị rủi ro, đảm bảo rằng mọi quyết định và hành động của công ty đều hướng tới mục tiêu dài hạn, an toàn và phát triển bền vững.

Vai trò và mục tiêu của quản trị rủi ro

Quản trị rủi ro tại Trisedco là một quy trình mang tính hệ thống và có nguyên tắc, được áp dụng để hoạch định chiến lược và thực hiện trong toàn công ty. Mục tiêu chính của quản trị rủi ro là phát hiện, đánh giá và quản lý những sự kiện có khả năng ảnh hưởng đến chiến lược và mục tiêu kinh doanh của công ty. Qua đó, chúng ta không chỉ giảm thiểu tác động tiêu cực mà còn nắm bắt cơ hội để phát triển. Trong bối cảnh thị trường đầy biến động, rủi ro là yếu tố không thể tránh khỏi trong quá trình hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, việc có một kế hoạch quản trị rủi ro rõ ràng sẽ giúp công ty tránh, giảm thiểu và kiểm soát các hậu quả khi rủi ro xảy ra..

Quản trị rủi ro tại Trisedco không chỉ là một công cụ quan trọng giúp công ty đạt được mục tiêu chiến lược mà còn là yếu tố then chốt đảm bảo sự quản trị hiệu quả và sự phát triển bền vững trong môi trường kinh doanh ngày càng phức tạp. Việc quản lý rủi ro đúng cách không chỉ giúp công ty hạn chế các tác động tiêu cực mà còn tạo ra cơ hội mới, giúp công ty duy trì lợi thế cạnh tranh và vững vàng trong quá trình phát triển.

Mục tiêu quản trị rủi ro mà Trisedco xây dựng không chỉ tập trung vào việc giảm thiểu thiệt hại mà còn đảm bảo đạt được các kết quả dài hạn. Cụ thể:

- **Hỗ trợ hoàn thành chiến lược kinh doanh:** Giúp công ty triển khai chiến lược hiệu quả bằng cách kiểm soát và quản lý các yếu tố rủi ro, đảm bảo hướng đi đúng đắn và đạt được mục tiêu đã đề ra.
- **Tối ưu hóa phân bổ nguồn lực:** Quản trị rủi ro giúp sử dụng nguồn lực tài chính và nhân lực một cách hiệu quả, giảm thiểu lãng phí và nâng cao hiệu quả công việc.
- **Giảm thiểu sai sót và tối ưu hóa quy trình:** Giúp hạn chế các sai sót trong hoạt động vận hành, giảm chi phí phát sinh và duy trì sự ổn định trong công ty.
- **Xây dựng lòng tin và đáp ứng kỳ vọng của các bên liên quan:** Nhờ quản lý rủi ro tốt, Trisedco củng cố niềm tin từ nhà đầu tư và đối tác, tạo mối quan hệ bền vững.

- **Cải thiện năng lực ra quyết định:** Cung cấp thông tin và phân tích về các yếu tố rủi ro, giúp lãnh đạo đưa ra quyết định chiến lược chính xác và kịp thời.

Thông qua việc quản lý rủi ro hiệu quả, Trisedco không chỉ bảo vệ công ty khỏi nguy cơ mà còn tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài.

Đặc biệt, trong năm 2023, khi nền kinh tế đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, vai trò của quản trị rủi ro tại Trisedco càng trở nên quan trọng. Trong một năm đầy thử thách, Trisedco đã duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và đảm bảo an toàn cho đội ngũ cán bộ công nhân viên (CB-CNV). Đây là bước phát triển mạnh mẽ, hiện thực hóa chiến lược kinh doanh của công ty và đặt nền tảng vững chắc cho sự phát triển trong thời gian tới.

Cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro

Quản trị rủi ro được thực hiện qua một cơ cấu tổ chức rõ ràng, với sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ phận:

Bộ phận	Vai trò quản trị rủi ro
Hội đồng quản trị	Ban hành quy chế, chính sách quản trị rủi ro và quyết định cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ của bộ máy quản trị rủi ro.
Ban Tổng Giám đốc	Giám sát và đảm bảo hoạt động quản trị rủi ro được thực thi hiệu quả trong toàn công ty.
Ban kiểm soát	Giám sát và đảm bảo hoạt động quản trị rủi ro được triển khai đúng quy trình và hiệu quả.
Ban Kiểm toán nội bộ	Phối hợp với các bộ phận chức năng thực hiện quản trị rủi ro thông qua các công cụ và quy trình đã được ban hành, đảm bảo tính toàn vẹn và hiệu quả trong việc quản lý rủi ro..

QUẢN TRỊ RỦI RO

NHẬN DIỆN VÀ KIỂM SOÁT CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU TRONG NĂM 2024

Trong năm 2024, Công ty đã tiến hành phân tích, đánh giá và chủ động quản lý các nhóm rủi ro chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm tối ưu hóa quy trình và bảo vệ sự ổn định lâu dài của doanh nghiệp.

Chỉ tiêu	Nhận diện rủi ro	Biện pháp ứng phó
RỦI RO VỀ PHÁP LÝ	<p>Chi phối bởi quy định pháp lý: Trisedco hoạt động dưới sự chi phối của các quy định pháp lý như Luật Doanh nghiệp, Đầu tư, Chứng khoán, Thuế, và Bảo hiểm xã hội.</p> <p>Rủi ro từ thay đổi pháp luật: Việc thay đổi và cập nhật pháp luật có thể tạo ra rủi ro nếu công ty không kịp thời áp dụng các quy định mới.</p> <p>Rủi ro trong quá trình kinh doanh: Rủi ro pháp lý có thể phát sinh trong suốt quá trình kinh doanh liên quan đến hợp đồng, giao dịch và quyền lợi của các bên liên quan.</p>	<p>- Rà soát và hoàn thiện quy chế, quy trình nội bộ: Công ty chủ động cập nhật và điều chỉnh các quy chế, quy trình nội bộ để phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.</p> <p>- Kiểm tra hợp đồng và thỏa thuận kinh doanh: Đội ngũ nhân viên kinh doanh và pháp lý kiểm tra định kỳ hợp đồng, thỏa thuận để đảm bảo tính hợp pháp và tuân thủ đầy đủ yêu cầu pháp lý.</p> <p>- Cập nhật và đào tạo pháp lý cho nhân viên: Công ty thường xuyên cập nhật các thay đổi pháp luật và tổ chức đào tạo, phổ biến các quy định mới đến các bộ phận chức năng.</p> <p>- Hỗ trợ tư vấn pháp lý cho các dự án và hợp đồng hợp tác: Các bộ phận chức năng phối hợp với Ban Tổng Giám đốc để tư vấn và đảm bảo các dự án, hợp đồng hợp tác tuân thủ đúng pháp luật.</p>
RỦI RO VỀ NGUYÊN LIỆU	<p>- Biến động thị trường cá tra và phụ phẩm chế biến thủy sản: Hoạt động sản xuất bột cá tiếp tục gặp khó khăn do sự thay đổi liên tục của thị trường cá tra và các phụ phẩm từ ngành chế biến thủy sản.</p> <p>- Yếu tố môi trường và dịch bệnh: Các vấn đề như suy thoái môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm và dịch bệnh trên cá nuôi tiềm ẩn nguy cơ, mặc dù chưa xuất hiện dịch bệnh lớn.</p> <p>- Khan hiếm phụ phẩm và giá nguyên liệu tăng: Tình trạng khan hiếm phụ phẩm gia tăng khiến giá nguyên liệu đầu vào bị đẩy lên cao, tạo ra áp lực lớn đối với chi phí sản xuất.</p>	<p>- Chủ động dự trữ nguyên liệu: Tăng cường thu mua nguyên liệu vào thời điểm giá thấp và trữ kho để giảm thiểu rủi ro từ biến động chi phí đầu vào.</p> <p>- Dự báo chính xác thị trường: Phân tích kỹ lưỡng biến động giá cả, xây dựng chiến lược bán hàng linh hoạt để tận dụng các cơ hội khi giá nguyên liệu tăng cao.</p> <p>- Đa dạng hóa nguồn cung: Mở rộng tìm kiếm và thiết lập mối quan hệ với nhiều nhà cung cấp mới để giảm sự phụ thuộc vào các đối tác truyền thống, tạo sự chủ động trong nguồn cung.</p> <p>- Tối ưu hóa quy trình sản xuất: Cải tiến quy trình sản xuất để nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên liệu, từ đó tiết giảm chi phí và duy trì sự cạnh tranh trên thị trường.</p>

QUẢN TRỊ RỦI RO

Chi tiêu	Nhận diện rủi ro	Biện pháp ứng phó
RỦI RO VỀ TÀI CHÍNH	<p>Năm 2024, Công ty tiếp tục đối diện với nhiều rủi ro tài chính quan trọng, bao gồm rủi ro tín dụng, lãi suất và tỷ giá hối đoái.</p> <p>- Rủi ro tín dụng: Trisedco có thể gặp phải tình trạng khách hàng không thanh toán đúng hạn các khoản phải thu, gây áp lực lớn về dòng tiền. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng duy trì hoạt động sản xuất. Ngoài ra, việc tiền gửi ngân hàng không sinh lời như mong đợi cũng tác động đến kế hoạch tài chính của công ty.</p> <p>- Rủi ro tỷ giá: Biến động tỷ giá giữa đồng Việt Nam và USD có thể làm thay đổi giá thành sản phẩm xuất khẩu. Khi tỷ giá không thuận lợi, lợi nhuận từ các hợp đồng xuất khẩu có thể giảm. Điều này ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của Trisedco trên thị trường quốc tế.</p> <p>- Rủi ro lãi suất: Các khoản vay ngắn hạn với lãi suất thả nổi có thể làm tăng chi phí tài chính khi lãi suất tăng. Điều này tạo gánh nặng tài chính cho công ty trong việc quản lý dòng tiền. Hơn nữa, lợi nhuận từ tiền gửi ngắn hạn cũng bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi của lãi suất.</p>	<p>- Quản lý cơ cấu dư nợ linh hoạt: Trisedco sẽ cân nhắc kỹ lưỡng việc vay nợ bằng VND và USD dựa trên doanh thu xuất khẩu, đảm bảo lãi suất vay hợp lý và đủ nguồn ngoại tệ để thanh toán các nghĩa vụ nợ. Các phương án cơ cấu nợ sẽ được Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị xem xét điều chỉnh linh hoạt để giảm thiểu tác động từ biến động tỷ giá và lãi suất..</p> <p>- Lập kế hoạch dòng tiền sát sao: Bộ phận Tài chính sẽ xây dựng kế hoạch dòng tiền chi tiết và theo dõi thường xuyên để đảm bảo công ty có đủ nguồn lực để thanh toán các khoản nợ đúng hạn. Việc này sẽ giúp Ban Tổng Giám đốc đưa ra các quyết định điều hành nhanh chóng và hiệu quả, duy trì sự ổn định tài chính.</p> <p>- Kiểm soát rủi ro tín dụng: Công ty sẽ thường xuyên đánh giá chất lượng tín dụng của khách hàng và các khoản phải thu, tiền gửi, đồng thời áp dụng phương thức thanh toán bằng L/C để giảm thiểu rủi ro thanh toán. Các hợp đồng và thỏa thuận sẽ được theo dõi chặt chẽ để đảm bảo không có khoản phải thu quá hạn, giúp duy trì dòng tiền ổn định.</p> <p>- Tối ưu hóa nguồn vốn: Trisedco sẽ chủ động điều chỉnh cơ cấu nợ và vốn chủ sở hữu sao cho phù hợp với từng giai đoạn sản xuất kinh doanh và tình hình biến động thị trường tín dụng. Đồng thời, công ty cũng sẽ tìm cách tối ưu hóa lợi nhuận từ các khoản tiền gửi ngắn hạn để giảm thiểu ảnh hưởng của sự thay đổi lãi suất.</p>

QUẢN TRỊ RỦI RO

Chỉ tiêu	Nhận diện rủi ro	Biện pháp ứng phó
RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG	<p>- Biến đổi khí hậu phức tạp: Tình hình biến đổi khí hậu tiếp tục diễn ra phức tạp, tạo ra những rủi ro lớn đối với ngành thủy sản và sản xuất của Trisedco.</p> <p>- Ô nhiễm môi trường và hạn hán: Ô nhiễm môi trường và hạn hán gia tăng, gây ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng nguồn nước và hoạt động nuôi cá.</p> <p>- Xâm nhập mặn sâu vào nội đồng: Sự xâm nhập mặn sâu vào các khu vực nuôi trồng thủy sản làm giảm nguồn nước ngọt, ảnh hưởng đến quá trình nuôi cá Tra.</p> <p>- Dịch bệnh thủy sản: Sự bùng phát dịch bệnh trong hệ sinh thái thủy sản tiềm ẩn nguy cơ giảm chất lượng và nguồn cung phụ phẩm cá Tra, ảnh hưởng đến sản xuất của Trisedco.</p>	<p>- Kiểm soát môi trường: Kiểm tra định kỳ các chỉ số môi trường như nước thải, khí thải, đảm bảo hoạt động sản xuất không gây ô nhiễm và tuân thủ tiêu chuẩn bảo vệ môi trường.</p> <p>- Ứng phó khẩn cấp: Triển khai phương án xử lý sự cố môi trường khẩn cấp để phản ứng nhanh và hiệu quả khi có sự cố, bảo vệ hoạt động sản xuất.</p> <p>- Bảo hiểm vận chuyển: Mua bảo hiểm cho hàng hóa vận chuyển để giảm thiểu thiệt hại từ các yếu tố bất khả kháng, bảo vệ tài chính công ty.</p> <p>- Đảm bảo an toàn vận hành: Đảm bảo phương tiện vận chuyển được kiểm định đầy đủ theo quy định, nâng cao an toàn và hiệu quả trong vận hành.</p>
RỦI RO VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT	<p>- Biến động giá nguyên vật liệu: Trisedco đối mặt với thách thức trong việc kiểm soát giá nguyên vật liệu khi thị trường biến động, có thể làm tăng chi phí sản xuất.</p> <p>- Quản lý chi phí sản xuất: Việc không kiểm soát được định mức tiêu hao nguyên liệu sẽ làm tăng giá thành sản phẩm, ảnh hưởng đến lợi nhuận và sức cạnh tranh.</p> <p>- Tối ưu hóa quy trình sản xuất: Cần chú trọng vào việc tối ưu hóa quy trình vận hành để duy trì hiệu quả sản xuất và giảm thiểu lãng phí nguyên liệu.</p>	<p>- Quản lý nguồn cung: Tăng cường đánh giá và lựa chọn các nhà cung cấp uy tín, đảm bảo chất lượng ổn định và giá cả hợp lý, từ đó giảm thiểu tác động của biến động giá nguyên vật liệu.</p> <p>- Kiểm toán chi phí: Bộ phận Kiểm toán nội bộ sẽ kiểm tra chặt chẽ các khoản chi phí mua nguyên liệu, giúp đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong việc quản lý chi phí sản xuất.</p> <p>- Bảo trì thiết bị: Thực hiện bảo trì và sửa chữa định kỳ để duy trì tình trạng vận hành của máy móc, từ đó giảm thiểu sự cố hư hỏng và ngừng sản xuất bất ngờ, đảm bảo hiệu quả hoạt động.</p> <p>- Chuẩn hóa quy trình: Xây dựng và áp dụng quy trình sản xuất tối ưu nhằm giảm thiểu lãng phí nguyên liệu, tối ưu hóa công đoạn và nâng cao năng suất, từ đó cải thiện khả năng cạnh tranh trên thị trường.</p>

QUẢN TRỊ RỦI RO

Chỉ tiêu	Nhận diện rủi ro	Biện pháp ứng phó
RỦI RO VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	- Biến động kinh tế toàn cầu: Tình hình kinh tế năm 2024 sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng từ sự biến động toàn cầu, ảnh hưởng đến tổng cầu và nhu cầu tiêu thụ sản phẩm.	- Kịch bản ứng phó linh hoạt: Xây dựng và cập nhật các phương án điều hành kinh doanh theo nhiều kịch bản thị trường khác nhau để ứng phó chủ động với biến động; Chuẩn bị biện pháp dự phòng như quỹ tài chính dự trữ và đối tác chiến lược.
	- Tăng trưởng kinh tế không ổn định: Nếu nền kinh tế phát triển ổn định, nhu cầu sản phẩm sẽ gia tăng. Tuy nhiên, suy thoái kinh tế có thể khiến nhu cầu thị trường giảm mạnh, ảnh hưởng đến doanh thu.	- Chính sách giá linh hoạt: Điều chỉnh giá bán sản phẩm theo thị trường để duy trì sức cạnh tranh và tối ưu hóa lợi nhuận; Áp dụng chiến lược giá linh hoạt trong các mùa cao điểm để gia tăng doanh thu.
	- Biến động giá bán sản phẩm: Giá bán sản phẩm có thể thay đổi bất thường, gây ra thách thức lớn trong việc duy trì mức giá cạnh tranh và lợi nhuận ổn định cho công ty.	- Tối ưu chi phí: Kiểm soát chi phí vận hành, tối ưu hóa quy trình sản xuất và tăng năng suất lao động; đầu tư vào công nghệ để giảm chi phí và cải thiện hiệu quả công việc.
RỦI RO VỀ THỊ TRƯỜNG	- Cạnh tranh gay gắt: Ngành bột cá và mỡ cá của Trisedco đang đối mặt với sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các doanh nghiệp khác trong cùng lĩnh vực.	- Chất lượng là cốt lõi: Đảm bảo sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng cao và kiểm soát nghiêm ngặt các chỉ tiêu chất lượng để duy trì uy tín và giữ chân khách hàng.
	- Thị trường Trung Quốc: Mặc dù Trung Quốc là điểm tiêu thụ lớn nhất, nhưng số lượng doanh nghiệp được cấp phép xuất khẩu bột cá ngày càng tăng, tạo áp lực lớn cho Trisedco.	- Phân tích phòng ngừa rủi ro: Chủ động phân tích các yếu tố tác động đến quá trình sản xuất để đưa ra giải pháp kiểm soát, giảm thiểu rủi ro trong mọi giai đoạn sản xuất.
	- Nguy cơ thu hẹp thị phần: Trisedco có thể bị thu hẹp thị phần nếu không có chiến lược phù hợp để duy trì và mở rộng thị trường.	- Mở rộng thị trường: Khai thác thêm các thị trường xuất khẩu tiềm năng ngoài Trung Quốc để giảm thiểu phụ thuộc vào một thị trường duy nhất và tăng trưởng bền vững.
		- Quy trình kiểm soát chặt chẽ: Xây dựng và vận hành quy trình sản xuất tối ưu để hạn chế sai sót, nâng cao hiệu quả và tăng cường năng lực cạnh tranh trên thị trường.

TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Nhằm nâng cao giá trị thông tin và tối ưu trải nghiệm cho cổ đông, Báo cáo phát triển bền vững năm 2024 của Trisedco tiếp tục được tích hợp trong Báo cáo thường niên. Điều này giúp cung cấp thông tin chất lượng, ngắn gọn, tránh trùng lặp, đồng thời phản ánh đầy đủ định hướng phát triển bền vững của doanh nghiệp trong bối cảnh kinh tế - xã hội và thị trường đầy biến động.

Mục tiêu báo cáo

Báo cáo phát triển bền vững được xây dựng nhằm cung cấp cho nhà đầu tư, cổ đông và các bên liên quan cái nhìn toàn diện về chiến lược phát triển của Trisedco trong hành trình kiến tạo giá trị bền vững. Báo cáo không chỉ phản ánh hoạt động kinh doanh mà còn làm rõ cam kết của Trisedco đối với trách nhiệm môi trường, xã hội và cộng đồng.



Công ty đã phân tích các yếu tố hiện tại và tiềm ẩn có khả năng tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Trên cơ sở đó, Trisedco xác định thứ tự ưu tiên dựa trên mức độ ảnh hưởng đối với các bên liên quan, đồng thời đưa ra các thông tin về:

- Định hướng phát triển và chiến lược dài hạn.
- Chính sách quản lý môi trường, xã hội và nhân sự
- Hoạt động cộng đồng gắn kết với người lao động
- Các biện pháp đổi mới sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao giá trị bền vững

Phạm vi báo cáo

Báo cáo phản ánh toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Trisedco trong năm tài chính 2024. Thông tin dữ liệu được tổng hợp từ các hoạt động thường xuyên của Công ty, bao gồm:



- Hoạt động an toàn lao động;
- Công tác bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội
- Các chiến lược đổi mới nhằm thích nghi với những thách thức kinh tế - xã hội năm 2024.

Báo cáo không chỉ trình bày kết quả năm vừa qua mà còn đề ra các mục tiêu chiến lược cho những năm tiếp theo, nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững trong bối cảnh thị trường toàn cầu liên tục biến động.

Căn cứ lập báo cáo

Báo cáo phát triển bền vững năm 2024 của Trisedco được lập dựa trên các quy định pháp lý và hướng dẫn hiện hành, bao gồm:

- Phụ lục IV – Báo cáo thường niên tại Thông tư số **96/2020/TT-BTC** ngày 16/11/2020.
- Hướng dẫn lập Báo cáo phát triển bền vững của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Các tiêu chuẩn quốc tế về phát triển bền vững phù hợp với ngành sản xuất và kinh doanh thủy sản.

Ranh giới báo cáo

Báo cáo này tập trung vào lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thủy sản của Công ty Trisedco, với trọng tâm là các hoạt động gắn liền với trách nhiệm môi trường, xã hội và cộng đồng. Trisedco cam kết duy trì sự minh bạch, trung thực và trách nhiệm trong mọi hoạt động, hướng đến phát triển bền vững và lợi ích lâu dài cho cổ đông cũng như các bên liên quan.

QUẢN TRỊ HƯỚNG ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tuân thủ chặt chẽ quy định pháp luật và áp dụng các thông lệ quản trị doanh nghiệp tiên tiến, Trisedco không ngừng hoàn thiện cơ cấu quản trị theo hướng ngày càng vững mạnh. Công ty đã từng bước xây dựng khung quản trị toàn diện bao gồm Điều lệ, Quy chế, Quy định và các văn bản pháp quy nội bộ. Hệ thống này được thiết kế nhằm đảm bảo tính chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả trong mọi hoạt động quản trị, hướng đến sự phát triển bền vững và gia tăng giá trị cho cổ đông.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Định hướng chiến lược và chỉ đạo chung về phát triển bền vững.
- Phê duyệt các mục tiêu, kế hoạch hành động và giám sát quá trình thực hiện.
- Đảm bảo phát triển bền vững được tích hợp vào chiến lược dài hạn của Trisedco.



BAN ĐIỀU HÀNH

- Xây dựng và trình Hội đồng Quản trị các mục tiêu, kế hoạch phát triển bền vững.
- Chia sẻ và truyền đạt chiến lược bền vững đến toàn bộ nhân sự trong công ty.
- Đánh giá, điều chỉnh và tối ưu hóa các chương trình phát triển bền vững.



CÁC KHỐI VÀ BỘ PHẬN CHỨC NĂNG

- Triển khai, thực hiện kế hoạch phát triển bền vững theo định hướng của Ban Điều hành.
- Tích hợp các mục tiêu bền vững vào từng hoạt động sản xuất, kinh doanh và vận hành.
- Theo dõi, báo cáo tiến độ thực hiện và đề xuất giải pháp cải thiện khi cần thiết.



NHÂN VIÊN

- Thực hiện nhiệm vụ hằng ngày liên quan đến phát triển bền vững.
- Chủ động đóng góp ý tưởng, sáng kiến để nâng cao hiệu quả thực hiện mục tiêu.
- Tuân thủ các chính sách, quy định và tiêu chuẩn về phát triển bền vững.

Mô hình quản trị Công ty được thực hiện dựa trên sự kết hợp giữa các yếu tố:

1. Nền tảng cơ cấu quản trị vững chắc

Trisedco thiết lập hệ thống quản trị chặt chẽ với đầy đủ các cấp quản lý, bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị, các Ban chuyên trách trực thuộc Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành. Cơ cấu này đảm bảo sự phân cấp rõ ràng, tối ưu hóa hoạt động điều hành và kiểm soát rủi ro.

2. Tiệm cận chuẩn mực quốc tế

Công ty không ngừng cải tiến hệ thống quản trị theo các thông lệ quản trị doanh nghiệp tốt nhất, hướng đến tính minh bạch, hiệu quả và trách nhiệm. Trisedco áp dụng các tiêu chuẩn quản trị tiên tiến để nâng cao khả năng cạnh tranh và thu hút đầu tư.

3. Phù hợp với pháp luật Việt Nam

Trisedco cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành, đặc biệt là các quy định về quản trị doanh nghiệp đối với công ty niêm yết. Công ty liên tục rà soát, cập nhật các chính sách quản trị để đảm bảo phù hợp với quy định mới và nâng cao tính bền vững trong hoạt động kinh doanh.

4. Áp dụng nhất quán trong tập đoàn

Là một thành viên của Tập đoàn Sao Mai, Trisedco áp dụng đồng bộ các chính sách, quy trình và công cụ quản trị nhằm tối ưu hóa hoạt động, nâng cao hiệu suất vận hành và đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan trong tập đoàn.

QUAN HỆ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trisedco xác định các bên liên quan là những cá nhân, tổ chức có tác động hoặc chịu ảnh hưởng từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Với cam kết phát triển bền vững, Trisedco không ngừng mở rộng hợp tác và đồng hành cùng các bên liên quan nhằm tạo ra giá trị chung, thúc đẩy sự phát triển lâu dài và cân bằng lợi ích giữa doanh nghiệp, xã hội và môi trường.

Chúng tôi luôn lắng nghe, thấu hiểu nhu cầu của các bên liên quan thông qua các cuộc đối thoại thường xuyên, đảm bảo mọi ý kiến đóng góp được ghi nhận và phản hồi kịp thời. Mỗi quan hệ giữa Trisedco và các bên liên quan được xây dựng dựa trên nguyên tắc minh bạch, tin cậy và trách nhiệm, giúp nhận diện sớm các cơ hội và rủi ro, từ đó có giải pháp ứng phó phù hợp.

Để tăng cường sự gắn kết và tối ưu hóa giá trị đóng góp cho cộng đồng, Trisedco thiết lập cơ chế đối thoại linh hoạt, phù hợp với từng nhóm đối tượng. Các vấn đề về xã hội, môi trường và quản trị luôn được ưu tiên thảo luận, nhằm định hướng chiến lược phát triển bền vững, nâng cao trách nhiệm doanh nghiệp và tạo dựng một hệ sinh thái kinh doanh hài hòa với cộng đồng.



QUAN HỆ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

KHÁCH HÀNG

Khách hàng là trọng tâm: Cam kết cung cấp bột cá, mỡ cá chất lượng cao với giá trị dinh dưỡng tối ưu, giúp nâng cao hiệu suất chăn nuôi và tối ưu chi phí sản xuất cho khách hàng trong ngành thức ăn thủy sản và gia súc.

Đảm bảo chất lượng ổn định: Ứng dụng công nghệ hiện đại, kiểm soát chặt chẽ từ nguyên liệu đến thành phẩm.

Hợp tác bền vững: Xây dựng quan hệ lâu dài với khách hàng bằng chính sách giá cả cạnh tranh, hỗ trợ tín dụng linh hoạt và dịch vụ hậu mãi chuyên nghiệp, giúp đối tác phát triển bền vững.

Giao hàng nhanh chóng, đúng hẹn: Duy trì hệ thống logistics hiện đại, kho bãi quy mô lớn, đảm bảo giao hàng đúng tiến độ, đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất của khách hàng.

Đồng hành cùng sự phát triển của khách hàng: Luôn lắng nghe, tiếp nhận phản hồi từ khách hàng để không ngừng cải tiến sản phẩm và dịch vụ, mang lại lợi ích dài hạn và nâng cao năng lực cạnh tranh cho cả hai bên.

Tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế: Đáp ứng đầy đủ các quy định pháp luật trong nước và quốc tế, đạt chứng nhận HACCP, đảm bảo sản phẩm không chỉ an toàn mà còn thân thiện với môi trường.



CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Minh bạch và tuân thủ quy định: Công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định pháp luật, giúp cổ đông và nhà đầu tư nắm bắt rõ tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của Trisedco.

Tôn trọng cam kết và đảm bảo quyền lợi: Thực hiện nghiêm túc các thỏa thuận với cổ đông, đối tác, đảm bảo công bằng và bảo vệ lợi ích hợp pháp của tất cả các bên liên quan.

Lắng nghe và chia sẻ: Chủ động tiếp nhận phản hồi từ cổ đông, nhà đầu tư, cung cấp thông tin chi tiết về chiến lược phát triển, định hướng mở rộng và các cơ hội đầu tư tiềm năng.

Bình đẳng trong tiếp cận thông tin: Cung cấp thông tin một cách khách quan, không thiên vị, đảm bảo mọi cổ đông và nhà đầu tư có cơ hội tiếp cận thông tin như nhau để đưa ra quyết định đúng đắn.

Gia tăng giá trị bền vững: Cam kết phát triển hoạt động sản xuất bột cá, mỡ cá theo hướng bền vững, nâng cao hiệu quả kinh doanh, đảm bảo giá trị cổ phiếu phản ánh đúng tiềm năng thực tế của Trisedco.



QUAN HỆ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

ĐỐI THỦ CẠNH TRANH

Tinh thần cạnh tranh lành mạnh: Duy trì môi trường cạnh tranh công bằng, xem đối thủ như nguồn học hỏi để nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ.

Tôn trọng và hợp tác: Xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với các doanh nghiệp cùng ngành, tôn trọng thành công của họ và tìm kiếm cơ hội hợp tác để phát triển thị trường chung.



Tránh hành vi gây hại: Không thực hiện các hành vi phá hoại, bôi nhọ danh tiếng hoặc gây tổn hại đến lợi ích của đối thủ; tập trung vào cải tiến sản phẩm và dịch vụ của chính mình.

Cạnh tranh công bằng: Tuân thủ các quy định về giá cả, không thông đồng hoặc thao túng thị trường; đảm bảo chất lượng sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế như HACCP và ISO 9001-22000.

Minh bạch và trách nhiệm: Điều hành hoạt động kinh doanh minh bạch, chịu trách nhiệm với cộng đồng và môi trường, góp phần xây dựng ngành thủy sản phát triển bền vững.

NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nguồn nhân lực là tài sản cốt lõi: Trisedco luôn coi nguồn nhân lực là yếu tố then chốt trong sự phát triển bền vững. Chúng tôi xây dựng môi trường làm việc năng động, sáng tạo, giúp mỗi cá nhân phát huy tối đa tiềm năng và đóng góp cho sự thành công chung.

Chế độ đãi ngộ và phúc lợi: Chúng tôi áp dụng chính sách phúc lợi cạnh tranh và các chế độ đãi ngộ hấp dẫn nhằm thu hút, giữ chân và phát triển nhân tài, khuyến khích mọi người phát triển cùng công ty.

Minh bạch trong lương thưởng: Chính sách lương thưởng của Trisedco được thiết kế công bằng, minh bạch, gắn kết chặt chẽ với kết quả công việc và hiệu quả kinh doanh, đảm bảo sự công bằng và động lực phát triển cho nhân viên.

Đánh giá nhân sự công bằng: Trisedco xây dựng hệ thống đánh giá nhân sự công bằng, hiệu quả, nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ và tạo cơ hội thăng tiến cho những cá nhân xuất sắc.

Cam kết bảo vệ quyền lợi và an toàn: Trisedco cam kết bảo vệ quyền lợi hợp pháp và an toàn nghề nghiệp cho người lao động, thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật, đồng thời phản đối mọi hình thức cưỡng bức lao động.



QUAN HỆ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

NHÀ CUNG ỨNG

Đối tác chiến lược: Nhà cung ứng là yếu tố then chốt trong chuỗi sản xuất bột cá, mỡ cá, góp phần đảm bảo chất lượng và sự thành công của Trisedco.

Hợp tác công bằng, minh bạch: Lựa chọn nhà cung ứng dựa trên năng lực, uy tín và chất lượng sản phẩm, không áp đặt điều kiện bất lợi, đảm bảo quy trình làm việc minh bạch.

Bảo mật và tôn trọng thông tin: Cam kết bảo vệ tuyệt đối thông tin kinh doanh của nhà cung ứng, không tiết lộ cho bên thứ ba hoặc đối thủ cạnh tranh.

Đảm bảo chất lượng và nguồn cung ổn định: Yêu cầu nhà cung ứng cung cấp nguyên liệu đạt tiêu chuẩn HACCP, ISO 9001-22000, đảm bảo nguồn cung bền vững và ổn định.

Phát triển bền vững, đôi bên cùng có lợi: Xây dựng quan hệ hợp tác lâu dài, cùng tối ưu chi phí và nâng cao giá trị chuỗi cung ứng trong ngành nguyên liệu thức ăn chăn nuôi.



CƠ QUAN NHÀ NƯỚC



Đóng góp vào tăng trưởng kinh tế: Thúc đẩy ngành chế biến bột cá, mỡ cá phát triển bền vững, nâng cao giá trị xuất khẩu và đóng góp vào nền kinh tế quốc gia.

Tuân thủ pháp luật và nghĩa vụ tài chính: Chấp hành nghiêm các quy định về môi trường, an toàn thực phẩm và thuế, đảm bảo minh bạch trong hoạt động kinh doanh.

Tạo việc làm và phát triển cộng đồng: Ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương, nâng cao thu nhập, góp phần phát triển kinh tế vùng nuôi trồng thủy sản.

Hợp tác tích cực với cơ quan nhà nước: Phối hợp với các cơ quan chức năng để nâng cao tiêu chuẩn ngành, nhưng không lợi dụng quan hệ để trục lợi hay thực hiện hành vi không minh bạch.

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Bảo vệ môi trường trong sản xuất: Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về xử lý nước thải, khí thải và chất thải rắn trong quá trình sản xuất bột cá, mỡ cá, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường địa phương.

Phát triển bền vững: Kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế và trách nhiệm môi trường, áp dụng công nghệ sản xuất hiện đại, tiết kiệm năng lượng và hạn chế ô nhiễm.

Hỗ trợ cộng đồng địa phương: Tích cực tham gia các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ người dân vùng nuôi trồng thủy sản, cải thiện cơ sở hạ tầng và đời sống cộng đồng.



QUAN HỆ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

CÁC TIẾP CẬN Ý KIẾN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

ĐỐI TƯỢNG	CÁCH TIẾP CẬN
Khách hàng	<p>Hỗ trợ khách hàng đa kênh: Xây dựng hệ thống chăm sóc khách hàng qua hotline, email, mạng xã hội và chatbot, giúp giải đáp thắc mắc và hỗ trợ đơn hàng kịp thời, chuyên nghiệp.</p> <p>Khảo sát và cải tiến sản phẩm: Thực hiện khảo sát định kỳ qua phiếu đánh giá, phỏng vấn trực tuyến để nâng cao chất lượng bột cá, mỡ cá, đáp ứng yêu cầu dinh dưỡng và tiêu chuẩn an toàn của ngành thức ăn chăn nuôi.</p> <p>Tương tác và kết nối trực tiếp: Chủ động tham gia hội chợ, hội thảo ngành thủy sản, chăn nuôi trong và ngoài nước để gặp gỡ khách hàng, cập nhật xu hướng thị trường và mở rộng quan hệ hợp tác.</p> <p>Cung cấp thông tin minh bạch, chính xác: Cập nhật thường xuyên về sản phẩm, giá cả, tiêu chuẩn chất lượng và chính sách bán hàng qua nhiều kênh, giúp khách hàng dễ dàng tiếp cận thông tin cần thiết.</p> <p>Xử lý khiếu nại nhanh chóng, hiệu quả: Thiết lập quy trình tiếp nhận và giải quyết phản hồi qua email, điện thoại và nền tảng trực tuyến, cam kết xử lý sự cố nhanh, minh bạch, đảm bảo quyền lợi khách hàng.</p>
Cổ đông và nhà đầu tư	<p>Hỗ trợ phản hồi nhanh chóng: Trisedco thiết lập hệ thống hỗ trợ qua email, điện thoại và website nhằm tiếp nhận, giải quyết kịp thời các thắc mắc của cổ đông và nhà đầu tư, đảm bảo thông tin rõ ràng, chính xác, minh bạch.</p> <p>Tổ chức họp cổ đông định kỳ: Định kỳ tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo đúng quy định, công khai chiến lược kinh doanh, báo cáo tài chính và kế hoạch phát triển, giúp cổ đông theo dõi tình hình doanh nghiệp.</p> <p>Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: Xây dựng cơ chế thu thập ý kiến cổ đông qua biểu quyết bằng văn bản về các quyết định quan trọng như kế hoạch đầu tư, chia cổ tức và mở rộng thị trường, đảm bảo tính dân chủ và công bằng.</p> <p>Công bố thông tin minh bạch: Cập nhật thường xuyên báo cáo tài chính, sản lượng sản xuất, kế hoạch mở rộng và các chỉ số tăng trưởng trên website công ty và kênh truyền thông chính thức, giúp cổ đông dễ dàng tiếp cận thông tin.</p> <p>Xây dựng quan hệ với nhà đầu tư chiến lược: Trisedco chú trọng thu hút nhà đầu tư trong ngành thức ăn chăn nuôi và thủy sản nhằm mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo lợi ích lâu dài cho cổ đông.</p> <p>Chính sách cổ tức và tái đầu tư hợp lý: Duy trì chính sách cổ tức phù hợp với tình hình kinh doanh, đồng thời cân đối lợi nhuận để tái đầu tư nâng cấp công nghệ, mở rộng thị trường và gia tăng giá trị doanh nghiệp.</p>

QUAN HỆ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

CÁC TIẾP CẬN Ý KIẾN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

ĐỐI TƯỢNG	CÁCH TIẾP CẬN
Đối thủ cạnh tranh	<p>Hợp tác trong chuỗi cung ứng: Xây dựng mối quan hệ với các doanh nghiệp chế biến cá tra để tối ưu nguồn nguyên liệu, tránh lãng phí và cùng nâng cao giá trị phụ phẩm. Hợp tác này giúp đảm bảo nguồn cung ổn định, giảm rủi ro trong sản xuất.</p> <p>Cạnh tranh công bằng, minh bạch: Không tham gia vào các hành vi thao túng giá, ép giá nguyên liệu hay gây áp lực lên nhà cung cấp. Tôn trọng nguyên tắc cạnh tranh lành mạnh để tạo môi trường kinh doanh bền vững và ổn định cho toàn ngành.</p> <p>Học hỏi và cập nhật xu hướng: Chủ động tham gia hội nghị, hội thảo ngành chế biến phụ phẩm thủy sản và thức ăn chăn nuôi để cập nhật công nghệ mới, tối ưu quy trình sản xuất. Theo dõi chiến lược mở rộng thị trường và cải tiến sản phẩm của đối thủ để có những điều chỉnh phù hợp với Trisedco.</p> <p>Chia sẻ kinh nghiệm và đổi mới công nghệ: Không ngừng cải tiến quy trình sản xuất để nâng cao chất lượng bột cá, mỡ cá theo tiêu chuẩn quốc tế. Hợp tác nghiên cứu phát triển công nghệ chế biến mới để đáp ứng yêu cầu của thị trường xuất khẩu và nâng cao giá trị sản phẩm.</p> <p>Giải quyết tranh chấp bằng đối thoại: Khi phát sinh mâu thuẫn hoặc xung đột lợi ích, Trisedco ưu tiên sử dụng các kênh chính thức như email, cuộc họp trực tuyến hoặc gặp gỡ trực tiếp để thương lượng, tránh gây ảnh hưởng tiêu cực đến quan hệ hợp tác lâu dài.</p> <p>Xây dựng quan hệ bền vững với đối thủ chiến lược: Đối với những doanh nghiệp có định hướng phát triển tương đồng, Trisedco có thể cân nhắc hợp tác chiến lược để mở rộng thị trường, chia sẻ nguồn lực và cùng nâng cao năng lực cạnh tranh.</p>
Người lao động	<p>Lắng nghe và thấu hiểu: Thực hiện khảo sát định kỳ, tiếp nhận ý kiến để cải thiện môi trường làm việc và chế độ phúc lợi.</p> <p>Đào tạo nâng cao: Tổ chức các khóa huấn luyện chuyên môn, kỹ thuật và kỹ năng mềm để tăng năng suất lao động.</p> <p>Đối thoại minh bạch: Xây dựng kênh phản hồi trực tiếp và gián tiếp nhằm bảo vệ quyền lợi người lao động.</p> <p>Truyền thông hiệu quả: Cập nhật thông tin nội bộ qua nhiều kênh để phổ biến chính sách và hoạt động công đoàn.</p> <p>An toàn và công bằng: Tuân thủ quy định an toàn lao động, trang bị bảo hộ và áp dụng chính sách minh bạch.</p>

QUAN HỆ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

CÁC TIẾP CẬN Ý KIẾN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

ĐỐI TƯỢNG	CÁCH TIẾP CẬN
Nhà cung ứng	<p>Mở rộng nguồn cung: Tìm kiếm, đánh giá và hợp tác với nhiều nhà cung cấp để đa dạng hóa nguyên liệu bột cá, mỡ cá và các sản phẩm liên quan.</p> <p>Kiểm soát chất lượng: Đánh giá định kỳ về năng lực, uy tín và chất lượng sản phẩm nhằm đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn của Trisedco.</p> <p>Thương lượng hiệu quả: Duy trì đối thoại trực tiếp và trực tuyến để tối ưu điều kiện hợp tác, giải quyết nhanh chóng các vấn đề phát sinh.</p> <p>Hợp tác minh bạch: Cam kết hợp tác công bằng, lâu dài, đảm bảo lợi ích hài hòa giữa Trisedco và nhà cung cấp mà không lạm dụng lợi thế quy mô.</p>
Cơ quan nhà nước	<p>Tuân thủ quy định pháp luật: Thực hiện nghiêm túc các chính sách, quy định pháp luật về sản xuất, môi trường, lao động và thuế.</p> <p>Hợp tác kiểm tra, giám sát: Phối hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng trong các đợt thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất.</p> <p>Báo cáo minh bạch: Cung cấp đầy đủ, chính xác các báo cáo tài chính, môi trường và hoạt động sản xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý.</p> <p>Đề xuất sáng kiến bền vững: Chủ động triển khai các giải pháp giảm phát thải, xử lý nước thải, bảo vệ môi trường trong sản xuất bột cá và mỡ cá.</p> <p>Công khai thông tin: Cập nhật thường xuyên trên website và phương tiện truyền thông về hoạt động kinh doanh, các tiêu chuẩn và chứng nhận của công ty.</p> <p>Đối thoại và hợp tác: Tham gia hội nghị, diễn đàn kinh tế, đóng góp ý kiến vào chính sách ngành, thúc đẩy sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và địa phương.</p>
Cộng đồng địa phương	<p>Kết nối và đồng hành: Tổ chức và tài trợ các chương trình hỗ trợ cộng đồng, khuyến khích người dân tham gia vào hoạt động phát triển bền vững.</p> <p>Trách nhiệm xã hội: Góp phần nâng cao đời sống địa phương thông qua tài trợ giáo dục, y tế, các chương trình thiện nguyện và hỗ trợ sinh kế.</p> <p>Bảo vệ môi trường: Ứng dụng công nghệ xử lý nước thải, kiểm soát tiếng ồn, khí thải và chất thải rắn trong sản xuất bột cá, mỡ cá, đảm bảo môi trường trong lành.</p> <p>Hợp tác với chính quyền địa phương: Phối hợp triển khai các dự án môi trường, phát triển kinh tế và nâng cao chất lượng đời sống cộng đồng.</p> <p>Đối thoại và lắng nghe: Tham gia hội nghị, diễn đàn địa phương để chia sẻ thông tin, tiếp nhận phản hồi và cải thiện các hoạt động sản xuất theo hướng thân thiện với cộng đồng.</p>

QUẢN TRỊ HƯỚNG ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trisedco luôn chủ động tiếp cận và duy trì mối quan hệ chặt chẽ với các bên liên quan thông qua đa dạng kênh tương tác và phương thức trao đổi khác nhau. Chúng tôi không ngừng lắng nghe, thấu hiểu và nắm bắt mỗi quan tâm của từng nhóm đối tác để nâng cao hiệu quả hoạt động và tạo ra giá trị bền vững.

Việc xác định và đánh giá mức độ ưu tiên của các lĩnh vực trọng yếu được thực hiện theo quy trình rõ ràng, đảm bảo sự cân bằng giữa lợi ích doanh nghiệp và nhu cầu của các bên liên quan. Trisedco cam kết xây dựng chiến lược phát triển phù hợp, hài hòa lợi ích và thúc đẩy sự phát triển lâu dài.

Xác định lĩnh vực trọng yếu

- Đánh giá bối cảnh kinh tế vĩ mô, thị trường ngành thủy sản, chiến lược phát triển của Trisedco và các vấn đề nội tại của doanh nghiệp.
- Tiếp nhận và phân tích kỳ vọng từ các bên liên quan để nhận diện các chủ đề quan trọng có khả năng tác động đến hoạt động kinh doanh.

Đánh giá mức độ ưu tiên

- Phân tích từng chủ đề đã xác định theo hai khía cạnh: lợi ích đối với các bên liên quan và mức độ ảnh hưởng đến công ty.
- Xếp hạng mức độ ưu tiên theo các cấp Thấp – Trung bình – Cao, từ đó xây dựng ma trận trọng yếu phản ánh kết quả đánh giá.

Xác nhận bởi cấp quản lý

- Đề trình kết quả đánh giá lên đội ngũ quản lý cấp cao liên quan để xem xét, xác nhận và phê duyệt nhằm đảm bảo tính khả thi và hiệu quả của các định hướng chiến lược.

Truyền thông và triển khai các chương trình hành động

- Xây dựng mục tiêu cụ thể và kế hoạch hành động chi tiết cho từng lĩnh vực trọng yếu đã được phê duyệt.
- Tổ chức truyền thông nội bộ và bên ngoài nhằm thông báo kế hoạch triển khai.
- Theo dõi, đánh giá và điều chỉnh các chương trình, hoạt động để đảm bảo mục tiêu đề ra.



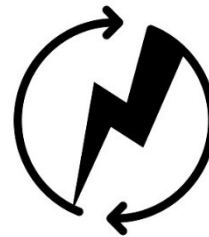
CÁC YẾU TỐ TRỌNG YẾU VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



**Quản lý nguồn
nguyên liệu**



**Quản lý
nguồn nước**



**Tiêu thụ
năng lượng**

Quản lý Nguồn Nguyên Liệu tại Trisedco



1. Chủ động nguồn nguyên liệu từ phụ phẩm cá tra/basa:

Trisedco xem nguồn nguyên liệu phụ phẩm cá tra/basa là yếu tố cốt lõi giúp nâng cao khả năng cạnh tranh của các sản phẩm.

- Để chủ động nguồn cung, công ty tận dụng phụ phẩm từ các công ty thủy sản thuộc Tập đoàn Sao Mai, vốn sở hữu các vùng nuôi cá khép kín, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về số lượng và chất lượng nguyên liệu.

2. Quy trình sản xuất khép kín:

- Phụ phẩm cá tra/basa sau khi thu mua sẽ được chế biến thành mỡ cá thô – nguyên liệu quan trọng cho quá trình sản xuất dầu cá tinh luyện thương hiệu Ranee.

- Quy trình khép kín từ khâu thu mua đến chế biến giúp kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên liệu, giảm thiểu thất thoát và tối ưu chi phí sản xuất.

3. Lợi thế vị trí địa lý:

- Nhà máy Trisedco tọa lạc ngay tại trung tâm vùng nuôi và chế biến cá tra/basa lớn nhất cả nước – Đồng bằng sông Cửu Long.

- Với khoảng cách vận chuyển không quá 60 phút, phụ phẩm luôn đảm bảo độ tươi cao khi đến nhà máy.

- Điều này mang lại lợi thế đáng kể so với các nhà máy khác trong khu vực, giúp công ty tối ưu cả chi phí và chất lượng sản phẩm.

4. Chất lượng nguyên liệu vượt trội:

- Các phụ phẩm cá tra/basa tại Trisedco đều có nguồn gốc từ các đơn vị nuôi trồng theo mô hình khép kín, tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm và môi trường.

- Việc quản lý chất lượng được thực hiện đồng bộ, từ khâu thu mua đến chế biến, góp phần nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm.

5. Đảm bảo nguồn cung liên tục:

- Nhờ mối quan hệ chặt chẽ với các đối tác trong Tập đoàn Sao Mai, Trisedco luôn duy trì được nguồn nguyên liệu ổn định, kể cả trong giai đoạn cao điểm hoặc khi thị trường biến động.

- Điều này giúp công ty duy trì sản xuất liên tục, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao từ khách hàng trong và ngoài nước.

CÁC YẾU TỐ TRỌNG YẾU VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Quản lý Nguồn Nước tại Trisedco

1. Tầm quan trọng của nguồn nước trong hoạt động sản xuất:

- Nguồn nước đóng vai trò thiết yếu trong quy trình chế biến các sản phẩm chính của Trisedco, bao gồm cả việc vệ sinh thiết bị, làm sạch nguyên liệu, và các công đoạn xử lý phụ phẩm.
- Ngoài ra, nước còn được sử dụng phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày cho cán bộ công nhân viên tại nhà máy.

2. Nguồn cấp nước:

- Nước giếng khoan: Được cung cấp từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI, đảm bảo ổn định cho hoạt động sản xuất liên tục.
- Nước sinh hoạt: Do Công ty Cấp nước huyện Lấp Vò cung cấp, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cơ bản của nhân sự.

Tổng lượng nước tiêu thụ trung bình vào khoảng 300m³/ngày đêm, đáp ứng đủ cho quy mô sản xuất lớn và hoạt động vận hành của nhà máy.

3. Chính sách tiết kiệm nước:

- Cải tiến công nghệ sản xuất: Áp dụng các thiết bị tiết kiệm nước và công nghệ xử lý nước hiện đại nhằm giảm lượng nước cần dùng trong các công đoạn sản xuất.
- Kiểm soát rò rỉ: Thực hiện kiểm tra định kỳ hệ thống ống dẫn nước nhằm phát hiện và khắc phục sớm các điểm rò rỉ.

4. Quản lý và giám sát chất lượng nước:

- Để đảm bảo an toàn và chất lượng nước, Trisedco tiến hành kiểm tra thường xuyên các chỉ tiêu vi sinh, hóa lý của nguồn nước đầu vào theo tiêu chuẩn quy định.
- Hợp tác với các đơn vị kiểm định độc lập để đánh giá chất lượng nước định kỳ, đảm bảo tuân thủ đầy đủ các tiêu chuẩn môi trường và sức khỏe.

5. Xử lý nước thải:

- Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn loại A trước khi xả ra môi trường, góp phần bảo vệ nguồn tài nguyên nước và giảm thiểu tác động đến cộng đồng địa phương.

CÁC YẾU TỐ TRỌNG YẾU VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Tiêu Thụ Năng Lượng Tại Trisedco

1. Biện pháp tiết kiệm năng lượng

- Công ty luôn chú trọng sử dụng năng lượng tiết kiệm, đảm bảo trong định mức do Ban Tổng Giám đốc đề ra.

- Theo dõi, thống kê tình hình sử dụng năng lượng của từng dây chuyền sản xuất để phát hiện và điều chỉnh kịp thời các trường hợp sử dụng không hợp lý.

2. Tình hình sử dụng năng lượng

- Tiết kiệm năng lượng là mục tiêu hàng đầu nhằm giảm chi phí và bảo vệ môi trường.

- Thực hiện chính sách tiết kiệm điện, xăng, dầu như:

- Tuân thủ khẩu hiệu "tắt khi không sử dụng".

- Giới hạn thời gian sử dụng điều hòa từ 9h sáng đến 4h chiều.

3. Nguồn năng lượng sử dụng

- **Năng lượng trực tiếp:** Tiêu thụ khoảng 200.000 kWh điện/tháng cho sản xuất.

- **Năng lượng gián tiếp:** Sử dụng hơi nước bão hòa từ 2 lò hơi công suất 15 tấn/lò/giờ, đốt bằng trấu xá. Trung bình tiêu thụ khoảng 1.100 tấn trấu/tháng.



Tuân Thủ Pháp Luật Về Bảo Vệ Môi Trường Tại Trisedco

- **Tuân thủ pháp luật:** Trong năm, Trisedco không vi phạm các quy định về môi trường.

- **Đánh giá tác động môi trường:** Báo cáo ĐTM dự án "Nhà máy chế biến phụ phẩm Trisedco" được UBND tỉnh Đồng Tháp phê duyệt theo Quyết định số 456/QĐ-UBND.HC ngày 14/06/2010.

- **Xác nhận công trình bảo vệ môi trường:** Nhận Giấy xác nhận số 732/STNMT-CCBVMТ ngày 13/06/2012 về việc hoàn thành các biện pháp bảo vệ môi trường.

- **Giám sát môi trường:** Báo cáo định kỳ 6 tháng/lần và được Sở Tài nguyên Môi trường xác nhận.

- **Cam kết:** Tiếp tục cải tiến công nghệ sản xuất, quản lý chất thải và nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP:

❖ Đơn vị: Công ty TNHH Dịch Vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

- Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP.HCM

- Điện thoại: (028) 3820 5944 – 3820 5947 fax: (028) 3820 5942

- Website: aascs.com.vn

❖ Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo nhận định của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024. Báo cáo thể hiện đầy đủ các khía cạnh trọng yếu về kết quả hoạt động kinh doanh cũng như dòng lưu chuyển tiền tệ trong năm, tuân thủ đầy đủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý liên quan.

(Toàn bộ nội dung Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán và đính kèm ở phần sau Báo cáo thường niên này.)

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 03 năm 2025

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi gửi:

- Quý cổ đông công ty;
- UBCKNN, Sở GD&ĐT TPHCM (để b/c);
- Đăng website Công ty;
- Lưu VT, QHCD.





Member of MSI Global Alliance

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH
VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024



Đơn vị kiểm toán:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ MSI GLOBAL ALLIANCE
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Tel: (028) 3820 5944 - 3820 5947; Fax: (028) 3820 5942

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	
- Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 46



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600895650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 15 tháng 3 năm 2008; Đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 31 tháng 07 năm 2024.

Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du lịch An Giang; Giấy phép đăng ký kinh doanh số 5202000689 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 20 tháng 6 năm 2007.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2024 là: **692.283.410.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh, chế biến và xuất khẩu.

3. Ngành nghề kinh doanh:

San lấp mặt bằng (4312); Sản xuất vật liệu xây dựng (2391); Mua bán vật liệu xây dựng (4663); Khai thác cát, sỏi (0810); Kinh doanh dịch vụ khách sạn (5510); Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát (5610); Kinh doanh công viên cây xanh, công viên nước, vườn trại (9321); Dịch vụ vườn cảnh, non bộ, công viên, vườn thú - Kinh doanh khu vui chơi, giải trí (9329); Nuôi thủy sản (0322); Sản xuất, chế biến thực phẩm - Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản (1020); Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản (1080); Mua bán thực phẩm, thủy sản và sản phẩm thủy sản đã qua chế biến, dầu, mỡ động thực vật (4632); Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác, thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản (4620); Sản xuất, đóng hộp dầu, mỡ động, thực vật (1040); Mua bán phân bón, cám (4669); Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (2012); Đầu tư, kinh doanh khu biệt thự sinh thái, Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng (6810); Sản xuất, chế biến lương thực (1061); Sản xuất, phân phối hơi nước (3530); Sản xuất, phân phối khí ni tơ (2011); Sản xuất, phân phối khí nén (3290); Trồng lúa (0111); Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột (1062); Xây dựng công trình cấp, thoát nước (4222); Xây dựng công trình đường bộ (4212); Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí (4322); Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm (0128); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (4299); Xây dựng nhà ở (4101); Xây dựng nhà không ở (4102).

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2024 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông:	Lê Văn Chung	Chủ tịch
Ông:	Lê Thanh Thuận	Phó Chủ tịch
Ông:	Lê Quốc Mạnh	Thành viên
Bà:	Hoàng Thị Thanh	Thành viên độc lập
Ông:	Trần Hiếu	Thành viên độc lập

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN

QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông:	Lê Văn Lâm	Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Hoàng Cương	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Quốc Mạnh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà:	Lê Thành Thủy Linh	Trưởng ban
Bà:	Nguyễn Thị Thủy Linh	Thành viên
Ông:	Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên

Các thành viên của Ban Kiểm toán nội bộ bao gồm:

Bà:	Trần Thụy Thanh Thảo	Trưởng ban
Ông:	Trần Bảo Đông	Thành viên
Bà:	Mai Thanh Thúy Vy	Thành viên

Đại diện theo pháp luật:

Ông:	Lê Văn Lâm	Tổng Giám đốc
------	------------	---------------

Kế toán trưởng:

Ông:	Nguyễn Gia Thuận
------	------------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) là công ty kiểm toán cho Công ty

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty kết thúc ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



CAM KẾT KHÁC

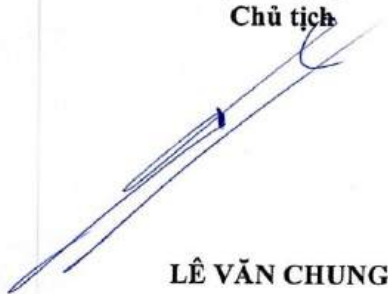
Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

Đồng Tháp, ngày 15 tháng 01 năm 2025

TM. Hội đồng Quản trị
Chủ tịch


LÊ VĂN CHUNG

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



LÊ VĂN LÂM



Số 217/BCKT/TC/2025/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản, được lập ngày 15 tháng 01 năm 2025, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty kết thúc ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám đốc



LÊ VĂN TUẤN

Số GCN ĐKHN kiểm toán: 0479-2023-142-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2025

Kiểm toán viên



ĐẶNG TÙNG HƯNG

Số GCN ĐKHN kiểm toán: 3611-2021-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.215.365.133.185	1.131.857.006.046
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	66.280.890.265	463.441.799.701
111	1. Tiền		66.280.890.265	231.241.799.701
112	2. Các khoản tương đương tiền			232.200.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.02	483.207.095.888	216.623.124.494
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		483.207.095.888	216.623.124.494
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		567.906.699.566	395.048.107.916
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03.1	416.622.868.985	358.166.637.601
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.03.2	144.148.625.825	30.666.407.622
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.05	7.324.594.806	6.215.062.693
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.06	(189.390.050)	
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	IV. Hàng tồn kho	V.07	97.970.447.466	56.715.472.359
141	1. Hàng tồn kho		97.970.447.466	56.715.472.359
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	V. Tài sản ngắn hạn khác			28.501.576
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.13		28.501.576
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ			
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND				
Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		305.770.948.103	530.743.399.032
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.898.879.835	175.898.879.835
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn	V.04		173.000.000.000
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.05	1.898.879.835	2.898.879.835
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	II. Tài sản cố định		196.336.015.479	238.101.743.862
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.09	124.623.953.764	141.847.475.854
222	- Nguyên giá		348.589.467.246	316.706.158.640
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(223.965.513.482)	(174.858.682.786)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.10	38.869.600.509	62.601.236.736
225	- Nguyên giá		62.602.397.838	94.718.592.990
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(23.732.797.329)	(32.117.356.254)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.11	32.842.461.206	33.653.031.272
228	- Nguyên giá		41.830.908.350	41.663.891.750
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(8.988.447.144)	(8.010.860.478)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.12	100.881.320.109	109.168.853.734
231	- Nguyên giá		179.693.476.502	179.693.476.502
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(78.812.156.393)	(70.524.622.768)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	V.08	4.452.987.885	4.452.987.885
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		4.452.987.885	4.452.987.885
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn			
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.201.744.795	3.120.933.716
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.13	2.201.744.795	3.120.933.716
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.521.136.081.288	1.662.600.405.078

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		620.520.944.554	820.861.959.767
310	I. Nợ ngắn hạn		620.175.558.333	795.844.829.173
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.15.1	14.582.848.845	58.094.519.384
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15.2	34.824.518.404	1.487.883.214
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	6.799.692.544	8.062.214.742
314	4. Phải trả người lao động			812.526.850
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	897.178.877	1.340.020.397
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	979.000.000	890.000.000
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.14	560.303.667.756	721.059.976.710
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	V.19		2.022.226.343
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.788.651.907	2.075.461.533
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	II. Nợ dài hạn		345.386.221	25.017.130.594
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác			
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.14	345.386.221	25.017.130.594
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.20	900.615.136.734	841.738.445.311
410	I. Vốn chủ sở hữu		890.351.751.634	831.475.060.211
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		692.283.410.000	629.351.040.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		692.283.410.000	629.351.040.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần			
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		18.171.936.401	17.671.936.401
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		14.021.013.335	13.521.013.335
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		14.021.013.335	13.521.013.335
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		151.854.378.563	157.410.057.140
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		92.977.687.140	82.096.512.456
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		58.876.691.423	75.313.544.684
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	V.22	10.263.385.100	10.263.385.100
431	1. Nguồn kinh phí		10.263.385.100	10.263.385.100
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.521.136.081.288	1.662.600.405.078

Đồng Tháp, ngày 15 tháng 01 năm 2025

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

LƯU TRẦN TẤN

NGUYỄN GIA THUẬN



LÊ VĂN LÂM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Đơn vị tính: VND				
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	2.938.534.598.760	2.939.736.406.597
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu			
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.938.534.598.760	2.939.736.406.597
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.02	2.853.646.191.584	2.813.913.995.924
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		84.888.407.176	125.822.410.673
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.03	35.704.720.288	49.746.173.329
22	7. Chi phí tài chính	VI.04	38.865.683.546	68.675.993.454
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		35.660.729.653	60.897.297.334
24	8. Chi phí bán hàng	VI.05	6.162.323.586	8.289.163.967
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.05	10.003.400.961	13.410.952.272
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		65.561.719.371	85.192.474.309
31	11. Thu nhập khác	VI.06	27.360.908	730.020.000
32	12. Chi phí khác	VI.07	45.502.462	2.616.337.716
40	13. Lợi nhuận khác		(18.141.554)	(1.886.317.716)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		65.543.577.817	83.306.156.593
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.09	6.666.886.394	7.992.611.909
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		58.876.691.423	75.313.544.684
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	898	1.433
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.11	898	1.433

Đồng Tháp, ngày 15 tháng 01 năm 2025

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



LÊ VĂN LÂM

Người lập biểu

LƯU TRẦN TẤN

Kế toán trưởng

NGUYỄN GIA THUẬN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		65.543.577.817	83.306.156.593
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		50.632.846.608	49.558.904.619
03	- Các khoản dự phòng		189.390.050	(367.237.833)
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.465.101.306	(5.922.608.702)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(32.866.827.986)	(40.910.890.753)
06	- Chi phí lãi vay		35.660.729.653	60.897.297.334
07	- Các khoản điều chỉnh khác			
	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		120.624.817.448	146.561.621.258
08	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(170.021.533.396)	264.266.699.499
09	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(41.254.975.107)	22.718.891.957
10	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(12.408.083.345)	(54.539.480.549)
11	- Tăng, giảm chi phí trả trước		947.690.497	(1.822.328.154)
12	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
13	- Tiền lãi vay đã trả		(36.081.884.172)	(61.001.754.501)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.859.747.988)	(8.569.313.392)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		56.160.000	
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(342.969.626)	
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(146.340.525.689)	307.614.336.118
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(404.374.640)	(3.931.101.038)
22	- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		27.350.908	
23	- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(634.600.000.000)	(823.500.000.000)
24	- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		541.532.880.967	807.255.585.973
25	- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			6.418.973.891
27	- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		30.330.758.847	41.547.297.734
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(63.113.383.918)	27.790.756.560

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	- Tiền thu từ đi vay		1.729.430.812.592	2.177.863.136.048
34	- Tiền trả nợ gốc vay		(1.897.238.470.922)	(2.250.269.199.609)
35	- Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(19.439.475.400)	(29.314.613.035)
36	- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(187.247.133.730)	(101.720.676.596)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(396.701.043.337)	233.684.416.082
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		463.441.799.701	229.855.953.679
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(459.866.099)	(98.570.060)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		66.280.890.265	463.441.799.701

Người lập biểu



LƯU TRẦN TẤN

Kế toán trưởng



NGUYỄN GIA THUẬN

Đồng Tháp, ngày 15 tháng 01 năm 2025

TM. Ban Tổng Giám đốc



LÊ VĂN LÂM




BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600895650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 15 tháng 3 năm 2008; Đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 31 tháng 07 năm 2024.

Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du lịch An Giang; Giấy phép đăng ký kinh doanh số 5202000689 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 20 tháng 6 năm 2007.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2024 là: **692.283.410.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh, chế biến và xuất khẩu.

3. Ngành nghề kinh doanh

San lấp mặt bằng (4312); Sản xuất vật liệu xây dựng (2391); Mua bán vật liệu xây dựng (4663); Khai thác cát, sỏi (0810); Kinh doanh dịch vụ khách sạn (5510); Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát (5610); Kinh doanh công viên cây xanh, công viên nước, vườn trại (9321); Dịch vụ vườn cảnh, non bộ, công viên, vườn thú - Kinh doanh khu vui chơi, giải trí (9329); Nuôi thủy sản (0322); Sản xuất, chế biến thực phẩm - Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản (1020); Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản (1080); Mua bán thực phẩm, thủy sản và sản phẩm thủy sản đã qua chế biến, dầu, mỡ động thực vật (4632); Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác, thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản (4620); Sản xuất, đóng hộp dầu, mỡ động, thực vật (1040); Mua bán phân bón, cám (4669); Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (2012); Đầu tư, kinh doanh khu biệt thự sinh thái, Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng (6810); Sản xuất, chế biến lương thực (1061); Sản xuất, phân phối hơi nước (3530); Sản xuất, phân phối khí ni tơ (2011); Sản xuất, phân phối khí nén (3290); Trồng lúa (0111); Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột (1062); Xây dựng công trình cấp, thoát nước (4222); Xây dựng công trình đường bộ (4212); Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí (4322); Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm (0128); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (4299); Xây dựng nhà ở (4101); Xây dựng nhà không ở (4102).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không có

6. Số lượng lao động tại ngày 31/12/2024: 80 lao động. Tại ngày 01/01/2024 là 83 lao động.

7. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách công ty con:

Không có

- Danh sách công ty liên doanh, liên kết bao gồm:

Không có

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

+ Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

+ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

4 . Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- **Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

5 . Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

- **Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6 . Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tồn thất do giảm giá trị.

7 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

8 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

9 . Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

10 . Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

11 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12 . Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn số dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

13 . Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

14 . Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

15 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

16 . Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

17 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

18 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

19 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành của kỳ hiện tại và các kỳ trước nếu chưa nộp được ghi nhận là nợ phải trả. Nếu giá trị đã nộp trong kỳ hiện tại và các kỳ trước vượt quá số phải nộp cho các kỳ đó, thì phần nộp thừa sẽ được ghi nhận là tài sản.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 511 21 000 091 chứng nhận lần đầu ngày 11 tháng 05 năm 2011 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp cho dự án đầu tư "Nhà máy bột cá Trisedco", Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong 10 năm (Theo thông tư 78/2014/TT-BTC, ngày 18/06/2014, hướng dẫn nghị định số 128/2013/NĐ-CP, ngày 26/12/2013, từ ngày 01/01/2016 áp dụng thuế suất 17%, thay cho việc đang áp dụng thuế suất là 20%). Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2012) và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo (từ năm 2014 đến năm 2017). Từ năm 2015, Công ty lựa chọn áp dụng ưu đãi thuế TNDN theo ngành nghề (Theo Khoản 4 Điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC, ngày 22/06/2015) cụ thể như sau: Thuế suất 10% trên thu nhập của phần sản xuất của Nhà máy và thuế suất phổ thông (Năm 2015 thuế suất là 22%, từ năm 2016 thuế suất là 20%) trên thu nhập của phần thương mại và dịch vụ.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

20 . Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

21 . Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22 . Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	16.635.165	17.841.104
Tiền gửi không kỳ hạn	66.264.255.100	231.223.958.597
- Tiền gửi (VND)	65.363.959.482	221.026.984.487
- Tiền gửi (USD)	900.295.618	10.196.974.110
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn)		232.200.000.000
Cộng	66.280.890.265	463.441.799.701



02 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a1) Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (VND)	483.207.095.888	483.207.095.888	216.623.124.494	216.623.124.494
+ Ngân hàng VCB	483.207.095.888	483.207.095.888	216.623.124.494	216.623.124.494
+ Ngân hàng ACB - CN Sa Đéc	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
+ Ngân hàng Hàng Hải	5.157.095.888	5.157.095.888	13.534.794.520	13.534.794.520
+ Ngân hàng BIDV Bến Nghé	194.300.000.000	194.300.000.000		
+ Ngân hàng CTBC	40.000.000.000	40.000.000.000	13.939.840.000	13.939.840.000
+ Ngân hàng Nam Á			3.498.489.974	3.498.489.974
+ Ngân hàng PBCE	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
+ Ngân hàng VP bank	24.150.000.000	24.150.000.000	21.150.000.000	21.150.000.000
+ Ngân hàng HD bank			58.800.000.000	58.800.000.000
+ Ngân hàng TP bank	5.000.000.000	5.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
+ Ngân hàng Sacombank	147.000.000.000	147.000.000.000	39.000.000.000	39.000.000.000
+ Ngân hàng INDOVINA	25.600.000.000	25.600.000.000	14.700.000.000	14.700.000.000
+ Ngân hàng Woori	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000
a2) Dài hạn				
Cộng	483.207.095.888	483.207.095.888	216.623.124.494	216.623.124.494



03.1 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

a) Ngắn hạn

Bên khác

+ Công ty CP Dầu cá Châu Á

+ Công ty CP XK Thủy Hải Sản Sạch

+ China National Township Enterprises Corporation

+ Guangdong Streamlink Agrotech Co., LTD

+ Topmont International Trade Co., LTD

+ Đối tượng khác

Bên liên quan (*)

+ Công ty TNHH Sao Mai Super Feed

b) Dài hạn

Cộng

(*) Ghi chú: Số liệu trình bày Bên liên quan đầu năm được phân loại lại cho phù hợp với số liệu cuối năm

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Xem thuyết minh VIII.03

03.2 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

a) Ngắn hạn

+ Công ty CP Dầu Cá Châu Á

+ Công ty CP XK Thủy Hải Sản Sạch

+ Công ty TNHH MTV Kiểm định & Đầu tư toàn cầu

+ Khác

b) Dài hạn

Cộng

04 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

a) Ngắn hạn

b) Dài hạn

Bên liên quan

+ Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai (*)

Cộng

(*) Theo hợp đồng cho vay số 01.HĐCVV/2022 ngày 03/01/2022 và Phụ lục số 01 ngày 01/11/2022 cho Công ty CP Tập đoàn Sao Mai vay vốn với số tiền cụ thể theo từng lần vay, lãi suất áp dụng 8%/năm, thời hạn vay là trên 12 tháng.

05 . PHẢI THU KHÁC

a) Ngắn hạn

Tạm ứng

Phải thu khác

+ Lãi tiền gửi dự thu

+ Công ty cho thuê tài chính

TNHH MTV NHTMCP Công

Thương VN

+ Trả trước tiền BHXH

b) Dài hạn

Ký cược, ký quỹ

Cộng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	7.324.594.806		6.215.062.693	
Tạm ứng	214.947.506		619.130.846	
Phải thu khác	7.109.647.300		5.595.931.847	
+ Lãi tiền gửi dự thu	6.409.301.175		4.410.009.910	
+ Công ty cho thuê tài chính	557.978.125		1.185.921.937	
TNHH MTV NHTMCP Công				
Thương VN				
+ Trả trước tiền BHXH	142.368.000			
b) Dài hạn	1.898.879.835		2.898.879.835	
Ký cược, ký quỹ	1.898.879.835		2.898.879.835	
Cộng	9.223.474.641		9.113.942.528	

06 . NỢ XẤU

Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Ứng trước cho nhà cung cấp				
Zhejiang Long Yuan Sifang Co.,LTD	189.390.050		189.390.050	189.390.050
Cộng	189.390.050		189.390.050	189.390.050

07 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	1.462.360.141		587.154.955	
- Thành phẩm	44.641.053.554		38.593.260.981	
- Hàng hóa	51.867.033.771		17.535.056.423	
Cộng	97.970.447.466		56.715.472.359	

Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

08 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

b) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản

+ Máy lý tâm

Chi phí khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản	4.452.987.885	4.452.987.885
+ Máy lý tâm	4.452.987.885	4.452.987.885
Chi phí khác		
Cộng	4.452.987.885	4.452.987.885

09 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	77.617.184.809	231.575.429.276	7.268.227.181	245.317.374		316.706.158.640
2. Số tăng trong năm		32.528.763.152				32.528.763.152
- Mua trong năm		337.568.000				337.568.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính		32.191.195.152				32.191.195.152
3. Số giảm trong năm			645.454.546			645.454.546
- Chuyển bán, thanh lý			645.454.546			645.454.546
4. Số dư cuối năm	77.617.184.809	264.104.192.428	6.622.772.635	245.317.374		348.589.467.246
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	45.357.496.441	122.543.882.913	6.800.710.220	156.593.212		174.858.682.786
2. Khấu hao trong năm	3.758.561.724	45.673.605.382	291.647.020	28.471.116		49.752.285.242
- Khấu hao trong năm	3.758.561.724	20.539.191.792	291.647.020	28.471.116		24.617.871.652
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính		25.134.413.590				25.134.413.590
3. Giảm trong năm			645.454.546			645.454.546
- Chuyển bán, thanh lý			645.454.546			645.454.546
- Phân loại lại						
4. Số dư cuối năm	49.116.058.165	168.217.488.295	6.446.902.694	185.064.328		223.965.513.482
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	32.259.688.368	109.031.546.363	467.516.961	88.724.162		141.847.475.854
2. Tại ngày cuối năm	28.501.126.644	95.886.704.133	175.869.941	60.253.046		124.623.953.764

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 92.409.468.088 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 59.826.999.269 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND



10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

LANG, GIAM TAI SAN CO DINH THUE TAI CHINH						Đơn vị tính: VND
Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	11.070.071.709	83.648.521.281				94.718.592.990
2. Số tăng trong năm						
- Thuê tài chính trong năm						
- Tăng khác						
3. Số giảm trong năm		32.116.195.152				32.116.195.152
- Thanh lý TSCĐ thuê tài chính		32.116.195.152				32.116.195.152
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	11.070.071.709	51.532.326.129				62.602.397.838
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	4.969.795.311	27.147.560.943				32.117.356.254
2. Khấu hao trong năm	2.592.936.690	14.156.917.975				16.749.854.665
- Khấu hao trong năm	2.592.936.690	14.156.917.975				16.749.854.665
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính						
- Tăng khác						
3. Giảm trong năm		25.134.413.590				25.134.413.590
- Thanh lý TSCĐ thuê tài chính		25.134.413.590				25.134.413.590
- Phân loại lại						
4. Số dư cuối năm	7.562.732.001	16.170.065.328				23.732.797.329
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	6.100.276.398	56.500.960.338				62.601.236.736
2. Tại ngày cuối năm	3.507.339.708	35.362.260.801				38.869.600.509

Ghi chú:

- Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm: 1.538.212.589 VND
- Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm: Các hợp đồng thuê tài chính.
- Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản: Sau khi kết thúc hợp đồng thuê tài chính, bên thuê có quyền mua lại tài sản theo thỏa thuận trong hợp đồng.

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Đơn vị tính: VND					
Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	41.603.891.750			60.000.000	41.663.891.750
2. Số tăng trong năm				167.016.600	167.016.600
- Mua trong năm				167.016.600	167.016.600
- Tặng khác					
3. Số giảm trong năm					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư					
4. Số dư cuối năm	41.603.891.750			227.016.600	41.830.908.350
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	7.950.860.478			60.000.000	8.010.860.478
2. Khấu hao trong năm	963.668.616			13.918.050	977.586.666
- Khấu hao trong năm	963.668.616			13.918.050	977.586.666
- Tặng khác					
3. Giảm trong năm					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư					
4. Số dư cuối năm	8.914.529.094			73.918.050	8.988.447.144
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	33.653.031.272				33.653.031.272
2. Tại ngày cuối năm	32.689.362.656			153.098.550	32.842.461.206

Ghi chú:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 60.000.000 VND
- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 32.390.291.056 VND



12. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
a) BĐS đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	179.693.476.502			179.693.476.502
- Quyền sử dụng đất	17.254.727.273			17.254.727.273
- Nhà	162.438.749.229			162.438.749.229
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị hao mòn lũy kế	70.524.622.768	8.287.533.625		78.812.156.393
- Quyền sử dụng đất	3.527.312.430	392.211.852		3.919.524.282
- Nhà	66.997.310.338	7.895.321.773		74.892.632.111
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại	109.168.853.734			100.881.320.109
- Quyền sử dụng đất	13.727.414.843			13.335.202.991
- Nhà	95.441.438.891			87.546.117.118
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
b) BĐS đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				

- Giá trị còn lại cuối năm của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 60.967.174.244 VND
- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: 10.744.100.207 VND

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn - VNĐ (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Đồng Tháp	30.000.000.000	29.979.512.000		
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đồng Tháp	39.170.285.000	54.923.642.000		
Ngân hàng WOORI Việt Nam	49.490.620.000	65.000.000.000		
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN An Giang	14.937.000.000	4.937.000.000		
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN An Giang	22.350.000.000			
Vay ngắn hạn - USD				
	Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
	74.616.835.700	74.616.835.700	89.085.553.700	26.678.718.000
				12.210.000.000

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn - USD

Ngân hàng TMCP Nam Á Cần Thơ	Số cuối năm	Số đầu năm
	74.616.835.700	12.210.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN An Giang		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bến Nghé	22.135.975.985	
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Đồng Tháp	30.155.290.200	

b) Các khoản nợ thuế tài chính đã thanh toán

Thời hạn	Năm nay		Năm trước	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	20.871.775.468	1.432.300.068	11.875.555.735	614.898.516
Trên 1 năm đến 5 năm	105.912.521	105.912.521	22.063.168.522	18.053.955.816
Cộng	20.977.687.989	1.538.212.589	33.938.724.257	29.314.613.035

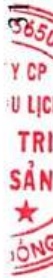


c) Giá trị nợ thuế tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc
Ngắn hạn				
Gốc nợ thuế tài chính	5.989.844.734	5.989.844.734		
Lãi thuế tài chính phải trả	5.989.844.734	5.989.844.734		
Dài hạn				
Gốc nợ thuế tài chính	345.386.221	345.386.221	25.017.130.594	25.017.130.594
Lãi thuế tài chính phải trả	345.386.221	345.386.221	25.017.130.594	25.017.130.594
Cộng	6.335.230.955	6.335.230.955	25.017.130.594	25.017.130.594

d) Số vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán: Không có

e) Các khoản vay và nợ thuế tài chính đối với các bên liên quan: Không có



Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chi tiết các khoản vay tại ngày 31/12/2024

Bên cho vay	Hợp đồng/Phụ lục	Hạn mức/Số tiền vay		Dự nợ vay		Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất (%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
		USD	VND	USD	VND (Đã bao gồm quy đổi USD)				
Ngân hàng TMCP Nam Á	0287/2024/603-CV		100.000.000.000	500.000	12.775.500.000	6	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Tiền gửi + Cổ phiếu
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	112-00023613.14093/2024/HĐTD		70.000.000.000	373.765	9.550.069.515	3	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Tiền gửi
					14.937.000.000	12		Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Tiền gửi
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	01/2024/4956478/HĐTD		400.000.000.000	866.344,8	22.135.975.985	6	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Tiền gửi + Bất động sản
					237.825.055.396			Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Tiền gửi + Bất động sản
Ngân hàng TMCP Á Châu	SDE.DN.1672.070624		73.400.000.000	1.180.200	30.155.290.200	6	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Tiền gửi + Bất động sản
					16.510.000.000			Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Tiền gửi + Bất động sản
Ngân hàng TNHH MTV WOORI Việt Nam	VN123002861/WBVN 303		85.000.000.000		49.490.620.000	11	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Tiền gửi + Bất động sản
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	442/2023/HĐTD/AGG		100.000.000.000		22.350.000.000	3	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Bất động sản
Ngân hàng TMCP Phát Triển TPHCM	37243/22MN/HĐTD		90.000.000.000		261.043.500	6	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Tiền gửi + Cổ phiếu
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	75/2023/V/CB.ĐT-CRC		30.000.000.000		30.000.000.000	6	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Tiền gửi + Cổ phiếu

ĐIỀU CHỈNH TÀI KHOẢN VỐN
HẠP
M.S.D.
32
030

Chi tiết các khoản vay tại ngày 31/12/2024

Bên cho vay	Hợp đồng/Phụ lục	Hạn mức/Số tiền vay		Dự nợ vay		Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất (%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
		USD	VND	USD	VND (Đã bao gồm quy đổi USD)				
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	268/2024-HĐCVHM/NHCT720-TRISED CO		55.000.000.000		39.170.285.000	6	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Trái phiếu và bất động sản
		3.000.000			69.152.983.426	5	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Ký quỹ tiền
Tổng ngân hạn		3.000.000	1.003.400.000.000	2.920.309,8	554.313.823.022				
Công ty CTTC VIETINBANK LEASING									
	72/2019/CN.MN-CTTC		49.262.765.960	-	2.995.905.000			Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Ký cược
Công ty CTTC CHAILEASE LEASING		-	13.549.974.933	-	3.339.325.955	63	9,50%		
	C2201170C2		8.634.655.933		2.417.703.649	50	7,48%	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Ký cược
	C2211008C2		4.915.319.000		921.622.306	32	7,96%	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Ký cược
Tổng dài hạn		-	62.812.740.893	-	6.335.230.955				

33

ÁP

IA

Đ

33

1729

ÔNG TY

FNHH

VỤ TƯ V

INH KẾ

KIỂM TO

PHÍA NAM

T.P HỒ

15.1 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	14.582.848.845	14.582.848.845	58.094.519.384	58.094.519.384
Bên khác	13.538.949.845	13.538.949.845	58.084.119.984	58.084.119.984
- Công ty Cổ phần Xuất Khẩu Thủy Hải Sản Sạch	11.008.030.089	11.008.030.089	11.006.530.179	11.006.530.179
- Công ty TNHH MTV Kiểm định & Đầu tư Toàn Cầu			46.213.547.000	46.213.547.000
- Đối tượng khác	2.530.919.756	2.530.919.756	864.042.805	864.042.805
Bên liên quan (*)	1.043.899.000	1.043.899.000	10.399.400	10.399.400
- Công ty CP Du lịch An Giang	7.099.000	7.099.000	10.399.400	10.399.400
- Công ty CP Đầu tư và phát triển đa quốc gia I.D.I	1.036.800.000	1.036.800.000		
b) Dài hạn				
Cộng	14.582.848.845	14.582.848.845	58.094.519.384	58.094.519.384

(*) Ghi chú: Số liệu trình bày Bên liên quan đầu năm được phân loại lại cho phù hợp với số liệu cuối năm

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản nợ quá hạn chưa thanh toán

d) Phải trả người bán là các bên liên quan: Xem thuyết minh VIII.03

15.2 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	34.824.518.404	1.487.883.214
- Công ty Cổ phần Xuất Khẩu Thủy Hải Sản Sạch	14.110.929.380	
- Công ty TNHH CNSL INDUSTRIAL	19.500.000.000	
- Khác	1.213.589.024	1.487.883.214
b) Dài hạn		
Cộng	34.824.518.404	1.487.883.214



16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT	135.464.930	1.190.867.288	1.241.233.941	85.098.277
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.860.958.341	6.666.886.394	7.859.747.988	6.668.096.747
Thuế thu nhập cá nhân	65.791.471	108.472.000	127.765.951	46.497.520
Thuế, phí, lệ phí khác		3.000.000	3.000.000	
Cộng	8.062.214.742	7.969.225.682	9.231.747.880	6.799.692.544

Ghi chú:

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Đơn vị tính: VND

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

a) Ngắn hạn

Lãi vay trích trước

b) Dài hạn

Cộng

Số cuối năm

897.178.877

897.178.877

897.178.877

Số đầu năm

1.340.020.397

1.340.020.397

1.340.020.397

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

a) Ngắn hạn

Kinh phí công đoàn

Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn

b) Dài hạn

Cộng

Số cuối năm

979.000.000

89.000.000

890.000.000

979.000.000

Số đầu năm

890.000.000

890.000.000

890.000.000

19 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

a) Ngắn hạn

Dự phòng phải trả tiền lương

b) Dài hạn

Cộng

Số cuối năm

Số đầu năm

2.022.226.343

2.022.226.343

2.022.226.343

5011729
 CÔNG TY
 TNHH
 CH VU TƯ
 CHÍNH KẾ
 KIỂM TỐ
 PHÍA NAI
 - T.P HỒ

CH
 KIỂM
 N
 G THÁP

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của CSH	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	629.351.040.000	10.787.990.816	10.787.990.816	14.938.913.882	90.162.716.092	756.028.651.606
Lãi trong năm trước					75.313.544.684	75.313.544.684
Tăng do trích lập từ lợi nhuận		2.733.022.519	2.733.022.519	2.733.022.519	(8.199.067.557)	
Tăng khác					225.034.481	225.034.481
Trích quỹ từ lợi nhuận						
Lỗ trong năm trước						
Chia cổ tức						
Thù lao hội đồng quản trị						
Giảm khác					(92.170.560)	(92.170.560)
Số dư đầu năm nay	629.351.040.000	13.521.013.335	13.521.013.335	17.671.936.401	157.410.057.140	831.475.060.211
Tăng vốn năm nay (*)	62.932.370.000					62.932.370.000
Lãi trong năm nay					58.876.691.423	58.876.691.423
Tăng do trích từ lợi nhuận (**)		500.000.000	500.000.000	500.000.000	(1.500.000.000)	
Tăng khác						
Trích quỹ từ lợi nhuận						
Giảm vốn trong năm nay						
Lỗ trong năm nay						
Chia cổ tức (*)					(62.932.370.000)	(62.932.370.000)
Giảm khác						
Số dư cuối năm nay	692.283.410.000	14.021.013.335	14.021.013.335	18.171.936.401	151.854.378.563	890.351.751.634

(*) Theo Nghị quyết số 0522/2024/NQ-HĐQT ngày 22/05/2024, Công ty thông qua việc chia cổ tức bằng cổ phiếu với tổng giá trị phát hành thêm là 62.932.370.000 VND, theo đó Công ty sẽ tăng vốn từ 629.351.040.000 VND lên 692.283.410.000 VND. Việc tăng vốn nói trên đã được công ty thực hiện thành công và được Sở giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh chấp thuận thay đổi niêm yết theo Quyết định số 457/QĐ-SGDHCM ngày 29/07/2024.

(**) Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ - ĐHĐCĐ ngày 22/04/2024 thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau: Trích Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp số tiền là 500.000.000 đồng, trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu số tiền là 500.000.000 đồng, trích quỹ đầu tư phát triển số tiền là 500.000.000 đồng.



20 . 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số cuối năm	%	Số đầu năm	%
Vốn góp của công ty mẹ	548.613.400.000	79,25%	498.739.460.000	79,25%
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa quốc gia I.D.I	548.613.400.000	79,25%	498.739.460.000	79,25%
Vốn góp của các đối tượng khác	143.670.010.000	20,75%	130.611.580.000	20,75%
Cộng	692.283.410.000	100,00%	629.351.040.000	100,00%

20 . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	629.351.040.000	460.054.130.000
- Vốn góp tăng trong năm	62.932.370.000	169.296.910.000
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	692.283.410.000	629.351.040.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	62.932.370.000	

20 . 4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	69.228.341	62.935.104
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	69.228.341	62.935.104
- Cổ phiếu phổ thông	69.228.341	62.935.104
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.228.341	62.935.104
- Cổ phiếu phổ thông	69.228.341	62.935.104
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

20 . 5. Các quỹ của công ty:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	18.171.936.401	17.671.936.401
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	14.021.013.335	13.521.013.335
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	14.021.013.335	13.521.013.335
Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.788.651.907	2.075.461.533

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dollar Mỹ (USD)	35.653,86	423.462,38
- Bảng Anh (EUR)		

b) Các thông tin khác về các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán: Không có

22 . NGUỒN KINH PHÍ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguồn kinh phí	10.263.385.100	10.263.385.100

Đây là nguồn kinh phí Bộ KH và CN cấp cho Công ty để thực hiện dự án "Hoàn thiện công nghệ và thiết bị sản xuất bột cá và bột nôm từ phụ phẩm cá tra".

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị tính: VND

a) Doanh thu

Doanh thu bán hàng

2.895.567.645.408

2.885.221.271.975

Doanh thu dịch vụ

42.966.953.352

54.515.134.622

Cộng

2.938.534.598.760

2.939.736.406.597

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Xem thuyết minh VIII.03

02. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn của hàng hóa đã bán

2.809.227.475.222

2.770.965.183.269

Giá vốn dịch vụ

44.418.716.362

42.948.812.655

Cộng

2.853.646.191.584

2.813.913.995.924

03. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Lãi tiền gửi

18.996.934.078

30.718.406.753

Lãi cho vay

13.842.543.000

10.192.484.000

Lãi chênh lệch tỷ giá

2.865.243.210

8.835.282.576

Cộng

35.704.720.288

49.746.173.329

04. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Lãi tiền vay

35.660.729.653

60.897.297.334

Lỗ chênh lệch tỷ giá

3.204.953.893

8.145.930.062

Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính và tổn thất đầu tư

(367.237.833)

Lỗ do bán khoản đầu tư

3.891

Cộng

38.865.683.546

68.675.993.454

05. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

05.1. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên

2.094.168.390

1.639.753.250

Chi phí nguyên, vật liệu

70.300.240

14.168.000

Chi phí dịch vụ mua ngoài

3.640.954.299

6.123.242.780

Các khoản chi phí bán hàng khác

356.900.657

511.999.937

Cộng

6.162.323.586

8.289.163.967

05.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên

3.954.491.907

6.235.392.700

Chi phí công cụ, dụng cụ

20.730.204

40.905.736

Chi phí khấu hao

260.489.013

229.676.459

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

189.390.050

Chi phí dịch vụ mua ngoài

2.227.922.243

2.052.501.715

Thuế, phí, lệ phí

23.202.207

284.259.792

Các khoản chi phí QLDN khác

3.327.175.337

4.568.215.870

Cộng

10.003.400.961

13.410.952.272

06 . THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	27.350.908	
Các khoản khác	10.000	730.020.000
Cộng	27.360.908	730.020.000

07 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Các khoản bị phạt	43.502.462	264.026.919
Các khoản khác	2.000.000	2.352.310.797
Cộng	45.502.462	2.616.337.716

08 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên, vật liệu	314.955.340.753	428.581.444.097
Chi phí nhân công	10.207.578.047	10.921.839.300
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.632.846.608	49.558.904.619
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.846.391.032	12.586.944.690
Chi phí khác bằng tiền	4.652.514.206	7.994.214.553
Cộng	391.294.670.646	509.643.347.259

09 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.666.886.394	7.992.611.909
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.666.886.394	7.992.611.909

10 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	58.876.691.423	75.313.544.684
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	65.583.078	55.909.177
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	898	1.347

11 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	58.876.691.423	75.313.544.684
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm		
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	65.583.078	55.909.177
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	898	1.347

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BC lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

3. Số tiền đi vay thực thu trong năm

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

Năm nay

Năm trước

1.729.430.812.592

2.177.863.136.048

4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Năm nay

Năm trước

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:

1.897.238.470.922

2.250.269.199.609

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

02. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

03. Thông tin về các bên liên quan

a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

- Thu nhập và thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt

		Năm nay	Năm trước
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt		1.725.915.000	1.643.127.000
- Lê Văn Lâm	Tổng Giám đốc	804.042.000	743.342.000
- Lê Hoàng Cương	Phó Tổng giám đốc	460.890.000	452.650.000
- Lê Quốc Mạnh	Phó Tổng giám đốc	460.983.000	447.135.000
Thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt		707.500.000	583.200.000
- Lê Văn Chung	Chủ tịch HĐQT	360.000.000	324.000.000
- Nguyễn Văn Hưng	Phó Chủ tịch HĐQT	72.000.000	64.800.000
- Lê Thanh Thuận	Phó Chủ tịch HĐQT	21.000.000	64.800.000
- Hoàng Thị Thanh	Thành viên HĐQT	72.000.000	64.800.000
- Trần Hiếu	Thành viên HĐQT	72.000.000	64.800.000
- Lê Quốc Mạnh	Thành viên HĐQT	51.000.000	
- Lê Thành Thủy Linh	Trưởng BKS	25.500.000	
- Nguyễn Thị Thủy Linh	Thành viên BKS	17.000.000	
- Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên BKS	17.000.000	

b. Giao dịch với các bên liên quan khác:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa quốc gia I.D.I

Công ty mẹ

Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai

Công ty CP Tập đoàn Sao Mai là công ty mẹ của Công ty CP Đầu tư & phát triển Đa quốc gia IDI

Công ty TNHH Sao Mai Super Feed

Thành viên cùng Tập đoàn Sao Mai

Công ty CP Du lịch An Giang

Thành viên cùng Tập đoàn Sao Mai

Công ty CP Du lịch Đồng Tháp

Thành viên cùng Tập đoàn Sao Mai

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
+ Công ty CP Đầu Tư và PT Đa Quốc Gia I.D.I :			
	- Phí xử lý nước thải	224.675.188	226.976.906
	- Thuê dây chuyền chiết chai	2.112.480.000	2.249.040.000
	- Trả tiền thuê dây chuyền chiết chai	1.075.680.000	2.249.040.000
	- Trả tiền phí xử lý nước thải	224.675.188	226.976.906
	- Cho mượn tiền		53.000.000.000
	- Thu lại tiền mượn		53.000.000.000
	- Mượn tiền	9.000.000.000	15.000.000.000
	- Trả lại tiền mượn	9.000.000.000	15.000.000.000
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai			
	- Cho mượn tiền	46.000.000.000	40.192.484.000
	- Thu lại tiền mượn	46.000.000.000	40.192.484.000
	- Cho vay	26.700.000.000	214.700.000.000
	- Thu lại tiền cho vay	199.700.000.000	85.000.000.000
	- Lãi tiền vay	13.842.543.000	10.192.484.000
	- Thu tiền lãi cho vay	13.842.543.000	10.192.484.000
+ Công ty TNHH Sao Mai Super Feed			
	- Tiền bán bột cá	32.519.853.000	18.055.894.000
	- Tiền thu từ bán bột cá	39.350.858.000	11.224.889.000
	- Tiền thuê văn phòng	1.306.800.000	1.306.800.000
	- Trả tiền thuê văn phòng	1.306.800.000	1.306.800.000
+ Công ty CP Du lịch An Giang			
	- Tiền ăn uống, khách sạn, chi phí tham quan	245.031.585	131.564.890
	- Trả tiền dịch vụ	248.331.985	121.165.490
+ Công ty CP Du lịch Đồng Tháp			
	- Phí tham quan du lịch	138.780.000	
	- Trả tiền phí tham quan du lịch	138.780.000	

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản công nợ với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản phải thu			
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	- Cho vay		173.000.000.000
+ Công ty TNHH Sao Mai Super Feed	- Tiền bán bột cá		6.831.005.000

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản công nợ với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các khoản phải trả	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công ty CP Đầu Tư và PT Đa Quốc Gia I.D.I :			
	- Tiền thuê dây chuyền	1.036.800.000	
+ Công ty CP Du lịch An Giang			
	- Tiền thức ăn, nước uống	7.099.000	10.399.400



04 - Thông tin bộ phận

a. Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài

- Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm nay			Năm trước		
	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.755.492.398.432	183.042.200.328	2.938.534.598.760	2.556.445.342.822	383.291.063.775	2.939.736.406.597
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận						
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.755.492.398.432	183.042.200.328	2.938.534.598.760	2.556.445.342.822	383.291.063.775	2.939.736.406.597
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	59.699.251.382	25.189.155.794	84.888.407.176	38.383.479.794	87.438.930.879	125.822.410.673
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	(15.267.914.062)	(897.810.485)	(16.165.724.547)	(21.087.878.136)	(612.238.103)	(21.700.116.239)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			68.722.682.629			104.122.294.434
Doanh thu hoạt động tài chính			35.704.720.288			49.746.173.329
Chi phí tài chính			(38.865.683.546)			(68.675.993.454)
Thu nhập khác			27.360.908			730.020.000
Chi phí khác			(45.502.462)			(2.616.337.716)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(6.666.886.394)			(7.992.611.909)
Lợi nhuận sau thuế TNDN			58.876.691.423			75.313.544.684
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			404.374.640			3.931.101.038
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			52.045.529.418			50.509.572.876



05 . Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

06 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Đồng Tháp, ngày 15 tháng 01 năm 2025

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

LƯU TRẦN TẤN

NGUYỄN GIA THUẬN



LÊ VĂN LÂM

